ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Digitally signed by CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG, L=AN GIANG, UID=MST:1600194461, E=QUANGTHANH.KOVIE@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.11 16:40:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

(Giấy chứng nhận ĐKKD: 1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 01/04/2011, thay đổi lần 13 ngày 05/5/2026)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 614.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2026)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ : Số 2045, đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang

Điện thoại : 0296 3932963 Fax: 0296 3932981

Website : www.afiex.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng, TP. Hà Nội

Điện thoại : 1900 633 059

Website : www.capitalsc.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Phạm Thị Ngọc Diễm

Chức vụ: Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin

Điện thoại: 0918619551

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

(Giấy chứng nhận ĐKKD: 1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 01/04/2011, thay đổi lần 13 ngày 05/5/2026)

- *Địa chỉ* : Số 2045, đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang
- *Điện thoại* : 0296 3932963 *Fax:* 0296 3932981
- *Email* : xnknstpag@afiex.com.vn
- *Website* : www.afiex.com.vn

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: AFX
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 35.000.000 cổ phiếu (*Ba mươi lăm triệu cổ phiếu*).
- Tổng trị giá chào bán dự kiến theo mệnh giá: 350.000.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tỷ đồng).*

➢ TỔ CHỨC TƯ VẤN

- **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL**

Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng, Hà Nội

Điện thoại : 1900 633 059

Website : www. capitalsc.vn

➢ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Trụ sở chính : Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024 38 373 666

- **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Trụ sở chính : A-TT5–3 Khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 024 73033668

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7

1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro luật pháp 13
3. Rủi ro đặc thù 13
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán 16
5. Rủi ro pha loãng 16
6. Rủi ro quản trị công ty 18
7. Rủi ro khác 19

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 20

1. Tổ chức phát hành – Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang 20
2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Capital 20

III. CÁC KHÁI NIỆM 21

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 22

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 22
2. Cơ cấu tổ chức Công ty 32
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 34
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ, cơ cấu cổ đông 46
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký chào bán; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang; những công ty do Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 47
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 47
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 48
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 48
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 48
10. Hoạt động kinh doanh 49
11. Chính sách đối với người lao động 103
12. Chính sách cổ tức 104
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 104
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 104

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 107
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 108

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 108

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 108
2. Tình hình hoạt động tài chính 115
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành . 131
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 132

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 136

VII.THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 159

1. Loại chứng khoán 159
2. Mệnh giá 159
3. Mã chứng khoán 159
4. Tổng số chứng khoán chào bán: 159
5. Giá chào bán dự kiến: 159
6. Phương pháp tính giá: 159
7. Phương thức phân phối 161
8. Đăng ký mua cổ phiếu 162
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 163
10. Hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 164
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 164
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của AFX 164
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 164
14. Các loại thuế có liên quan 166
15. Thông tin về các cam kết 167
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 167

VIII.MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 168

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 168

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN 176

1. Tổ chức Tư vấn 180
2. Tổ chức kiểm toán 180

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 180

XII.PHỤ LỤC 180

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty 23
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty 46
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty 47
Bảng 4. Sản lượng hàng hóa, sản phẩm bán ra 59
Bảng 5. Tình hình tài sản của Công ty 61
Bảng 6. Chi phí xây dựng dở dang 63
Bảng 7. Tình hình đất đai của Công ty 63
Bảng 8. Doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường 66
Bảng 9. Danh mục đầu tư 66
Bảng 10. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm 68
Bảng 11. Cơ cấu giá vốn của Công ty qua các năm 68
Bảng 12. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm 69
Bảng 13. Các Hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết 72
Bảng 14. Danh sách một số khách hàng lớn của Công ty 84
Bảng 15. Danh sách một số nhà cung cấp lớn cho Công ty 86
Bảng 16. Chi phí sản xuất qua các năm 92
Bảng 17. So sánh các doanh nghiệp trong ngành 94
Bảng 18. Số lượng, cơ cấu lao động và lương thưởng 103
Bảng 19. Tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông qua các năm như sau: 104
Bảng 20. Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty 104
Bảng 21. Kết quả hoạt động kinh doanh 108
Bảng 22. Vốn điều lệ công ty 115
Bảng 23. Cơ cấu vốn kinh doanh của công ty 116
Bảng 24. Khấu hao tài sản cố định hữu hình 117
Bảng 25. Tình hình công nợ phải thu 118
Bảng 26. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi 122
Bảng 27. Tình hình công nợ phải trả 122
Bảng 28. Tổng dư nợ vay 124

Bảng 29. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 124
Bảng 30. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ 129
Bảng 31. Số dư các quỹ 130
Bảng 32. Các chỉ tiêu tài chính 131
Bảng 33. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2026 132
Bảng 34. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2026 135
Bảng 35. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty 137
Bảng 36. Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty 137
Bảng 37. Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của Công ty 138
Bảng 38. Danh sách thành viên HĐQT 139
Bảng 39. Danh sách thành viên Ban kiểm soát 148
Bảng 40. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 152
Bảng 41. Giá trị sổ sách của cổ phiếu AFX các thời điểm 159
Bảng 42. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán 168
Bảng 43. Nhu cầu vốn lưu động năm 2026 171
Bảng 44. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp và đối tác 172
Bảng 45. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho mục đích trả nợ vay Ngân hàng 177

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm 8
Hình 2. Lạm phát ở Việt Nam qua các năm (%) 10
Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty 32
Hình 4. Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty 34
Hình 5. Tỷ trọng Giá vốn/Doanh thu thuần của Công ty qua các năm 89

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

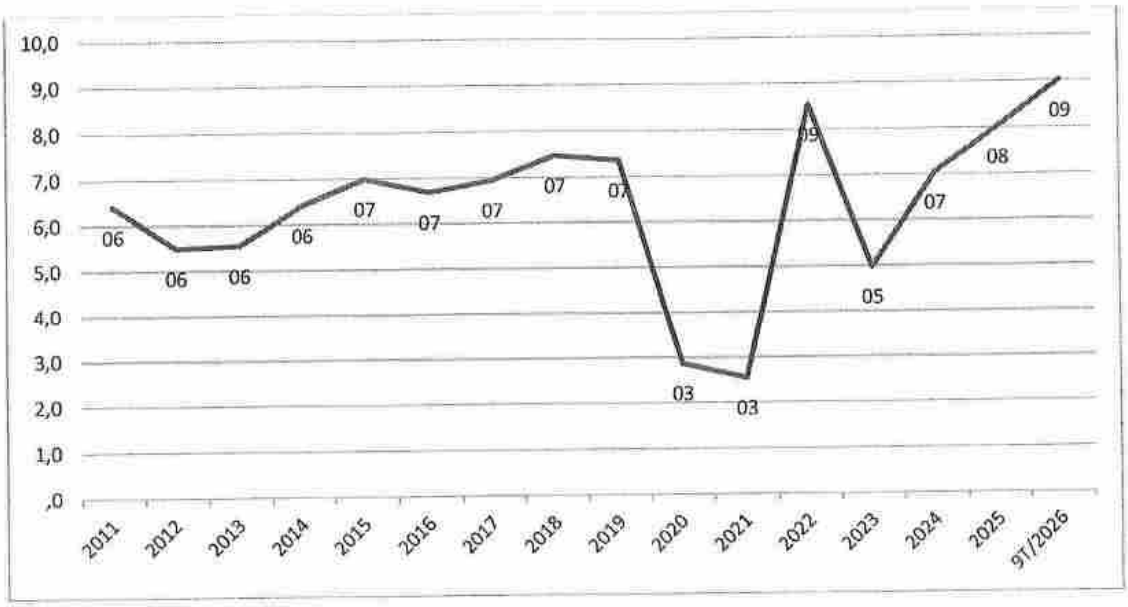
Những biến động từ các yếu tố chủ đạo của nền kinh tế luôn có tác động ít nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp, ngược lại khi kinh tế suy thoái, lãi suất, lạm phát sẽ tăng cao... là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang nói riêng. Kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro đề cập dưới đây.

1.1 Tăng trưởng kinh tế

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

Năm 2025, báo cáo của Cục Thống kê – Bộ Tài chính cho thấy kinh tế – xã hội thế giới trải qua một năm đầy biến động với nhiều bất ổn, bất định: Xung đột vũ trang, giao tranh tại nhiều điểm nóng chưa chấm dứt do cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và chủ nghĩa dân tộc đe dọa an ninh, hòa bình của khu vực và thế giới; Cuộc chiến thuế quan bùng nổ; Thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng, thách thức đối với bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực ngày càng gia tăng. Năm 2025 cũng là năm kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: mưa, bão gây ngập lụt nghiêm trọng, lũ quét và sạt lở đất tại các địa phương đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân. Bất chấp những biến động phức tạp của tình hình địa chính trị toàn cầu và ảnh hưởng nặng nề của thiên tai tại Việt Nam nói trên, kinh tế Việt Nam vẫn ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,02%, khẳng định vị thế dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong khu vực Đông Nam Á và cao hơn mặt bằng chung toàn cầu. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78% (đóng góp 5,30%), công nghiệp và xây dựng tăng 8,95% (43,62%), dịch vụ tăng 8,62% (51,08%). Kết quả này tạo nền tảng vững chắc cho kỳ vọng tăng trưởng GDP mạnh mẽ 2 con số theo quyết tâm của Chính phủ trong thời gian tới.

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Quý III/2026 ghi nhận mức tăng GDP 9,95%, là bước tăng tốc đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,21%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,50%; khu vực dịch vụ tăng 9,45%, đóng góp tương ứng 5,14%; 51,57%; 43,29% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Tính chung 9 tháng, giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02%, đóng góp 5,35% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, đóng góp 49,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,69%, đóng góp 45,03%. Như vậy, tăng trưởng 9 tháng không phụ thuộc vào một ngành hay một khu vực riêng lẻ. Mức tăng trưởng này tạo nền tảng vĩ mô thuận lợi cho các doanh nghiệp. Đối với Công ty, sự khởi sắc của GDP cùng nhu cầu tiêu dùng nội địa cải thiện là cơ hội vàng để đẩy mạnh mảng kinh doanh lương thực, thực phẩm và các sản phẩm chăn nuôi thiết yếu. Tuy nhiên, việc kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh trên cả nước cũng đặt ra áp lực về chi phí nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi của công ty.

Để tận dụng đà tăng trưởng, AFIEX đã triển khai kế hoạch tối ưu hóa chuỗi cung ứng bằng cách chủ động nhập khẩu nguyên liệu từ sớm để đảm bảo sản lượng sản xuất cho các giai đoạn tiếp theo. Song song đó, công ty tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng gạo xuất, tận dụng lợi thế kim ngạch xuất khẩu toàn quốc đang bứt tốc để gia tăng doanh thu.. Ban lãnh đạo cũng chú trọng đẩy mạnh hoạt động phát triển sản phẩm chăn nuôi gia súc tập trung nhằm đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, qua đó củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường. Để ứng phó với biến động giá cả toàn cầu, AFIEX duy trì chiến lược quản trị rủi ro linh hoạt, đảm bảo hiệu quả tài chính dù

nền kinh tế vẫn đối mặt với áp lực lạm phát. Nhìn chung, những kế hoạch hành động này phản ánh cam kết của công ty trong việc hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh năm 2026 trong bối cảnh vĩ mô tích cực.

1.2 Lạm phát

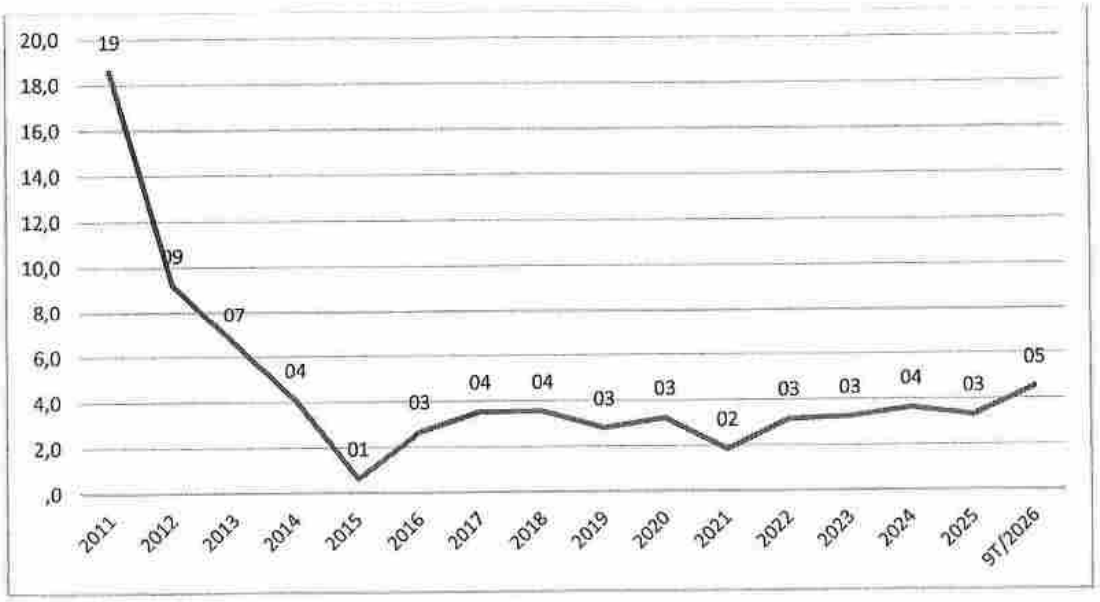
Trong năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung. Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021-2025, năm tăng tốc, bứt phá, về đích, hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao nên dự báo nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất và tiêu dùng sẽ tăng mạnh trong thời gian tới, gây áp lực lên lạm phát.

Ngoài ra, xung đột quân sự ở một số quốc gia leo thang căng thẳng, diễn biến khó lường, có nguy cơ lan rộng. Cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, đặc biệt với chính sách thuế quan của Mỹ có thể gây ảnh hưởng đến lạm phát dài hạn khi các đối tác thương mại toàn cầu có hành động trả đũa. Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên giá hàng hóa trên thế giới ở mức cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Bên cạnh đó, đô la Mỹ tăng giá càng làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, gây sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa trong nước.

Giá lương thực, thực phẩm, đồ uống, may mặc, thiết bị và đồ dùng gia đình thường tăng theo quy luật vào các tháng cuối năm và dịp Lễ, Tết. Ngoài ra, thiên tai và dịch bệnh có thể gây ảnh hưởng đến giá lương thực, thực phẩm tại một số địa phương, điều này cũng sẽ tác động làm tăng CPI. Các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công giúp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhưng cũng có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát hợp lý.

Để kiềm chế lạm phát, một số chính sách hỗ trợ về thuế tiếp tục được thực hiện như hỗ trợ giảm thuế môi trường đối với xăng dầu, giảm thuế VAT góp phần giảm chi phí hình thành giá hàng hóa và dịch vụ. Chủ trương ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát của Chính phủ trong những năm qua sẽ giúp củng cố niềm tin của doanh nghiệp và người dân, từ đó ổn định kỳ vọng lạm phát.

Hình 2. Lạm phát ở Việt Nam qua các năm (%)



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Chỉ số giá tiêu dùng quý III/2026 tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó tính trên bình quân 09 tháng đầu năm 2026, mức tăng là 4,52%. Đây là mức tăng CPI phản ánh tác động của biến động giá cả hàng hóa, trong đó giá xăng dầu và chi phí nguyên liệu đầu vào tiếp tục có ảnh hưởng đến mặt bằng giá trong nước.

Đối với Công ty, áp lực lạm phát này tạo ra những thách thức không nhỏ trong việc kiểm soát chi phí vận hành. Đặc biệt, sự leo thang của giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất thức ăn chăn nuôi và chi phí logistics đã làm gia tăng đáng kể giá thành sản phẩm, gây áp lực trực tiếp lên biên lợi nhuận của công ty.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo công ty đã sớm nhận diện và chủ động triển khai các giải pháp ứng phó kịp thời để duy trì sự ổn định. Công ty hiện đang tập trung tối ưu hóa chuỗi cung ứng, tìm kiếm các nguồn cung nguyên liệu thay thế có giá cả hợp lý hơn nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào biến động thị trường. Bên cạnh đó, AFIEX đẩy mạnh chiến lược nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm gạo và thực phẩm, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang phân khúc cao cấp để cải thiện khả năng cạnh tranh về giá. Ban lãnh đạo cũng chú trọng tái cấu trúc nguồn vốn, tận dụng hiệu quả các khoản tín dụng ưu đãi để giảm thiểu áp lực chi phí lãi vay trong môi trường lãi suất chịu ảnh hưởng từ lạm phát. Việc tăng cường liên kết chặt chẽ với các đại lý và đối tác phân phối cũng giúp AFIEX kiểm soát tốt hơn dòng tiền, đảm bảo thanh khoản trong bối cảnh giá cả hàng hóa biến động khó lường.

1.3 Lãi suất

Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của

doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Năm 2024 và năm 2025, Ngân hàng Nhà nước giữ nguyên các mức lãi suất điều hành gồm 3,0%/năm đối với lãi suất tái chiết khấu và 4,5%/năm đối với lãi suất tái cấp vốn, nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tính đến cuối năm 2025, tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế vượt 18,4 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 17,9% so với cuối năm 2024. Một số lĩnh vực ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng, như công nghiệp hỗ trợ tăng 23,4%, trong khi các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 25,14% so với cuối năm 2024.

Báo cáo từ Cục Thống kê cho thấy, mặc dù mặt bằng lãi suất tiền gửi tiếp tục xu hướng tăng từ cuối năm 2025, tốc độ tăng huy động vẫn không theo kịp đà tăng của tín dụng. Tính đến ngày 14/10/2026, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 11,22%, trong khi tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 11,44%, qua đó cho thấy tốc độ tăng huy động vẫn chậm hơn so với tín dụng.

Huy động vốn tăng chậm dù lãi suất tiền gửi tiếp tục xu hướng tăng từ cuối năm 2025. Trong 9 tháng đầu năm 2026, lãi suất tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại tiếp tục có sự điều chỉnh tăng ở một số kỳ hạn, đặc biệt tại các kỳ hạn trung và dài hạn.

Ở chiều cho vay, mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục được duy trì nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh; riêng lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên phổ biến quanh mức 4,0%/năm.

Trong quý III/2026, thị trường tài chính Việt Nam chứng kiến sự biến động mạnh mẽ của lãi suất, với mặt bằng lãi suất huy động có xu hướng tăng nhanh và chạm đỉnh ở nhiều kỳ hạn để đáp ứng nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng thương mại.

Đối với AFIEX, môi trường lãi suất cao trong quý III/2026 đặt ra thách thức đối với việc duy trì biên lợi nhuận, đặc biệt là khi chi phí sử dụng vốn tăng cao. Do tính chất đặc thù của ngành nông sản là cần vốn lưu động lớn cho các mùa vụ và hoạt động thu mua xuất khẩu, sự thay đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm cuối cùng. Tuy nhiên, AFIEX đã chủ động triển khai hàng loạt giải pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực, bảo vệ sự ổn định tài chính. Công ty ưu tiên tận dụng tối đa các hạn mức tín dụng ưu đãi dành cho lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản với lãi suất thấp hơn trần quy định của Ngân hàng Nhà nước để tối ưu hóa chi phí vay vốn. Bên cạnh đó, AFIEX tập trung đẩy mạnh hiệu quả quản trị dòng tiền, kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu và

công nợ phải trả nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn. Ban lãnh đạo thực hiện tái cấu trúc danh mục nợ, ưu tiên thanh toán các khoản vay lãi suất cao để giảm áp lực chi phí tài chính định kỳ. Việc nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất cũng là một chiến lược then chốt giúp AFIEX duy trì khả năng cạnh tranh ngay cả khi chi phí đầu vào biến động. Công ty tiếp tục củng cố uy tín với các đối tác ngân hàng để đàm phán các điều khoản vay vốn tốt nhất trong tương lai. Kế hoạch chiến lược của công ty còn bao gồm việc gia tăng vốn chủ sở hữu nhằm tạo đệm tài chính vững chắc, giảm tỷ lệ đòn bẩy tài chính trong dài hạn.

1.4 Tỷ giá

Tỷ giá đóng vai trò then chốt trong việc định hình sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam trên thị trường quốc tế. Khi đồng nội tệ mất giá, doanh nghiệp xuất khẩu như AFIEX được hưởng lợi nhờ doanh thu quy đổi từ ngoại tệ tăng lên, tạo lợi thế cạnh tranh về giá. Ngược lại, tỷ giá tăng mạnh gây áp lực lớn cho hoạt động nhập khẩu nguyên liệu, làm tăng chi phí sản xuất và bào mòn biên lợi nhuận. Đối với ngành lương thực và thực phẩm, chi phí logistics và nguyên liệu đầu vào nhập khẩu thường được thanh toán bằng USD. Do đó, biến động tỷ giá không ổn định đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phòng ngừa rủi ro ngoại hối hiệu quả.

Năm 2025 nằm trong giai đoạn Việt Nam nỗ lực cân bằng giữa việc kiểm soát lạm phát, ổn định lãi suất và duy trì tỷ giá hợp lý. Các doanh nghiệp trong giai đoạn này đã phải tích cực chuyển đổi chiến lược, tập trung vào việc tiết giảm chi phí để thích nghi với môi trường kinh tế đầy biến động. Sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa và tiền tệ đã giúp Việt Nam vượt qua những thách thức ngoại hối lớn nhất. Kết thúc năm 2025, tỷ giá vẫn là biến số quan trọng ảnh hưởng đến mọi quyết định đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong Quý 3 năm 2026, thị trường ngoại hối Việt Nam tiếp tục ghi nhận áp lực tỷ giá lớn, với tỷ giá USD/VND đạt đỉnh quanh mức 26.350 – 26.400 VND/USD theo dự báo của các tổ chức tài chính. Tỷ giá hạch toán tháng 01/2026 đã đạt mức 25.146 VND/USD, phản ánh xu hướng tăng giá của đồng USD so với VND ngay từ đầu năm. Đối với AFIEX, việc tỷ giá neo ở mức cao tạo ra hai luồng tác động trái chiều đối với hoạt động kinh doanh cốt lõi. Một mặt, doanh thu xuất khẩu gạo và nông sản sang các thị trường quốc tế quy đổi ra đồng Việt Nam tăng lên đáng kể, góp phần cải thiện doanh thu. Tuy nhiên, mặt khác, chi phí nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi từ nước ngoài bị đẩy lên cao, gây áp lực trực tiếp lên giá vốn hàng bán.

Để đối phó với tình hình này, AFIEX đã triển khai kế hoạch quản trị rủi ro ngoại hối chủ động nhằm bảo toàn biên lợi nhuận. Công ty xây dựng kế hoạch tìm kiếm và ký kết các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ để chốt tỷ giá cho các đơn hàng nhập khẩu lớn,

giúp tránh các cú sốc biến động bất ngờ. Bên cạnh đó, AFIEX ưu tiên sử dụng nguồn ngoại tệ thu được từ hoạt động xuất khẩu để thanh toán trực tiếp cho các đơn hàng nhập khẩu nhằm tối ưu hóa chi phí chuyển đổi. Trong năm 2026, tỷ trọng doanh thu xuất khẩu gạo tiếp tục chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu Tổng doanh thu của Công ty, đây là nguồn ngoại tệ lớn để AFIEX cân bằng và hạn chế việc chi phí phát sinh do chênh lệch tỷ giá khi thanh toán cho các nhà cung cấp nước ngoài trong các giao dịch mua nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi đồng thời tận dụng được nguồn ngoại tệ để kinh doanh nhằm gia tăng doanh thu cho Công ty. Ban lãnh đạo cũng đẩy mạnh đàm phán với đối tác nước ngoài để tăng tỷ trọng thanh toán bằng các loại tiền tệ ổn định hơn hoặc sử dụng công cụ phái sinh. Công ty duy trì theo dõi sát sao biến động tỷ giá để điều chỉnh kế hoạch thu mua nguyên liệu trong nước thay thế cho hàng nhập khẩu khi có thể. Công ty tập trung tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí trung gian và nâng cao hiệu suất sử dụng vốn.

2. Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào cuối năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Ngoài ra, Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện hữu.

Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang.

Để hạn chế rủi ro này, các bộ phận chức năng của Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang đã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách, giảm thiểu thiệt hại khi một chính sách bất lợi với ngành nghề hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan

Biến đổi khí hậu đang trở thành mối đe dọa thường trực đối với sản xuất nông nghiệp của AFIEX, đặc biệt là tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Các hiện tượng như hạn hán, xâm nhập mặn và lũ lụt bất thường có tần suất gia tăng mạnh, đe dọa trực tiếp đến năng suất lúa gạo và các loại cây trồng lương thực. Số liệu cho thấy ranh mặn

4% có thể xâm nhập sâu vào nội đồng tới 70-76 km tại một số địa phương, buộc nhiều vùng phải ngừng sản xuất hoặc giảm mùa vụ. Thiên tai không chỉ làm giảm năng suất mà còn làm hỏng hạ tầng bảo quản, vận chuyển, gây thiệt hại lớn về kinh tế cho doanh nghiệp. Dự báo một số loại cây trồng có thể mất tới 40% năng suất, thậm chí mất trắng do các đợt hạn hán cục bộ kéo dài. Để ứng phó, AFIEX đã tăng cường theo dõi sát sao dự báo thời tiết để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh linh hoạt.

3.2. Rủi ro phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu

Ngành thức ăn chăn nuôi của AFIEX đang chịu tác động bởi giá nguyên liệu nhập khẩu, khiến chi phí sản xuất của doanh nghiệp dễ bị ảnh hưởng bởi giá cả thế giới. Hiện nay, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu hàng tỷ USD nguyên liệu mỗi năm, dẫn đến tình trạng chi phí sản xuất luôn ở mức cao và thiếu tính cạnh tranh. Đặc biệt, xung đột địa chính trị như tại Trung Đông có thể làm chậm thời gian vận chuyển từ 15-20 ngày và tăng chi phí logistic tới 30-50%, trực tiếp đẩy giá thức ăn chăn nuôi tăng 15-20%. Tình trạng giá nguyên liệu cao kéo dài có thể gây thiếu hụt nguồn cung cục bộ, điều này dễ làm giảm biên lợi nhuận của AFIEX trong dài hạn. Để đối phó, Công ty đang tích cực đa dạng hóa nguồn cung, tăng cường tìm kiếm các nguồn nguyên liệu thay thế trong nước hoặc từ các đối tác thương mại FTA ưu đãi. Ngoài ra, AFIEX đẩy mạnh chiến lược ký kết hợp đồng dài hạn để giảm thiểu sự phụ thuộc vào sự biến động giá giao ngay và tối ưu hóa chi phí sản xuất thông qua việc tinh gọn công thức phối trộn thức ăn. Hiện tại, nguồn nguyên liệu trong nước và nguồn nguyên liệu nhập khẩu bởi các thương nhân trong nước chiếm phần lớn nguồn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của AFIEX.

3.3. Rủi ro dịch bệnh trong chăn nuôi

Dịch bệnh trên đàn vật nuôi, đặc biệt là dịch tả lợn Châu Phi và cúm gia cầm, là rủi ro tiềm ẩn lớn có thể làm tê liệt hoạt động chăn nuôi của AFIEX bất cứ lúc nào. Các báo cáo thực tế ghi nhận mỗi năm ngành chăn nuôi Việt Nam thiệt hại khoảng 10-15% giá trị sản xuất do dịch bệnh, trong đó những đợt dịch lớn có thể gây tổn thất lên đến hơn 30.000 tỷ đồng. Chỉ riêng trong dịp cuối năm 2025 và đầu năm 2026, các đợt bão lụt đã gây thiệt hại tới gần 13.000 con gia súc và hơn 1,1 triệu con gia cầm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cung. Sự hiện diện của các mầm bệnh như Tụ huyết trùng, Salmonella hay các bệnh hô hấp luôn đe dọa các trại chăn nuôi nếu không có quy trình kiểm soát sinh học nghiêm ngặt. Để ứng phó, AFIEX áp dụng quy trình an toàn sinh học khắt khe tại Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh, thực hiện tiêm vaccine đầy đủ và kiểm soát nghiêm ngặt người, phương tiện ra vào trại. Công ty cũng đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, lắp đặt hệ thống giám sát hiện đại và thường xuyên phối hợp với cơ quan thú y để cảnh báo, dập dịch kịp thời.

3.4. Rủi ro biến động giá và cạnh tranh khốc liệt

AFIEX đang phải đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt từ các tập đoàn FDI lớn, những đơn vị có lợi thế tuyệt đối về quy mô, công nghệ và khả năng kiểm soát giá. Các doanh nghiệp FDI sở hữu dây chuyền sản xuất đồng bộ, công suất lớn giúp tối ưu hóa chi phí, tạo ra rào cản giá rất thấp mà doanh nghiệp trong nước khó có thể cạnh tranh trực tiếp. Sự phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu và chi phí logistic tăng cao khiến giá thành sản phẩm của AFIEX thường xuyên cao hơn so với mặt bằng chung quốc tế. Tình trạng này làm giảm sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và gây khó khăn cho việc mở rộng xuất khẩu. Để ứng phó, AFIEX tập trung nâng cao giá trị gia tăng thông qua việc sản xuất thức ăn chăn nuôi cao cấp, hỗ trợ kỹ thuật tận nơi cho người chăn nuôi và xây dựng thương hiệu uy tín. Công ty còn chú trọng tái cấu trúc mô hình sản xuất để đạt lợi thế về quy mô, đồng thời đẩy mạnh bán hàng trực tiếp đến trang trại để cắt giảm các chi phí trung gian không cần thiết. Bên cạnh đó, AFIEX đang triển khai chiến lược tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, cơ cấu sản phẩm xuất khẩu giúp Công ty bước vào giai đoạn "tăng trưởng bằng giá trị", kiểm soát chi phí, cải thiện biên lợi nhuận, cơ cấu danh mục sản phẩm. Đây được xem là bước chuyển quan trọng với AFIEX khi chuyển từ vị thế của một nhà cung cấp nguyên liệu thuần túy, để tiến gần tới mô hình doanh nghiệp sản xuất nơi giá trị không chỉ nằm ở sản lượng mà ở thương hiệu và trải nghiệm tiêu dùng.

3.5. Rủi ro thiếu liên kết chuỗi cung ứng

Sự thiếu liên kết trong chuỗi giá trị nông sản là rủi ro mang tính hệ thống, ảnh hưởng trực tiếp đến tính ổn định của nguồn cung và chất lượng sản phẩm của AFIEX. Hiện nay, Việt Nam mới chỉ có khoảng hơn 4.000 hợp tác xã tham gia liên kết, chiếm chưa đầy 13% tổng số, dẫn đến sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ và khó kiểm soát quy trình. Việc nông dân tự ý thay đổi cây trồng/vật nuôi theo giá thị trường mà không theo kế hoạch của doanh nghiệp dẫn đến tình trạng đứt gãy cung ứng thường xuyên. Điều này không chỉ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc đảm bảo nguyên liệu sản xuất mà còn làm giảm khả năng xuất khẩu sang các thị trường khó tính đòi hỏi truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Để ứng phó, AFIEX đẩy mạnh mô hình liên kết trực tiếp với nông dân và các hợp tác xã thông qua việc ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với giá cả ổn định. Công ty cũng hỗ trợ người nông dân về giống, kỹ thuật và vật tư để đảm bảo quy trình canh tác đạt chuẩn, đồng thời xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung nhằm ổn định nguồn cung và chất lượng sản phẩm.

3.6. Rủi ro về môi trường

Rủi ro về biến đổi khí hậu, tình trạng xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường, thoái hóa đất làm năng suất và chất lượng lúa gạo vùng ĐBSCL trong những năm tới bị

giảm sút. Vì vậy, Công ty luôn nỗ lực tối đa đánh giá tình hình thay đổi thời tiết cũng như theo dõi tiến trình xâm nhập mặn để đưa ra các giải pháp về sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng và hiệu suất sản phẩm.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng vẫn đang diễn biến phức tạp và khó lường, giá cổ phiếu hiện tại có thể thay đổi lên xuống do cung cầu thị trường, nên đợt chào bán có thể gặp rủi ro không chào bán hết do các nhà đầu tư không đặt mua hết số cổ phiếu trong đợt chào bán dẫn đến Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được Công ty sử dụng để: (i) trả nợ vay Ngân hàng của Công ty nhằm giảm áp lực tài chính, tối ưu hóa lãi suất và tối ưu hóa thời gian trả nợ; (ii) bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng năng lực sản xuất và tăng trưởng thị phần của Công ty. Do vậy, trong trường hợp Công ty không thu đủ số tiền từ đợt chào bán, Công ty sẽ phải huy động tiền từ các nguồn khác để bổ sung phần vốn thiếu hụt. Phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính, giảm lợi nhuận hoạt động của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2026. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.
- Tỷ lệ phần trăm sở hữu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống nếu các cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phần phát hành thêm khi vốn điều lệ Công ty tăng lên sau đợt chào bán với sự tham gia của các

cổ đông khác.

- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu và pha loãng lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cụ thể như sau:

Nội dung	Công thức	Giá trị	Đơn vị
Số lượng cổ phiếu trước chào bán	1	35.000.000	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chào bán thêm	2	35.000.000	cổ phiếu
Lợi nhuận sau thuế 2025	3	47.319.704.573	đồng
Vốn chủ sở hữu 2025	4	521.340.063.579	đồng
Tỷ lệ pha loãng	5 = 2 / 1	100	%
Số lượng cổ phiếu sau phát hành	6 = 1 + 2	70.000.000	cổ phiếu
Số tiền thu được từ đợt chào bán thành công	7 = 2 * 10.000	350.000.000.000	đồng
Lợi nhuận sau thuế 2026 (kế hoạch)	8	75.533.600.000	đồng
Vốn chủ sở hữu 2026 (dự kiến)	9 = 8+7 + 4	946.873.663.579	đồng
EPS 2025	10 = 3 / 1	1.352	đồng / cổ phiếu
EPS 2026 (dự kiến)	11 = 8 / 6	1.079	đồng / cổ phiếu
Giá trị sổ sách 2025	12 = 4 / 1	14.895	đồng / cổ phiếu
Giá trị sổ sách 2026 (dự kiến)	13 = 9 /6	13.527	đồng / cổ phiếu

a. Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 47.319.704.573 đồng

EPS trong 4 quý gần nhất tính đến ngày 31/12/2025 đạt 1.352 đồng/cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu năm 2026 của Công ty (trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu thành công) là 70.000.000 cổ phiếu.

Trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu thành công, với tỷ lệ pha loãng 100% trong khi Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2026 không tăng so với năm 2025 thì thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) năm 2026 dự kiến sẽ bị pha loãng, giá trị dự tính là 1.079 đồng/cổ phiếu.

b. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 14.895 đồng/cổ phiếu, và Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu tại thời điểm cuối năm 2026 dự kiến là 13.527 đồng/cổ phiếu.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

c. Pha loãng tỷ lệ biểu quyết

Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua cổ phiếu trong đợt phát hành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng này dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn. Các rủi ro này bao gồm sự chậm trễ trong việc chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cơ cấu cổ đông chưa hợp lý, tỷ lệ sở hữu cổ phần quá phân tán hoặc tồn tại nhiều nhóm cổ đông lớn nhưng không đạt được sự đồng thuận.

Các rủi ro khách quan đến từ sự ảnh hưởng của môi trường, xã hội, việc thay đổi chính sách hay các văn bản luật, những biến động trên thị trường trong nước và quốc tế,... Những rủi ro này có thể xuất hiện bất cứ lúc nào tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Để kiểm soát rủi ro về quản trị như trên, Công ty đã thường xuyên rà soát hoàn thiện Điều lệ, các quy chế hoạt động, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ngoài ra, Công ty chủ động trong việc minh bạch thông tin hoạt động doanh nghiệp thông qua việc công bố thông tin chính xác, đầy đủ trên hệ thống website, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác,

khách hàng, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, lụt lội, hỏa hoạn, địch họa... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông: Đặng Quang Thái Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: Bùi Trọng Dân Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà: Nguyễn Thị Hường Chức vụ: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch. .

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Ba Lê Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Capital tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 02/2026/HĐTV/CAPITALSC-AFX ngày 06 tháng 05 năm 2026 với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

GCN ĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Công ty/AFIEX/ AFX/Tổ chức đăng ký chào bán	: Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang
CTCP	: Công ty cổ phần
HĐXSKD	: Hoạt động sản xuất kinh doanh
DTT	: Doanh thu thuần
BCTC	: Báo cáo tài chính
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
TGĐ	: Tổng Giám đốc
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
UBND	: Ủy ban nhân dân
NHNN	: Ngân hàng nhà nước
TCTD	: Tổ chức tín dụng
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
QSDĐ	: Quyền sử dụng đất
CBTT	: Công bố thông tin
Tổ chức tư vấn	: Công ty cổ phần Chứng khoán Capital
TSCĐ	: Tài sản cố định
Sở KH & ĐT	: Sở Kế hoạch và Đầu tư
SLCP	: Số lượng cổ phiếu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

10.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

❖ Tên đầy đủ	:	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
❖ Tên giao dịch quốc tế	:	An Giang Agriculture and Foods Import-Export Joint Stock Company
❖ Tên viết tắt	:	AFIEX
❖ Trụ sở chính	:	Số 2045 đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang
❖ Điện thoại	:	0296 393 2963 Fax: 0296 393 2981
❖ Website	:	www.afiex.com.vn
❖ Vốn điều lệ đăng ký	:	350.000.000.000 đồng
❖ Vốn điều lệ thực góp	:	350.000.000.000 đồng
❖ Ngày trở thành Công ty đại chúng	:	Ngày 06/07/2011 (căn cứ công văn số 148/CQĐD-NV của UBCKNN)
❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 01/04/2011, thay đổi lần 13 ngày 05/5/2026
❖ Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Đặng Quang Thái – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
❖ Logo	:	AFIEX

❖ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**

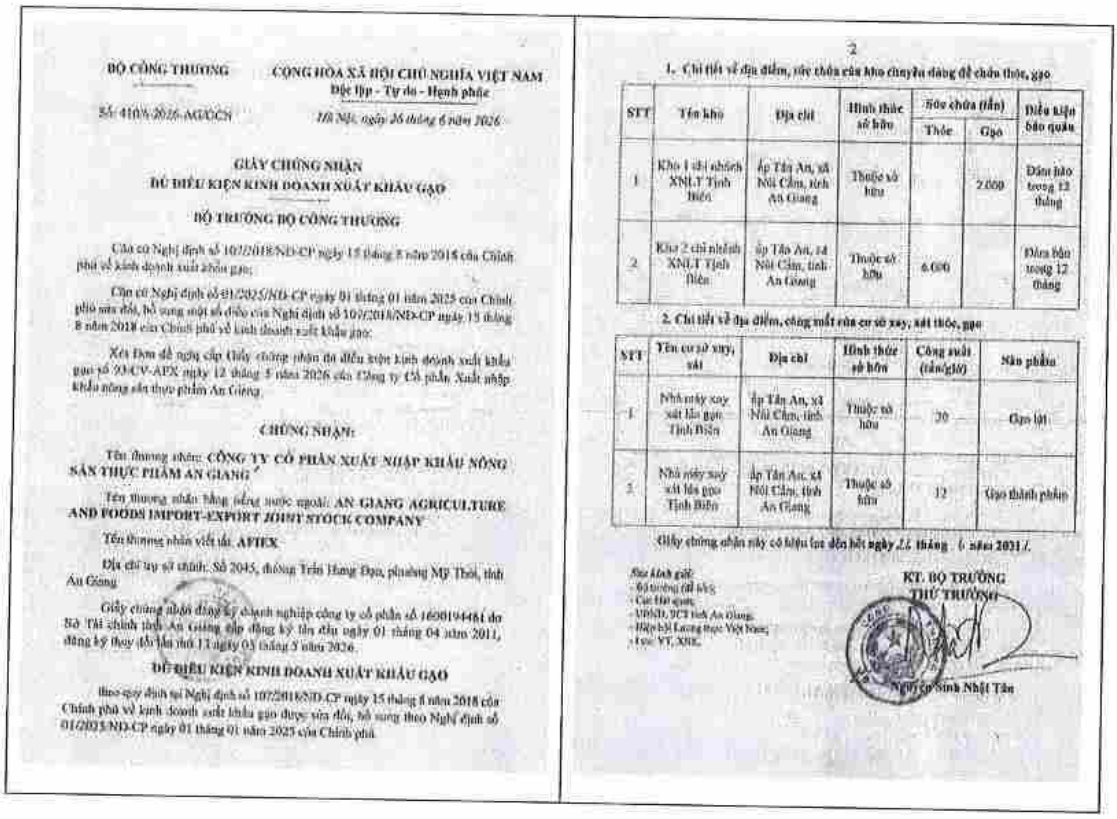
Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Mã	Ngành
1	0111	Trồng lúa
2	0112	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
3	0121	Trồng cây ăn quả
4	0122	Trồng cây lấy quả chứa dầu
5	0123	Trồng cây điều
6	0124	Trồng cây hồ tiêu
7	0125	Trồng cây cao su
8	0126	Trồng cây cà phê
9	0127	Trồng cây chè
10	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
11	0144	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai
12	0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
13	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
14	0162	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi
15	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
16	0220	Khai thác gỗ
17	0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa
18	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
19	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
20	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
21	1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật
22	1061	Xay xát và sản xuất bột thô
23	1062	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
24	1071	Sản xuất các loại bánh từ bột
25	1074	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự
26	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
27	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
28	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
29	1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
30	1702	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa
31	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
32	3512	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo

STT	Mã	Ngành
33	3513	Truyền tải và phân phối điện
34	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
35	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
36	4631 (Chính)	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ
37	4632	Bán buôn thực phẩm
38	4633	Bán buôn đồ uống
39	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
40	4671	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
41	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
42	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
43	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
44	4711	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn
45	4719	Bán lẻ tổng hợp khác
46	4721	Bán lẻ lương thực
47	4722	Bán lẻ thực phẩm
48	4723	Bán lẻ đồ uống
49	4763	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi
50	4783	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
51	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
52	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
53	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
54	5520	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác
55	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
56	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
57	5629	Dịch vụ ăn uống khác
58	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
59	6495	Hoạt động cấp tín dụng khác
60	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
61	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
62	7500	Hoạt động thú y
63	7740	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính

❖ Các chứng nhận kinh doanh công ty đạt được:

- *Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo do Bộ công thương cấp năm 2026*



BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4105/2026/AGUCN

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH XUẤT KHẨU GẠO

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo;

Căn cứ Nghị định số 01/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo số 30/CV-APX ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm An Giang;

CHỨNG NHẬN:

Tên thương nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Tên thương nhân bằng tiếng nước ngoài: **AN GIANG AGRICULTURE AND FOODS IMPORT-EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Tên thương nhân viết tắt: **AFIEX**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2045, đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1600194481 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 5 năm 2026.

ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH XUẤT KHẨU GẠO

theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 01/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2

1. Chi tiết về địa điểm, sức chứa của kho chuyên dùng để chứa thóc, gạo

STT	Tên kho	Địa chỉ	Hình thức sở hữu	Sức chứa (tấn)		Điều kiện bảo quản
				Thóc	Gạo	
1	Kho 1 chi nhánh XNLT Tịnh Biên	ấp Tân An, xã Núi Cấm, tỉnh An Giang	Thuộc sở hữu		2.000	Đảm bảo trong 12 tháng
2	Kho 2 chi nhánh XNLT Tịnh Biên	ấp Tân An, xã Núi Cấm, tỉnh An Giang	Thuộc sở hữu	6.000		Đảm bảo trong 12 tháng

2. Chi tiết về địa điểm, công suất của cơ sở xay, xát thóc, gạo

STT	Tên cơ sở xay, xát	Địa chỉ	Hình thức sở hữu	Công suất (tấn/giờ)	Sản phẩm
1	Nhà máy xay xát lúa gạo Tịnh Biên	ấp Tân An, xã Núi Cấm, tỉnh An Giang	Thuộc sở hữu	20	Gạo lật
2	Nhà máy xay xát lúa gạo Tịnh Biên	ấp Tân An, xã Núi Cấm, tỉnh An Giang	Thuộc sở hữu	12	Gạo thành phẩm

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày 11 tháng 6 năm 2031./.

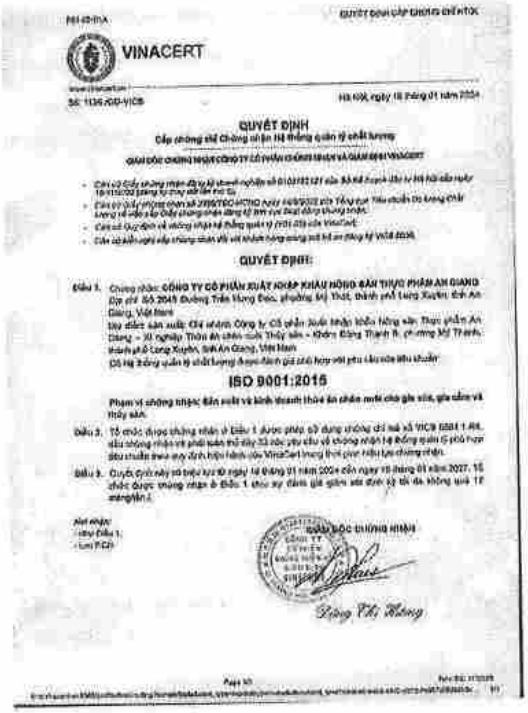
Nơi nhận gửi:
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- UBND, SCT tỉnh An Giang;
- Hiệp hội Lương thực Việt Nam;
- Lưu: VT, XNK.

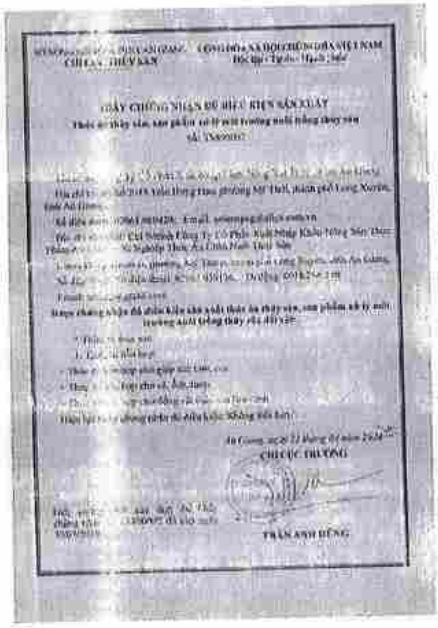
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

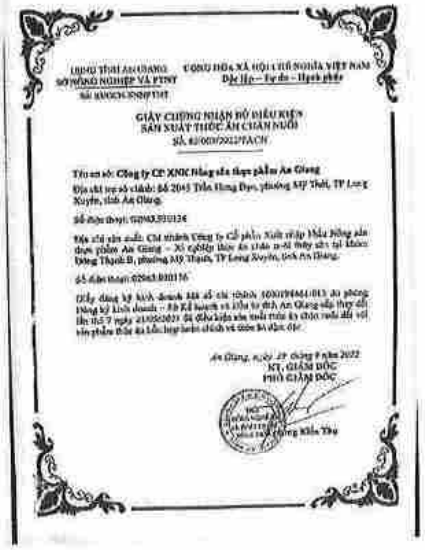
Ngô Sinh Nhật Tân

- *Chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 với sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Doanh nghiệp đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi*


CHỨNG CHỈ
CERTIFICATE
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
AN GIANG AGRICULTURE AND FOODS IMPORT - EXPORT J.S.C
ISO 9001:2015


VINACERT
QUYẾT ĐỊNH
Cấp chứng chỉ Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng
QUYẾT ĐỊNH:
ISO 9001:2015


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI
SỐ: 82/2022/TACN
AnyScanner

❖ **Các thành tích Công ty đã đạt được:**



Chứng nhận Xí Nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản AFIEX đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2025



Chứng nhận Xí Nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản AFIEX đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2024



Chứng nhận Xí Nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản AFIEX đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2023



Chứng nhận sản phẩm thức ăn Thuỷ sản AFIEX đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2011



Kỷ niệm chương của Cục thuế tỉnh An Giang do thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế



Kỷ niệm chương của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang cho Công ty vì đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang



Bằng khen gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2020 - 2025 do Phường Mỹ Thới – Tỉnh An Giang cấp



Bằng khen của UBND tỉnh An Giang cho Công ty do đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế, đóng góp nhiều cho ngân sách địa phương năm 2020









Chứng Nhận Xí Nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản AFIEX Được Sử Dụng Nhãn Hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cho Năm 2011



Chứng Nhận Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao Năm 2010



Chứng Nhận Thương Hiệu Mạnh Việt Nam Năm 2009



Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín 2010



Huân Chương Lao Động Hạng Ba

Thương Hiệu Vàng Chất Lượng Doanh Nghiệp



Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín Năm 2004-2005-2006



Chứng Nhận Danh Dự Vì Sự Nghiệp Phát Triển Ngành Thủy Sản



Giấy Chứng Nhận Top 100 Thương Hiệu Mạnh Xuất Khẩu Uy Tín Và Hiệu Quả



Cup Vàng Thương Hiệu Việt Lần Thứ Hai 04/01/2006

Cup Vàng Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Gạo Uy Tín

Thương Hiệu Mạnh Việt Nam năm 2009

Biểu Trưng Doanh Nghiệp Thủy Sản Tiêu Biểu



Top 100 Thương Hiệu Mạnh, Xuất Nhập Khẩu Uy Tín Và Hiệu Quả

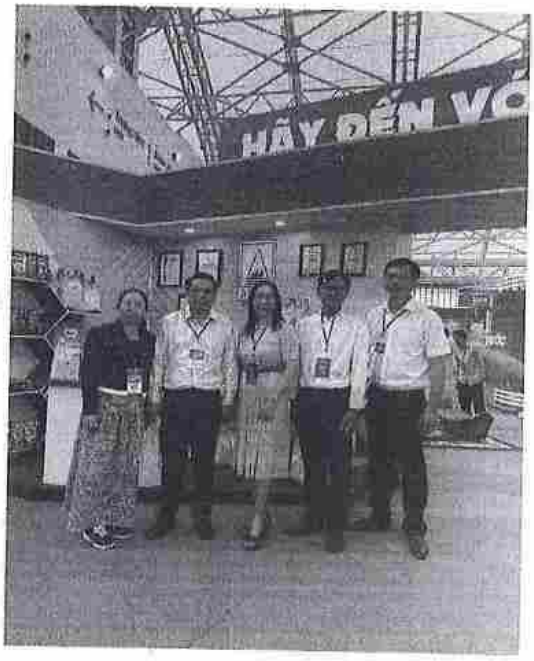


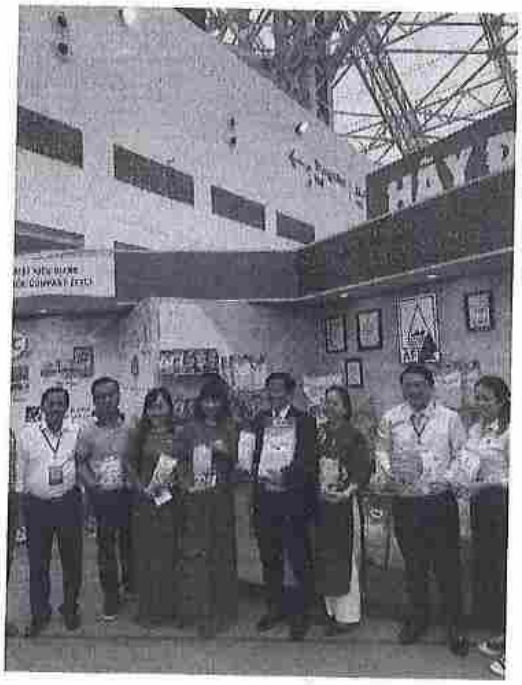
Doanh Nghiệp Xuất Sắc Năm 2009 -2010 Do UBND Tỉnh Tặng

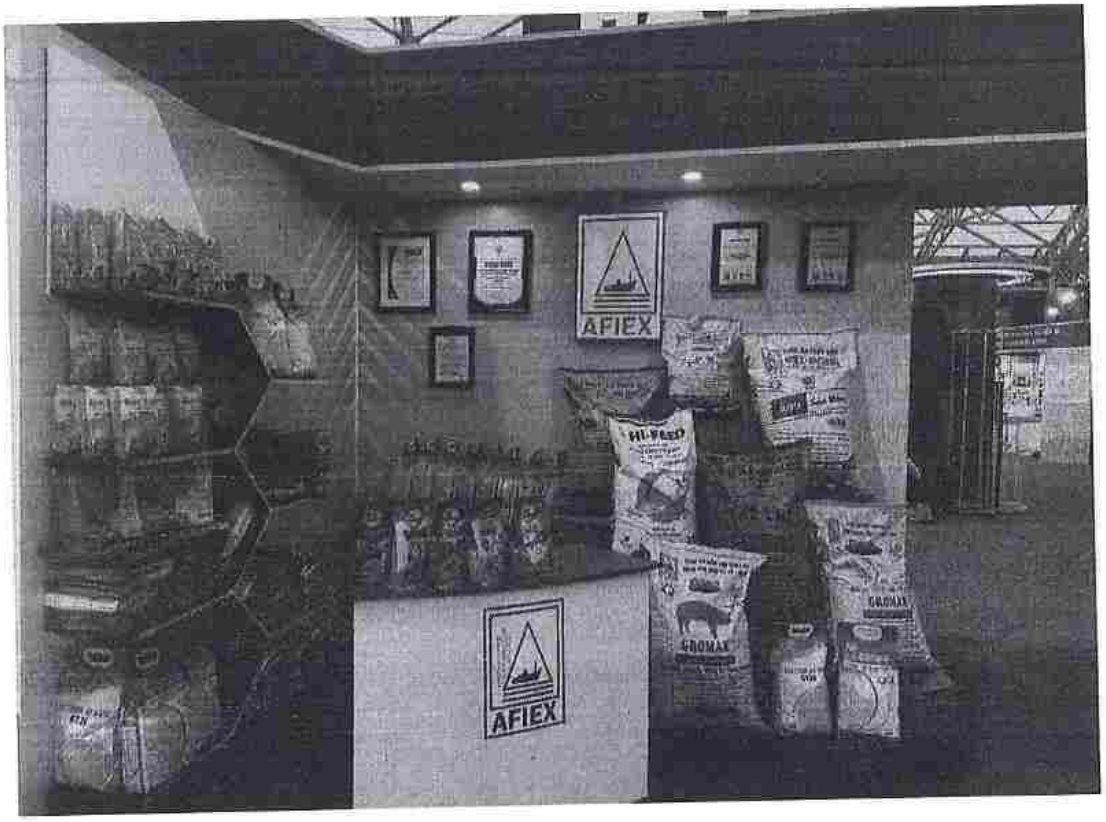


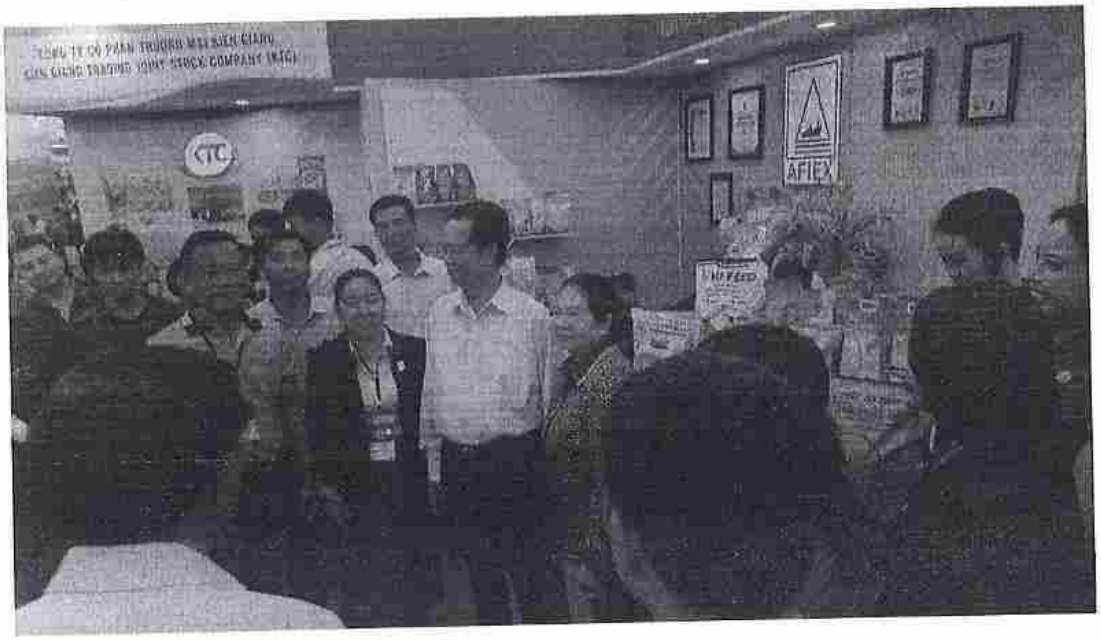
❖ **Một số hình ảnh gian hàng Công ty tại triển lãm Triển lãm "Thành tựu đất nước: 80 năm Hành trình Độc lập – Tự do – Hạnh phúc" tổ chức tại Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia ở Đông Anh, Hà Nội từ ngày 28/8 đến 15/9/2025, nhân kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh: Công ty là một trong 6 doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh An Giang tham dự triển lãm**








AFIEX
HI-FEED
GROMAX
AFIEX


AFIEX

10.2. Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1990: Doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBTC ngày 10/02/1990 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang từ sự sáp nhập của 3 Công ty: Công ty Chăn nuôi; Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản và Xí nghiệp Khai thác Chế biến Thủy sản theo mô hình là doanh nghiệp nhà nước với tên gọi ban đầu là Công ty Xuất nhập khẩu Nông thủy sản An Giang;
- Năm 1992: Căn cứ quy chế thành lập, giải thể doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Nghị định 156/HĐBT ngày 07/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang đã ra Quyết định số 528/QĐ ngày 02/11/1992 thành lập lại Công ty, đồng thời tiếp tục sáp nhập một bộ phận của Công ty Lâm sản vào Công ty Xuất nhập khẩu Nông thủy sản An Giang;
- Năm 1995: Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang đã tách Công ty thành 2 công ty hoạt động độc lập đó là Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (nay là Công ty Cổ phần XNK Thủy sản An Giang - AGIFISH) và Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang - AN GIANG AFIEX.
- Ngày 29/01/1996, Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang được thành lập theo Quyết định số 69/QĐ-UB ngày 29/01/1996 của UBND tỉnh An Giang;
- Năm 2010: Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22/9/2010;
- Năm 2011: Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/4/2011 với vốn điều lệ 350 tỷ đồng.
- Ngày 06/07/2011, Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 148/CQĐD-NV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – cơ quan đại diện tại TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 02/12/2016, Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang chính thức giao dịch trên sàn UpCom theo Quyết định số 758/QĐ-SGDHN ngày 21/11/2016 và Thông báo số 1212/TB-SGDHN ngày 21/11/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 08/12/2025, cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch trên sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1102/QĐ-SGDHCM ngày 14/11/2025 và Thông báo số 2244/TB-SGDHCM ngày 01/12/2025.

- Hiện nay, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600194461 cấp lần đầu ngày 01/04/2011, thay đổi lần 13 ngày 05/5/2026 do Sở Tài Chính Tỉnh An Giang cấp với vốn điều lệ là 350 tỷ đồng

10.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ khi hoàn thành cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần đến nay, Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang chưa thực hiện tăng vốn điều lệ

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Công ty hiện có trụ sở chính với các phòng ban chuyên môn, các xí nghiệp và các chi nhánh.

Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

- **Trụ sở chính của Công ty**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2045 đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0296 393 2963 Fax: 0296 393 2981

Hình ảnh trụ sở chính công ty



❖ **Các Chi nhánh tại các thành phố, thị trấn, huyện**

Chi nhánh Công ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: số 96-98 Đào Duy Anh, phường Đức Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84.28) 38621 041 - Fax: (84.28) 38621 092

Chi nhánh Công ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại Hà Nội

Địa chỉ: Nhà số 7, LK14B, Khu đô thị Văn Phú, Phường Kiến Hưng, TP. Hà Nội.

Chi nhánh Công ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang - Xuất Khẩu Lương Thực

Địa chỉ: Đường Nguyễn Công Hoan, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.296) 3834 295 – (84.296) 3834 410 - Fax: (84.296) 3834 409.

Chi nhánh Công ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang - Xí nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản

Địa chỉ: Khóm Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.296) 3831 540 - Fax: (84.296) 3831 230.

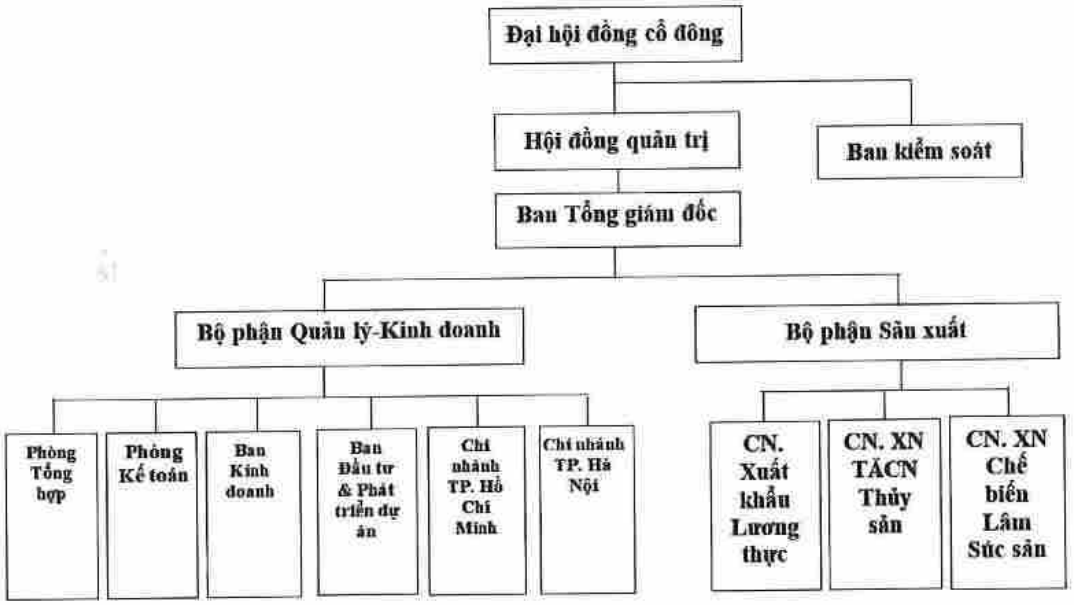
Chi nhánh Công ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang - Xí Nghiệp Chế Biến Lâm Súc Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.296) 3834 146 - Fax: (84.296) 3834 146.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 4. Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty



Nguồn: Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc.

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng, có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát; các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- **Hội đồng quản trị**

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của Công ty, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- **Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung toàn bộ về các mặt công tác và các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám dốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- **Các phòng chức năng**

  - **Phòng Tổng hợp:**

Phòng Tổng hợp thực hiện chức năng về quản trị nguồn nhân lực, quản trị văn phòng, tài sản và các công tác quản trị nội bộ về hành chính, lao động tiền lương, thi đua, kỷ luật.

  - **Phòng Kế toán:**

Phòng Kế toán chịu trách nhiệm về công tác tài chính, kế toán của Công ty. Ngoài ra, tại các chi nhánh còn có các tổ kế toán phục vụ công tác hạch toán tại đơn vị, cụ thể: Tất cả các giao dịch có giá trị lớn hơn đều thực hiện qua hệ thống ngân hàng, có sự kiểm tra tập trung tại Kế toán Văn phòng Công ty.

  - **Ban Kinh doanh**:

Ban Kinh doanh thực hiện chức năng thu mua nguyên liệu sản xuất và kinh doanh các sản phẩm của Công ty, bao gồm lương thực, thức ăn chăn nuôi....

✓ **Ban đầu tư và phát triển dự án**

Thực hiện việc thẩm định dự án đầu tư, các thủ tục xin phép đầu tư, phát triển, mua bán các dự án vùng nuôi trồng và dự án bất động sản của Công ty.

❖ **Các chi nhánh**

✓ **Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi thủy sản:**

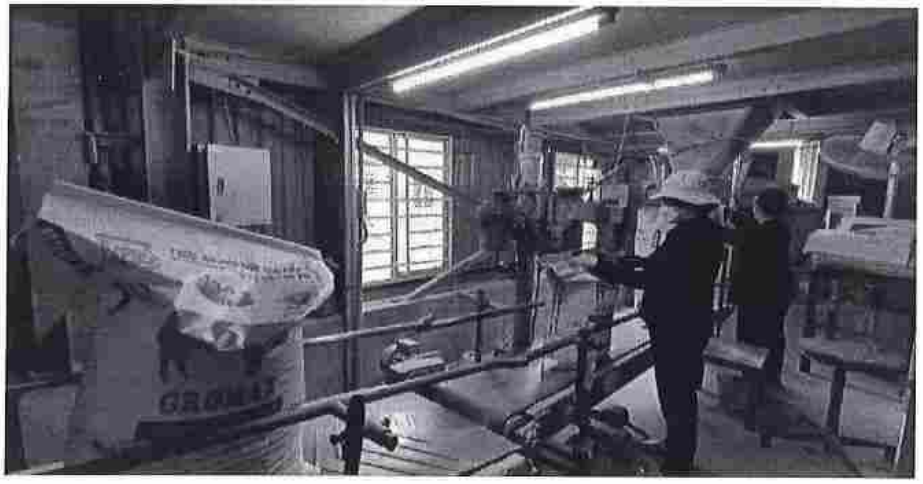
Xí nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi dạng bột, cán mảnh, viên, viên nổi, … cho gia súc, gia cầm, cá, lươn, ếch với 04 dây chuyền cho công suất thiết kế 91.000 tấn/năm.

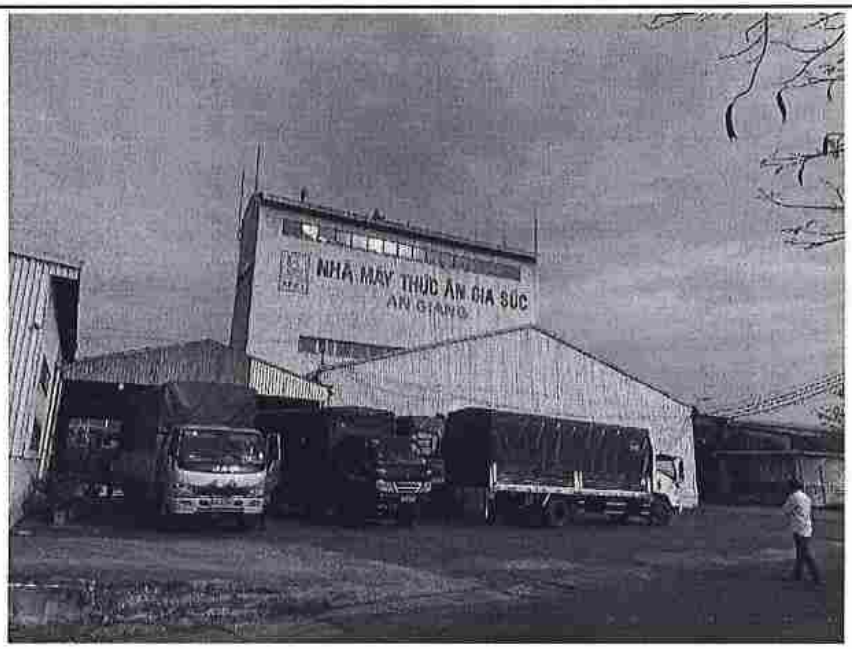
Một số hình ảnh về cơ sở vật chất và hoạt động của Xí nghiệp









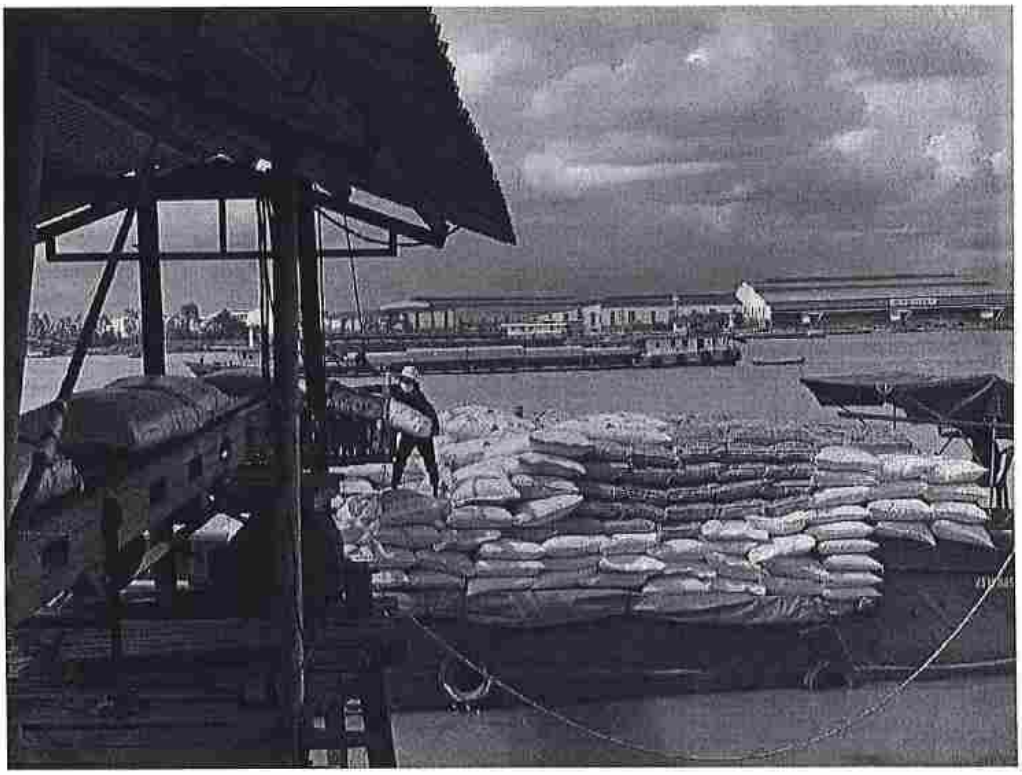

NHÀ MÁY THỨC ĂN GIA SÚC
AN GIANG

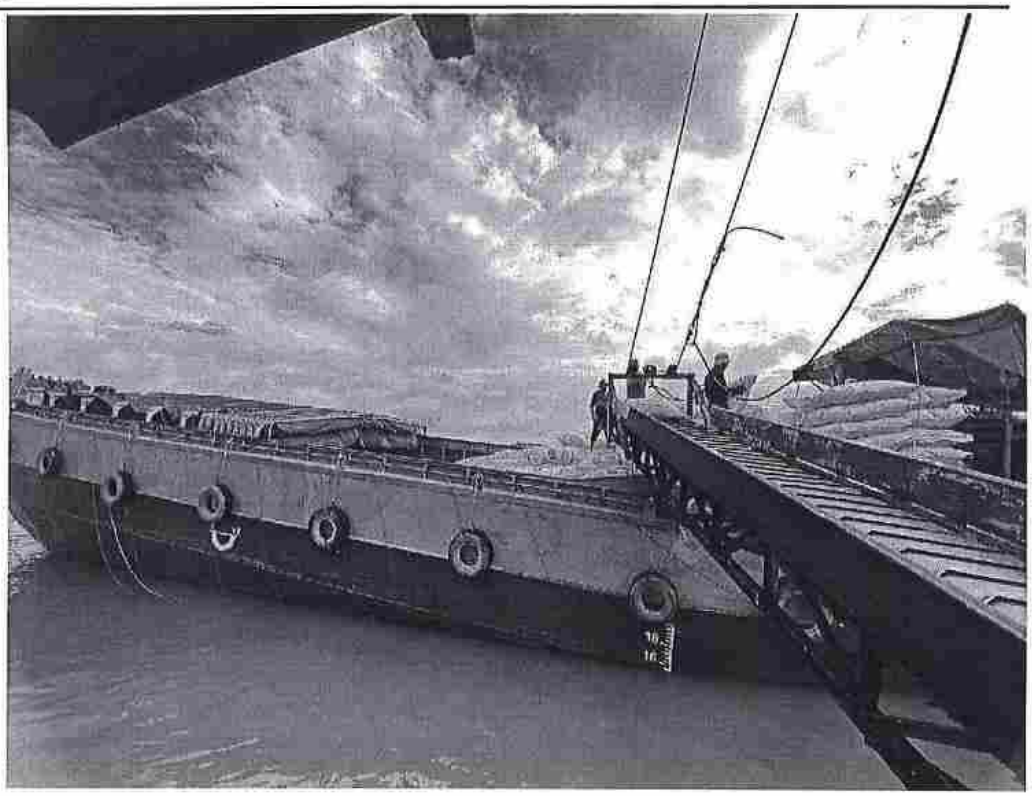





JAC
ISUZU


NHÀ MÁY THỨC ĂN GIA SÚC
AN GIANG







Nguồn: CTCP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

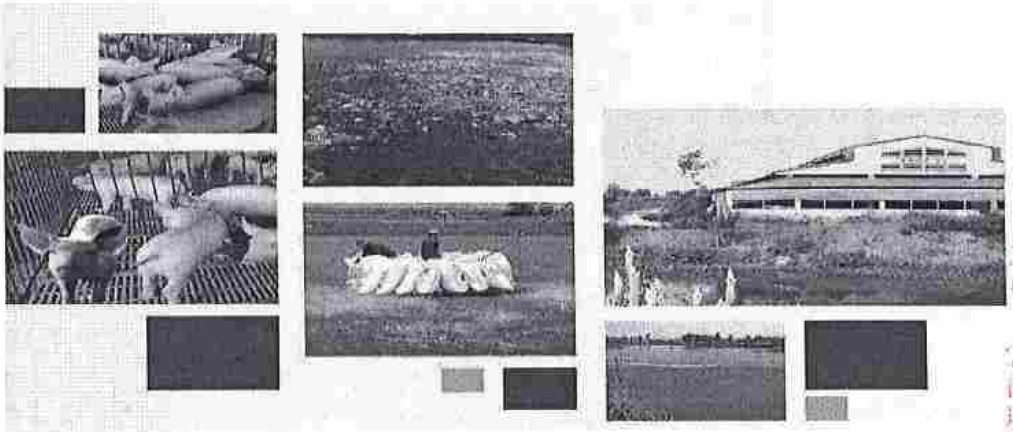
Để tận dụng nguồn thức ăn sản xuất và đất đai thuộc sở hữu của Công ty, xí nghiệp thức ăn chăn nuôi còn quản lý và Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh có diện tích:

34,30 ha, nằm dọc theo kênh Ông Cò, bao gồm 3 khu: nuôi heo thịt, nuôi heo giống, nuôi cá. Trại được thành lập từ năm 1987, đến năm 2004 được Cục Trưởng Cục Nông nghiệp – Viện KHKT Nông nghiệp Miền Nam chứng nhận "Trại Chăn nuôi Vĩnh Khánh sản xuất giống vật nuôi đặt tiêu chuẩn chất lượng năm 2004". Trại có sản xuất cá giống, cá Tra, heo thịt, heo giống, tinh heo. Năng lực sản xuất: Tổng đàn heo có mặt thường xuyên 3.000 – 4.000 con trong đó trên 500 nái và 30 đực giống, gồm các giống: Landrace, Duroc và Yorkshire và các giống lai 2-3 máu. Về cá giống: có khoảng 2 triệu con cá tra giống, bình quân 30-50 con/kg tương đương 40 tấn cá giống. Cá tra thịt: 1.700 tấn cá tra thịt (size từ 1-1,2kg/con)

Hiện tại trại nuôi Vĩnh Khánh đang duy trì đàn heo giống và heo thịt, tổng đàn 3.000 con. Ngoài ra, trại Vĩnh Khánh cũng duy trì nuôi cá tra giống khoảng 30 tấn, cá tra thịt khoảng 1.500 tấn.

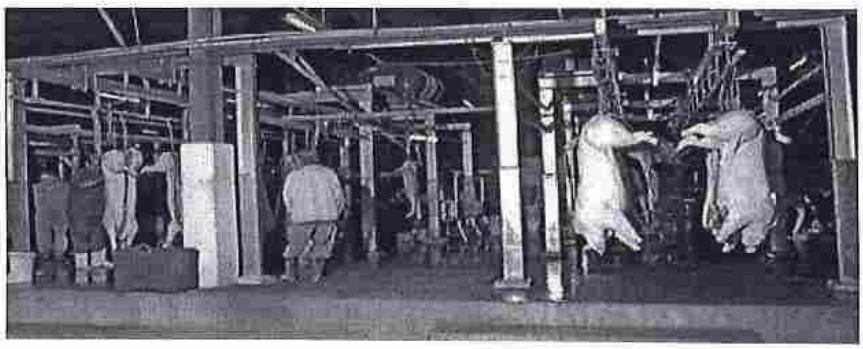
Một số hình ảnh của Trại nuôi Vĩnh Khánh





✓ **Xí nghiệp Chế biến lâm súc sản:**

Xí nghiệp chủ yếu kinh doanh dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm.





✓ **Thành phố Hồ Chí Minh**

Chi nhánh TP.HCM phụ trách việc đàm phán hợp đồng xuất khẩu gạo, giao nhận hàng hóa cho Công ty (chủ yếu là lương thực) và cung cấp dịch vụ giao nhận cho khách hàng.



✓ **Thành phố Hà Nội**

Chi nhánh Hà Nội phụ trách hoạt động thương mại hàng nông sản.

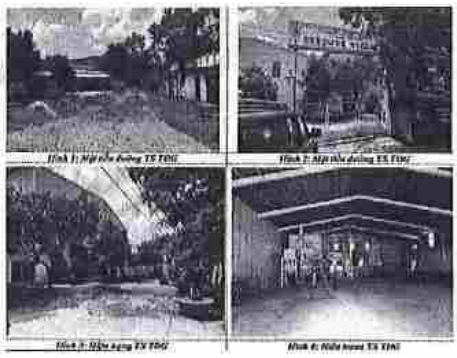
✓ **Xí nghiệp Xuất khẩu lương thực**

Chi nhánh thực hiện nhiệm vụ sản xuất, chế biến và kinh doanh gạo với 05 kho lương thực (trạm thu mua). Hệ thống kho chưa lên đến 90.000 tấn nằm ngay trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long – khu vực sản xuất lúa gạo lớn nhất Việt Nam.

Hầu hết các kho lương thực đều có các thiết bị để chế biến gạo với công suất thiết bị chế biến 300.000 tấn/năm, góp phần cho việc tiêu thụ lúa, gạo của nông dân đến mùa thu hoạch đồng thời đủ sức đáp ứng các hợp đồng xuất khẩu gạo với số lượng lớn. Một số hình ảnh và thông tin hệ thống kho chứa của Công ty.

Kho lương thực Bình Hòa

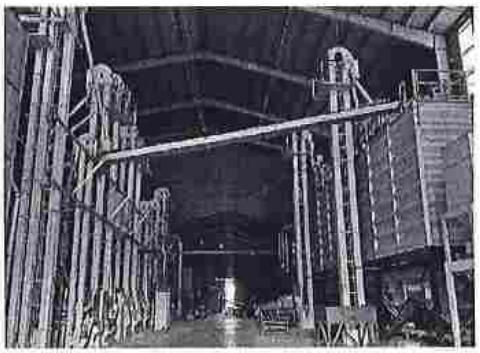
Địa chỉ: Xã Bình Hòa, tỉnh An Giang, diện tích: 7.358,4 m2

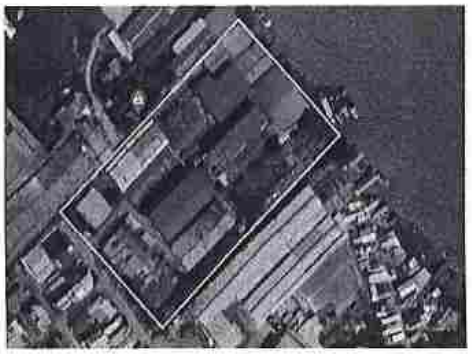




Kho Mỹ Thới

Địa chỉ: QL 91, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang, diện tích: 25.429,5 m2





Kho lương thực Thoại Sơn

Địa chỉ: Xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang, diện tích: 2.341,9 m2





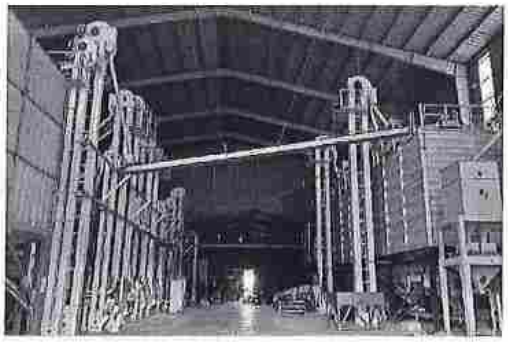
Kho Lương Thực Chợ Đình, Phú Tân

Địa chỉ: Xã Phú Tân, tỉnh An Giang, diện tích: 3.966,6 m2



Kho Lương Thực Tịnh Biên

Địa chỉ: Xã Núi Cấm, An Giang, diện tích: 16.033,6 m2





4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Số CMTND /HC/GCNĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	ĐẶNG QUANG THÁI	001082000041	Phòng 909 tòa D chung cư Mulberry Lane, phường Đại Mỗ, Hà Nội	8.555.230	24,44%
2.	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LỘC THUẬN	0109231358	SỐ 21C, NGÁCH 15, NGÕ 134 PHỐ LÊ TRỌNG TẤN, PHƯỜNG KHƯƠNG MAI, QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM	2.147.000	6,13%
3.	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết An Giang	1600190393	64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, LX-AG	3.018.750	8,63%
4.	Nguyễn Thị Hường	001184007807	Nhà số 7, LK 14B, KĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	2.002.300	5,72%
Tổng cộng				**15.723.280**	**44,92%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của AFX do VSDC chốt tại ngày 30/06/2026

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần của mình trong 3 năm kể từ ngày thành lập. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 01/04/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05/5/2026. Theo đó, đến nay cổ phiếu của các cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Stt	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**1.238**	**34.999.400**	**99,998%**
1	*Tổ chức*	7	8.528.180	24,366%
2	*Cá nhân*	1.231	26.471.220	75,632%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**1**	**600**	**0,002%**
1	*Tổ chức*	0	0	0,000%
2	*Cá nhân*	1	600	0,002%
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0,000%**
	TỔNG CỘNG	**1.239**	**35.000.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của AFX do VSDC chốt tại ngày 30/06/2026

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký chào bán; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang; những công ty do Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

5.1. Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Không có.

5.2. Công ty con và những công ty do Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.3. Công ty liên kết

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Kể từ khi hoàn thành cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần đến nay, Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang chưa thực hiện tăng vốn điều lệ

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác: Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Stt	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**1.238**	**34.999.400**	**99,998%**
1	*Tổ chức*	7	8.528.180	24,366%
2	*Cá nhân*	1.231	26.471.220	75,632%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**1**	**600**	**0,002%**
1	*Tổ chức*	0	0	0,000%
2	*Cá nhân*	1	600	0,002%
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0,000%**
	TỔNG CỘNG	**1.239**	**35.000.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của AFX do VSDC chốt tại ngày 30/06/2026

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang được tuân thủ theo quy định tại Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Ngày 07/07/2021, UBCKNN đã có Công văn số 3424/UBCK – PTTT phúc đáp về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của AFIEX, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài được thông báo là 0%, Công ty đã thực hiện công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài nói trên theo công văn của UBCKNN.

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/06/2026 của Công ty do VSDC cung cấp có tồn tại cổ đông nước ngoài với số lượng cổ phiếu nắm giữ là 600 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,002%, cổ đông nước ngoài nói trên phát sinh trước thời điểm Công ty xác định và thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của Luật chứng khoán 2019 (có hiệu lực vào ngày 01/01/2021). Từ thời điểm đó, nhà đầu tư nước ngoài không được

gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty và số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư nước ngoài nói trên sở hữu không gia tăng thêm. Việc tồn tại cổ đông nước ngoài nói trên là bất khả kháng và đã được khoanh lại để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đã được thông báo.

10. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1. Sản phẩm chính của Công ty và Quy trình sản xuất sản phẩm, Công nghệ áp dụng

- ***Sản phẩm chính của Công ty và Quy trình sản xuất sản phẩm***

Hiện tại, Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang có 02 hoạt động chính cung cấp cho thị trường là lương thực và thức ăn chăn nuôi.

- **Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi**: Với năng lực kho chứa 22.000 tấn cho kho nguyên liệu, 1.000 tấn cho kho thành phẩm; công suất thiết kế 100.000 tấn/năm bao gồm 04 dây chuyền sản xuất theo công nghệ Hà Lan, Mỹ, Đài Loan; hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi. Hiện nay, Công ty đã cung cấp ra thị trường 53 loại sản phẩm khác nhau với các loại thức ăn ở dạng bột, cán mảnh, viên, viên nổi cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản. Trong đó thức ăn cho thủy sản là thế mạnh của thức ăn chăn nuôi. Hiện các sản phẩm dành cho cá có vảy, cá lóc, cá kèo, cá trê vàng đang là những sản phẩm chiến lược được ưa chuộng trên thị trường.

  Mới đây, công ty còn kết hợp với Tiến Sĩ Ngô Hồng Phượng Trường ĐH Nông Lâm TPHCM và các chuyên gia của Thái Lan nghiên cứu sản xuất thêm sản phẩm thức ăn dành cho thú cưng (chó, mèo). Qua kiểm nghiệm và sử dụng thực tế, sản phẩm được đánh giá có chất lượng tương đương với các sản phẩm cao cấp trên thị trường nhưng giá thành thấp hơn 20-30%.







Quy trình sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi



Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang

Công ty với đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao và hệ thống phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm đầy đủ thiết bị là một lợi thế trong việc thiết lập khẩu phần ăn phù hợp cho từng loại vật nuôi trước khi đưa vào sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra. Việc lựa chọn và xử lý nguyên liệu cũng là một ưu điểm của công ty do các nguyên liệu chủ yếu là các sản phẩm có sẵn tại chỗ như cám, gạo, tấm, phụ phẩm cá.... còn với các sản phẩm cần nhập khẩu làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gồm ngô, đậu tương, các phụ phẩm khác công ty trực tiếp nhập khẩu từ các đối tác lâu năm nên giá cả và chất lượng khá ổn định. Công nhân lành nghề của công ty thực hiện xử lý nguyên liệu, kết hợp cùng với máy móc theo công nghệ hiện đại của Mỹ, Hà Lan và Đài Loan đảm bảo việc trộn, ép và đóng gói sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn chất lượng và mẫu mã đáp ứng yêu cầu thị trường. Công ty cũng xây dựng hệ thống phân phối và bán hàng trên toàn quốc thông qua các chi nhánh và hệ thống đại lý tại các tỉnh thành.

Một số hình ảnh sản phẩm thức ăn chăn nuôi do công ty sản xuất:

- ***Thức ăn thủy sản***



Thức ăn cá lóc



Thức ăn cho cá có vảy



Thức ăn cho cá da trơn

- ***Thức ăn gia cầm***



Thức ăn vịt con và vịt thịt



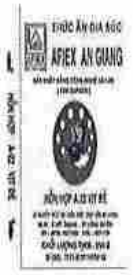
Thức ăn gà thịt



Thức ăn cút



Thức ăn gà đẻ

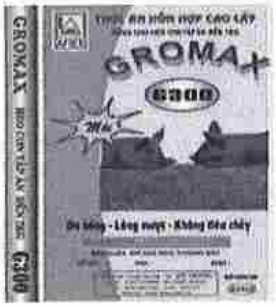


Thức ăn vịt đẻ

- ***Thức ăn gia súc***



Thức ăn cho bò



Thức ăn heo con



Thức ăn heo nái, nọc







Thức ăn heo thịt | Thức ăn đậm đặc heo nái | Thức ăn đậm đặc heo thịt

- ***Thức ăn cho thú cưng***











- ***Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi***



Dầu – nguyên liệu thức ăn chăn nuôi



Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ thực vật



Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ động vật

Hình ảnh thành phẩm tại Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi









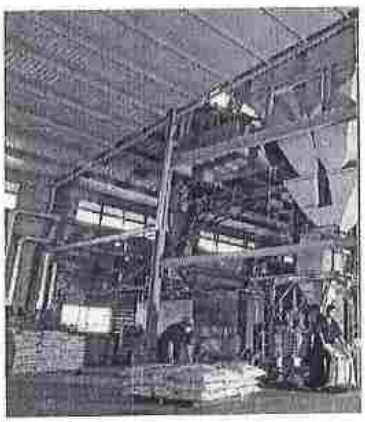
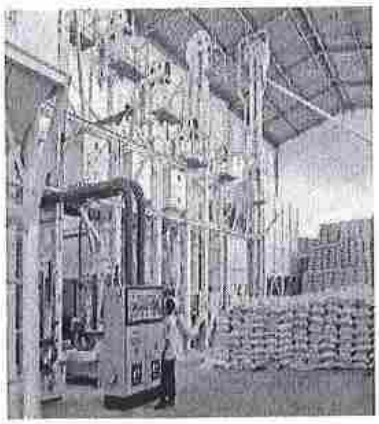









– **Kinh doanh chế biến và xuất khẩu gạo**: Trong những năm qua, AFIEX đã cung cấp các loại gạo trắng xuất khẩu: 5%, 10%, 15%, 25% tấm gạo thơm, gạo cao cấp... cho các thị trường Châu Á như Hàn Quốc, Phillipine, Singapore, Malaysia; thị trường Châu Phi như Gana, Nam Phi. Năng lực kho chứa (quy gạo) lên đến 90.000 tấn, công suất chế biến xát trắng và lau bóng gạo 200.000 tấn/năm, tách hạt khác màu 40.000 tấn/năm, sấy lúa công nghiệp 50.000 tấn/năm, xay xát lúa 36.000 tấn/năm.

Quy trình chế biến và xuất khẩu gạo



Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang

Với vị trí địa lý nằm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – khu vực sản xuất lúa lớn nhất Việt Nam, cộng với hệ thống kho chứa lúa trải dài trên địa bàn tỉnh An Giang và Cần Thơ nên việc lựa chọn và thu mua lúa cũng như tích trữ gạo để xuất khẩu. Hệ thống máy móc với công suất cao, hệ thống sản xuất liên hoàn từ khâu nạp nguyên liệu, cân, sấy, xay xát, làm trắng và lau bóng gạo thành phẩm đưa ra các sản phẩm gạo tốt nhất, giá cả cạnh tranh, phù hợp nhất đến với khách hàng. Với giấy phép xuất khẩu gạo đã được cấp phép, công ty đã tiến hành xuất khẩu trên các thị trường các nước Asean, Châu Phi, Iran, Iraq, Cuba, Hong Kong… Ngành gạo đang bước vào giai đoạn cạnh tranh mới. Sau chu kỳ tăng mạnh của giá gạo toàn cầu trong năm 2025, thị trường có dấu hiệu điều chỉnh khi nguồn cung dần ổn định trở lại, trong khi nhu cầu tại nhiều thị trường nhập khẩu lớn tăng chậm hơn trước. Điều đó khiến biên lợi nhuận của nhóm doanh nghiệp xuất khẩu gạo truyền thống ngày càng thu hẹp, đặc biệt với các doanh nghiệp chủ yếu cạnh tranh bằng sản lượng và giá bán. Vì vậy, khi AFIEX chuyển đổi mô hình kinh doanh sang tập trung vào phân khúc gạo chất lượng cao, phát triển sản phẩm mang thương hiệu riêng và mở rộng hiện diện tại các thị trường có tiêu chuẩn khắt khe, qua đó cải thiện biên lợi nhuận gộp.

Một số hình ảnh sản phẩm gạo do Công ty sản xuất





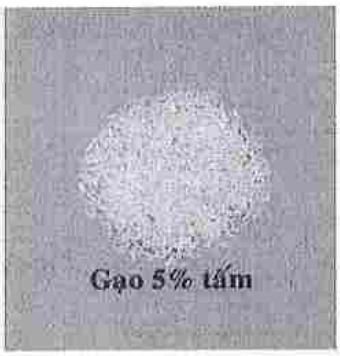


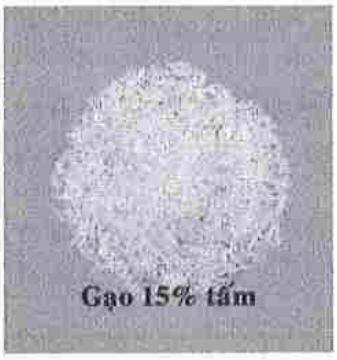


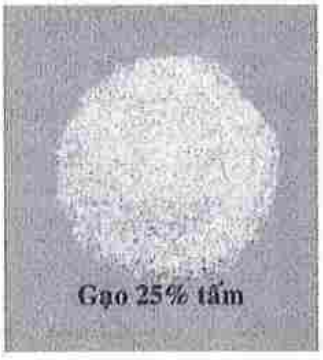




Gạo Trắng Dài | Gạo Jasmine | Gạo Hương Lài







Gạo 5% tấm | Gạo 15% tấm | Gạo 25% tấm

- Ngoài ra, Công ty có kinh doanh ngành nghề khác như:
  - Sản phẩm chăn nuôi: heo thịt, heo giống, tinh heo, cá tra thịt, cá tra giống,. Với trại nuôi riêng thuộc sở hữu của Công ty tại xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, công ty có phân thành ba khu: nuôi heo thịt, nuôi

heo giống và nuôi cá để tận dụng nguồn thức ăn chăn nuôi tự sản xuất và cung cấp sản phẩm thịt heo, cá tra và giống heo, cá giống ra thị trường địa bàn tỉnh An Giang và các đơn vị chế biến xuất khẩu.

- Sản phẩm thịt tươi sau giết mổ: Bò, heo, gà, vịt,..., tận dụng cơ sở vật chất có sẵn là xí nghiệp Lâm súc sản chuyên giết mổ gia súc, gia cầm và các sản phẩm chăn nuôi của Công ty, AFIEX đã cung cấp thêm ra thị trường các sản phẩm thịt tươi sau giết mổ
- Dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh Bất động sản: kinh doanh lô nền các khu dân cư, dự án, cho thuê mặt bằng.

Công nghệ áp dụng trong sản xuất sản phẩm

Trong các năm qua, Công ty đã nâng cấp, cải tạo máy móc, thiết bị để đáp ứng nhu cầu sản xuất, nâng cao năng lực hoạt động, các công trình trọng điểm như:

- Cải tạo dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi Chiatung 1 với giá trị 3.985 triệu đồng nhằm duy trì sản lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Lắp mới lò hơi 12 tấn/giờ đốt trấu rời tại Xí nghiệp thức ăn chăn nuôi với giá trị 5.025 triệu đồng; hoàn thành công trình nhà bao che lò hơi 12 tấn/giờ với giá trị 1.092 triệu đồng; hoàn thành mua sắm hệ thống bầu góp hơi và đường ống gió có giá trị 318 triệu đồng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giám giá thành, tăng chất lượng sản phẩm.
- Lắp đặt bổ sung thiết bị lau bóng và tách màu gạo tại kho Mỹ Thới với giá trị 2.578 triệu đồng, cải thiện chất lượng gạo thành phẩm.
- Nâng cao, cải tạo kho lương thực Bình Hòa, nâng cấp lò hạ mổ Cái Dung, sửa chữa chuồng trại nuôi heo từ chuồng hở sang chuồng kín.

Công ty đảm bảo các tiêu chuẩn về vận hành và con người để được cấp chứng chỉ ISO 9001: 2000 với nhà máy thức ăn chăn nuôi thủy sản, đạt giải thưởng hàng Việt Nam chất lượng trong nhiều năm liền với sản phẩm thức ăn chăn nuôi và gạo xuất khẩu; chứng nhận VietGAP cho sản phẩm chăn nuôi.

Yếu tố cán bộ kỹ thuật với trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và công nhân lành nghề và hợp tác với vai trò cố vấn của các chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài nước có nhiều uy tín và kinh nghiệm là điểm mạnh của Công ty trong việc áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, không ngừng nghiên cứu, cải tiến và kết hợp với những khảo nghiệm thực tế để đưa vào hoạt động sản xuất kinh

doanh nhằm cung cấp đến khách hàng những sản phẩm tốt, giá cạnh tranh, chất lượng cao

- ***Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh***

- *Đối với hoạt động chế biến và xuất khẩu gạo:*

Tính thời vụ của hoạt động xuất khẩu gạo là sự biến động lặp lại theo từng thời điểm trong năm về sản lượng, giá trị, giá xuất khẩu và tiến độ giao hàng, chủ yếu gắn với mùa vụ sản xuất lúa và nhu cầu nhập khẩu của các thị trường.

Xuất khẩu gạo thường tăng mạnh sau các vụ thu hoạch chính, khi nguồn cung trong nước dồi dào và giá thành giảm. Ngược lại, vào thời kỳ giáp vụ, lượng gạo hàng hóa giảm nên khối lượng xuất khẩu có thể chững lại, trong khi giá xuất khẩu thường tăng.

Ở Việt Nam, tính thời vụ chịu ảnh hưởng rõ nét từ lịch thu hoạch lúa, đặc biệt là các vụ **Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông** tại Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, vụ Đông Xuân thường cho sản lượng và chất lượng cao, tạo nguồn hàng lớn phục vụ xuất khẩu.

Tính thời vụ của xuất khẩu gạo hình thành do:

- **Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc mùa vụ:** Nguồn cung tập trung vào thời điểm thu hoạch, khó phân bổ hoàn toàn đồng đều trong năm.
- **Điều kiện thời tiết:** Hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn hoặc bão có thể làm thay đổi sản lượng và thời gian thu hoạch.
- **Nhu cầu nhập khẩu theo thời điểm:** Các nước thường tăng mua để dự trữ trước mùa mưa bão, thiên tai, lễ hội hoặc thời kỳ thiếu hụt lương thực.
- **Chính sách của các quốc gia:** Hạn chế xuất khẩu, giảm thuế nhập khẩu, đấu thầu mua gạo hoặc điều chỉnh dự trữ quốc gia có thể làm đơn hàng tăng đột biến.
- **Khả năng bảo quản và logistics:** Hệ thống kho chứa, chế biến và vận chuyển quyết định khả năng kéo dài thời gian tiêu thụ sau thu hoạch.

Tính thời vụ tạo điều kiện để doanh nghiệp thu mua và xuất khẩu khối lượng lớn trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, nó cũng gây áp lực lên kho bãi, vận tải, vốn lưu động và năng lực chế biến. Khi nguồn cung tăng mạnh sau thu hoạch, giá lúa gạo có nguy cơ giảm; còn trong thời kỳ khan hiếm, doanh nghiệp có thể thiếu nguyên liệu để thực hiện hợp đồng.

Với lợi thế nằm trong vùng nguyên liệu lớn nhất cả nước, nguồn vốn lưu động lớn, hệ thống kho chứa lớn trải dài khắp tỉnh An Giang, năng lực chế biến lớn, vị trí thuận lợi cho việc vận chuyển liên vùng và đến các cảng, do đó, tính thời vụ có ảnh hưởng đến

hoạt động Chế biến và xuất khẩu gạo của Công ty nhưng Công ty vẫn luôn chủ động trong việc quản lý nguồn cung từ nông dân và các thương lái, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; đồng thời nâng cao năng lực dự báo cung cầu, giá cả và chính sách thương mại để hạn chế tối đa sự tác động của tính thời vụ

- *Đối với hoạt động sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi:*

Tính mùa vụ của hoạt động chế biến thức ăn chăn nuôi là sự biến động theo từng thời điểm trong năm về nhu cầu sản xuất, tiêu thụ, nguyên liệu và công suất chế biến, chịu ảnh hưởng bởi chu kỳ chăn nuôi, mùa vụ nông nghiệp và điều kiện thời tiết, cụ thể:

- Sản lượng chế biến thức ăn chăn nuôi thường tăng vào các thời điểm người chăn nuôi tái đàn hoặc mở rộng đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt trước các dịp có nhu cầu tiêu thụ thịt cao như Tết Nguyên đán.
- Nhu cầu thức ăn giảm khi người chăn nuôi thu hẹp quy mô sản xuất do giá vật nuôi xuống thấp, dịch bệnh hoặc điều kiện thời tiết bất lợi.
- Nhu cầu nguyên liệu như ngô, lúa mì, đậu tương, cám gạo thường tăng mạnh sau các vụ thu hoạch, khi nguồn cung dồi dào và giá nguyên liệu thấp.

Hiểu được tính mùa vụ đối với hoạt động sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ tới hoạt động sản xuất kinh doanh, một số các biện pháp mà Công ty đã và đang áp dụng như sau:

- Chủ động xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên liệu sau mùa thu hoạch.
- Đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu trong nước và nhập khẩu.
- Phát triển hệ thống kho bảo quản hiện đại để giảm hao hụt.
- Ký hợp đồng dài hạn với các trang trại và đại lý nhằm ổn định đầu ra.
- Tăng cường dự báo thị trường, theo dõi diễn biến dịch bệnh và giá nguyên liệu để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kịp thời.

Sản lượng hàng hóa, sản phẩm bán ra

Bảng 4. Sản lượng hàng hóa, sản phẩm bán ra

Đơn vị tính: Tấn

STT	Sản lượng hàng hóa bán ra	Năm 2024	Năm 2025
1	Gạo trong nước	57.328	22.547
2	Gạo xuất khẩu	-	24.071

STT	Sản lượng hàng hóa bán ra	Năm 2024	Năm 2025
3	Thức ăn chăn nuôi	99.830	201.424

Nguồn: Công ty cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

10.2. Tài sản

10.2.1 Tình hình tài sản của Công ty

Bảng 5. Tình hình tài sản của Công ty

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026			30/09/2026		
		Nguyên giá	GTCL	% GTCL /NG	Nguyên giá	GTCL	% GTCL /NG	Nguyên giá	GTCL	% GTCL /NG	Nguyên giá	GTCL	% GTCL /NG
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**269.358**	**36.036**	**13,40%**	**265.788**	**31.782**	**11,96%**	**255.191**	**29.752**	**11,66%**	**255.244**	**28.800**	**11,28%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	113.958	16.939	14,90%	113.913	14.665	12,87%	103.192	12.452	12,06%	103.193	11.939	11,57%
2	Máy móc, thiết bị	127.686	11.795	9,20%	124.161	11.120	8,96%	124.702	11.941	9,57%	125.856	11.675	9,28%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.753	6.124	29,50%	20.753	5.107	24,61%	20.382	4.629	22,7%	20.383	4.391	21,54%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.715	664	17,90%	3.715	510	13,73%	3.666	409	11,15%	3.805	511	13,43%
5	Tài sản khác	3.246	513	15,80%	3.246	379	11,69%	3.246	319	9,82%	2.008	284	14,14%
II	**Tài sản cố định thuê tài chính**	-	-	-	**1.680**	**1.680**	**100%**	**1.680**	**1.356**	**80,71%**	**1.680**	**1.208**	**71,88%**
III	**Tài sản cố định vô hình**	**34.118**	**27.941**	**81,90%**	**33.545**	**26.644**	**79,43%**	**26.499**	**21.442**	**80,92%**	**26.499**	**21.313**	**80,43%**
1	Quyền sử dụng đất	33.484	27.586	82,40%	32.911	26.366	80,11%	25.865	21.203	81,97%	25.865	21.093	81,55%
2	Phần mềm máy tính	634	355	56,00%	634	278	43,82%	634	239	37,70%	634	220	34,70%
IV	**Bất động sản đầu tư**	-	-	-	-	-	-	**19.422**	**5.974**	**30,76%**	**19.422**	**5.875**	**30,25%**

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026			30/09/2026		
		Nguyên giá	GTCL	% GTCL /NG	Nguyên giá	GTCL	% GTCL /NG	Nguyên giá	GTCL	% GTCL /NG	Nguyên giá	GTCL	% GTCL /NG
1	Nhà xưởng	-	-	-	-	-	-	10.720	1.095	10,21%	10.720	1.052	9,81%
2	Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-	-	-	1.656	40	2,42%	1.656	36	2,16%
3	Quyền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	7.046	4.839	68,68%	7.046	4.787	67,95%
	Tổng cộng	**303.476**	**63.977**	**21,10%**	**301.012**	**60.105**	**19,97%**	**302.792**	**58.524**	**19,33%**	**302.845**	**57.195**	**18,89%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản thực phẩm An Giang

Tổng nguyên giá tài sản cố định giảm nhẹ từ 303.476 triệu đồng cuối năm 2024 xuống 301.012 triệu đồng cuối năm 2025 và 283.423 triệu đồng tại 30/09/2026, phản ánh chiến lược quản lý vốn hiệu quả. Giá trị còn lại (GTCL) giảm từ 63.977 triệu đồng xuống 60.105 triệu đồng và 51.320 triệu đồng tương ứng, dẫn đến tỷ lệ GTCL/Nguyên giá cải thiện từ 21,10% xuống 19,97% và 18,11%. Tài sản cố định vô hình giảm nguyên giá từ 34.118 triệu đồng xuống 33.545 triệu đồng ổn định, GTCL từ 27.941 triệu đồng (81,90%) xuống 21.313 triệu đồng (80,43%). Quyền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn, giảm từ 82,40% xuống 81,55% khấu hao, trong khi phần mềm máy tính cải thiện từ 56,00% xuống 34,70%. Nhìn chung, tỷ lệ khấu hao trung bình giảm dần phản ánh tuổi thọ tài sản kéo dài và bảo trì tốt.

Bảng 6. Chi phí xây dựng dở dang

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Xây dựng cơ bản	-	106.325.286	115.000.000	1.440.359.000
Sửa chữa lớn	178.488.321	988.527.170	-	23.000.000
Tổng	**178.488.321**	**1.094.852.456**	**115.000.000**	**1.463.359.000**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản thực phẩm An Giang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của AFIEX ghi nhận sự gia tăng mạnh về quy mô, phản ánh chiến lược đầu tư mạnh mẽ vào tài sản cố định nhằm mở rộng năng lực sản xuất trong giai đoạn 2024 - 2026. Cuối năm 2024, tổng chi phí dở dang chỉ bao gồm 178,49 triệu đồng từ hạng mục Sửa chữa lớn, thì đến ngày 31/12/2025, con số này đã vọt lên tới 1.094,85 triệu đồng, tức tăng gấp hơn 6 lần so với năm trước. Sự đột phá này chủ yếu đến từ việc bắt đầu ghi nhận hạng mục Xây dựng cơ bản với giá trị 106,33 triệu đồng và đặc biệt là sự gia tăng của Sửa chữa lớn lên 988,53 triệu đồng, tăng 454% so với năm 2024. Sang đến Quý 3/2026, tổng giá trị chi phí xây dựng dở dang tăng mạnh lên 1.463 triệu đồng, cho thấy Công ty đang tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào xây dựng thêm nhà xưởng, kho để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

10.2.2 Đất đai đang sử dụng

Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang đến thời điểm hiện nay đang quản lý, sử dụng các khu đất sau:

Bảng 7. Tình hình đất đai của Công ty

STT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hiện trạng sử dụng	Số GCNQSDĐ
I.	**Đất giao, đất nhận chuyển nhượng (có thu tiền sử dụng đất):**			
1	Xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	2.730,00	Phân xưởng chế biến gạo Bình Hòa	BE 565344 (300m2 ONT) và BE 565345 (2430m2)

STT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hiện trạng sử dụng	Số GCNQSDĐ
2	Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	2.341,90	Phân xưởng chế biến gạo Thoại Sơn	BK 065244
3	Hẻm QL 91 Phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	49,0	Xí nghiệp Chế biến Lâm súc sản	DA 578480
4	Ấp Long Hòa, xã Long Giang, huyện Chợ Mới, An Giang	37.888,20	Vùng nuôi cá Long Giang	BR 626184-BR 626185-BR 626186-BR 626187-BR 626188
5	Ấp Bình Tây 1, Phú Bình, Phú Tân, An Giang	24.959,90	Vùng nuôi cá Phú Bình	BR 538049
6	Ấp Vĩnh Mỹ, TT Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ	17.122,90	Chưa khai thác sản xuất – kinh doanh	CA 396450
7	Ấp Vĩnh Mỹ, TT Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ	9.210,00	Chưa khai thác sản xuất – kinh doanh	CG 824938
II.	**Đất thuê trả tiền một lần:**			
1	Hẻm QL 91 Phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	712,40	Xí nghiệp Chế biến Lâm súc sản	DA 578477; DA 578478; DA 578479; DA 578481;
III.	**Đất thuê trả tiền hàng năm:**			
1	Hẻm QL 91, Phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	25.537,50	Xí nghiệp chế biến Lâm súc sản	BE 451951
2	Thị trấn Phú Mỹ, Chợ Đình, Phú Tân, An Giang	3.966,60	Phân xưởng chế biến gạo Phú Tân	BR 538012
3	Xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	4.628,40	Phân xưởng chế biến gạo Bình Hòa	BE 565346

STT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hiện trạng sử dụng	Số GCNQSDĐ
4	Xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên, An Giang	16.033,90	Phân xưởng chế biến gạo Tịnh Biên	BK 065145 - CE 189473
5	Hẻm QL91, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	25.429,50	Xí nghiệp xuất khẩu lương thực	BE 576768
6	59 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	172,10	Cửa hàng thức ăn chăn nuôi thủy sản	BK 065327
7	QL 91 (Vàm Cống), Phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	48.712,90	Xí nghiệp thức ăn chăn nuôi thủy sản	BE 576769 - BE 576770
8	2045 Trần Hưng Đạo, Mỹ Thới, Long xuyên, An Giang	1.030,50	Văn phòng Công ty	BE 576764
9	Xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn	303.715,40	Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh	30 Giấy CNQSD đất
10	Xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn	38.979,40	Trại chăn nuôi Vĩnh Trạch	BK065245

Nguồn: AFX

Tổng diện tích đất Công ty đang được sử dụng lên đến gần 60 ha, trải dài khắp tỉnh An Giang là một tỉnh có vị trí địa lý, kinh tế xã hội quan trọng trong của Miền Tây Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Với nguồn lực đất đai lớn Công ty có rất nhiều dư địa cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh cốt lõi là chế biến xuất khẩu gạo, sản xuất thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi cũng như lợi thế rất lớn trong việc phát triển hoạt động Logistics, bất động sản. Với tiềm lực lớn về tài sản, Công ty đang tích cực tìm kiếm các nguồn lực, nhà đầu tư để phát triển mạnh hơn nữa hoạt động kinh doanh trong thời gian sắp tới.

10.3. Thị trường hoạt động

- Thị trường kinh doanh trong nước: Chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khác trên cả nước, mặt hàng gồm gạo, thức ăn chăn nuôi, cá… chiếm khoảng 80% tổng doanh thu thuần của Công ty

– Hoạt động xuất nhập khẩu:

- Xuất khẩu: Gạo, nông sản cho các thị trường Châu Á (Hàn Quốc, Trung Quốc, Đông Nam Á), Mỹ chiếm khoảng 20% tổng doanh thu thuần của Công ty.
- Nhập khẩu: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, thuốc thú y ở các thị trường Châu Mỹ Latin, Châu Á và Châu Âu… chiếm khoảng chưa đến 10% giá vốn hàng bán đối với mặt hàng nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Bảng 8. Doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thị trường	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp
Trong nước	2.057.034	69.934	2.420.576	55.918	1.315.362	24.576	1.980.938	54.845
Nước ngoài	-	-	393.046	6.266	273.554	21.302	278.583	21.474

Nguồn: Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1 Tình hình đầu tư và hiệu quả đầu tư

Bảng 9. Danh mục đầu tư

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
1	Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	20.000	120.600	274.000
2	Chứng khoán kinh doanh	220.266	216.193	39.543
3	Đầu tư góp vốn vào đơn	2.024	-	-

STT	Khoản mục	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
	vị khác			
4	Hợp tác kinh doanh	168.700	44.300	-
Tổng cộng		**391.010**	**381.092**	**313.543**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn tại Ngân hàng của Công ty với kỳ hạn 6 tháng lãi suất 4%-6%/năm nhằm sinh lời từ các khoản thanh toán trước của khách hàng mà chưa phải trả ngay cho các nhà cung cấp, đối tác hay chi trả các chi phí hoạt động của Công ty.

Chứng khoán kinh doanh: Là các khoản đầu tư trái phiếu niêm yết của Công ty để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng các nguồn vốn từ khách hàng và nguồn vốn vay ngân hàng chưa phải thực hiện thanh toán để mang lại lợi nhuận tài chính cho công ty. Các khoản chứng khoán kinh doanh này có mức lãi suất từ 9,7% đến 11,7%/năm đã góp phần gia tăng doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty đồng thời đóng góp vào hiệu quả kinh doanh của Công ty trong các năm qua.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang (Coop Mart An Giang), hàng năm công ty nhận cổ tức từ đều đặn 10%. Trong năm 2025, Công ty có giảm tỷ lệ sở hữu từ 15% xuống còn 4,4%, việc thoái vốn đã mang lại cho Công ty lợi nhuận từ việc bán khoản đầu tư lên đến 10 tỷ đồng trong khi tổng mức vốn đầu tư ban đầu là 6,9 tỷ đồng.

Hợp tác kinh doanh: Là khoản góp vốn với các đơn vị phát triển bất động sản hoặc doanh nghiệp làm trong lĩnh vực nông nghiệp, nông lâm ngoài địa bàn tỉnh An Giang để mở rộng thêm hoạt động của Công ty sang các địa bàn khác trong nước với mục đích tăng cường nhận diện thương hiệu của Công ty đồng thời đem lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh trên cơ sở tối ưu hóa việc sử dụng vốn. Việc hợp tác kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ lợi nhuận thu được khi kết thúc hợp tác nhưng tối thiểu phải đạt 10% trên khoản vốn góp. Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty còn hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Ngoại giao đoàn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1308/2025/HTKD/ANGIANG-NGD ngày 13/08/2025, lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh là 4,43 tỷ đồng, thời gian hợp tác đến 28/07/2026. *Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (14/08/2026), hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã được quyết toán và thanh lý. Công ty đã thu về toàn bộ gốc và lợi nhuận*

từ hợp tác kinh doanh nói trên và số dư khoản mục Hợp tác kinh doanh của Công ty tại 30/09/2026 là 0 đồng căn cứ trên Báo cáo tài chính Quý 3/2026 đã công bố.

Theo số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của AFIEX, doanh thu hoạt động tài chính (hay chính là hoạt động đầu tư) đạt 76,2 tỷ đồng tăng 42,8 tỷ đồng so với năm 2024 tương đương tăng 128%. Số liệu này của 6 tháng đầu năm 2026 là 38,6 tỷ đồng tương đương mức tăng 70% so với cùng kỳ năm 2025. Những con số nói trên cho thấy hiệu quả mang lại từ hoạt động đầu tư là không nhỏ trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều này khẳng định sự hiệu quả trong việc luân chuyển nguồn vốn, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng vốn đã được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện trong thời gian qua nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn trong sử dụng vốn.

10.4.2 Hiệu quả sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 10. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.057.034**	**100%**	**2.813.622**	**100%**	**1.588.916**	**100%**	**2.259.521**	**100%**
Kinh doanh lương thực	*751.952*	*37%*	*665.692*	*24%*	*807.291*	*51%*	*1.294.600*	*57%*
Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi	*1.005.413*	*49%*	*1.879.303*	*67%*	*571.455*	*36%*	*599.264*	*27%*
Chăn nuôi	*112.281*	*5%*	*52.198*	*2%*	*11.458*	*1%*	*11.458*	*1%*
Hoạt động kinh doanh Bất động sản	*8.057*	*0%*	*1.424*	*0%*	-	*0%*	-	*0%*
Khác	*179.331*	*9%*	*215.005*	*8%*	*198.712*	*13%*	*354.199*	*16%*

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang

Bảng 11. Cơ cấu giá vốn của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.987.100**	**100%**	**2.751.438**	**100%**	**1.543.038**	**100%**	**2.183.202**	**100%**
Kinh doanh lương thực	*745.245*	*38%*	*658.193*	*24%*	*786.640*	*51%*	*1.272.498*	*58%*
Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi	*979.647*	*49%*	*1.869.131*	*68%*	*568.046*	*37%*	*594.497*	*27%*
Chăn nuôi	*89.969*	*5%*	*44.487*	*2%*	*12.207*	*1%*	*12.207*	*1%*
Hoạt động kinh doanh Bất động sản	*2.782*	*0%*	*642*	*0%*	-	*0%*	-	*0%*
Khác	*169.457*	*9%*	*178.985*	*7%*	*176.145*	*11%*	*304.000*	*14%*

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang

Bảng 12. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**69.934**	**100%**	**62.184**	**100%**	**45.878**	**100%**	**76.319**	**100%**
Kinh doanh lương thực	*6.707*	*10%*	*7.499*	*12%*	*20.651*	*45%*	*22.102*	*29%*
Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi	*25.766*	*37%*	*10.172*	*16%*	*3.409*	*7%*	*4.767*	*6%*

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chăn nuôi	*22.312*	*32%*	*7.711*	*12%*	*-749*	*-1%*	*-749*	*-1%*
Hoạt động kinh doanh Bất động sản	*5.275*	*8%*	*782*	*1%*	-	-	-	*0%*
Khác	*9.874*	*14%*	*36.020*	*58%*	*22.567*	*49%*	*50.199*	*66%*

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của AFX ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2025, đạt 2.813 tỷ đồng, tăng khoảng 36,8% so với mức 2.057 tỷ đồng của năm 2024. Đây là tín hiệu tích cực phản ánh khả năng mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh ngành nông nghiệp – thực phẩm có nhiều biến động. Tính đến hết 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu đạt 2.260 tỷ đồng, tương ứng khoảng 80,3% doanh thu cả năm 2025 và đạt 61,02% kế hoạch năm 2026, thể hiện đà tăng trưởng ổn định và có thể được duy trì trong các quý tiếp theo. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán năm 2025 tăng lên 2.751 tỷ đồng từ 1.987 tỷ đồng năm 2024, tức tăng tới 38,5%, tốc độ tăng nhanh hơn cả doanh thu. Điều này đã trực tiếp làm bào mòn lợi nhuận gộp, giảm từ 69 tỷ đồng năm 2024 xuống còn 62 tỷ đồng năm 2025, tương đương mức giảm 11,1%. Biên lợi nhuận gộp toàn Công ty thu hẹp đáng kể, từ 3,4% năm 2024 xuống còn 2,2% năm 2025.

Trong cơ cấu doanh thu, mảng kinh doanh lương thực chiếm tỷ trọng 37% tổng doanh thu năm 2024 với giá trị 752 tỷ đồng. Tuy nhiên, sang năm 2025, doanh thu mảng này giảm xuống 666 tỷ đồng, tỷ trọng thu hẹp còn 24%, phản ánh sự tái cơ cấu doanh thu khi mảng thức ăn chăn nuôi bứt phá mạnh. Đến hết 9 tháng đầu năm 2026, lương thực tăng trưởng rõ nét với 1.295 tỷ đồng, chiếm 57% tổng doanh thu trong kỳ. Điểm đáng chú ý là hiệu quả sinh lời của mảng lương thực liên tục được cải thiện. Lợi nhuận gộp mảng này tăng đều đặn từ 6,7 tỷ đồng năm 2024 lên 7,5 tỷ đồng năm 2025 và đạt 22,1 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2026, chiếm 29% tổng lợi nhuận gộp của Công ty trong kỳ. Biên lợi nhuận gộp mảng lương thực cải thiện mạnh, từ khoảng 0,89% năm 2024 lên 1,13% năm 2025 và đạt khoảng 1,71% trong 9 tháng đầu năm 2026. Đây là mảng kinh doanh truyền thống nhưng đang cho thấy xu hướng cải thiện chất lượng lợi nhuận đáng khích lệ.

Mảng sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi là động lực doanh thu nổi bật

nhất trong năm 2025. Doanh thu mảng này tăng vọt từ 1.005 tỷ đồng (chiếm 49% doanh thu năm 2024) lên 1.879 tỷ đồng (chiếm tới 67% doanh thu năm 2025), mức tăng trưởng lên tới 86,9%. Sự bứt phá này phản ánh chiến lược đẩy mạnh quy mô kinh doanh thức ăn chăn nuôi trong bối cảnh nhu cầu thị trường tăng. Tuy nhiên, bức tranh lợi nhuận gộp của mảng này lại đi ngược chiều hoàn toàn. Dù doanh thu tăng gần gấp đôi, lợi nhuận gộp lại lao dốc từ 26 tỷ đồng năm 2024 xuống chỉ còn 10 tỷ đồng năm 2025, giảm tới 60,5%. Giá vốn tương ứng tăng từ 980 tỷ đồng lên 1.869 tỷ đồng, tức tăng 90,8%, nhanh hơn nhiều so với tốc độ tăng doanh thu. Biên lợi nhuận gộp mảng này sụt giảm từ khoảng 2,56% năm 2024 xuống chỉ còn 0,54% năm 2025, tiếp tục phát đi tín hiệu áp lực chi phí nguyên vật liệu đầu vào nghiêm trọng. Hết 9 tháng đầu năm 2026, mảng này ghi nhận doanh thu đạt 599 tỷ đồng, chiếm 27% tổng doanh thu và lợi nhuận gộp đạt 4,7 tỷ đồng, chiếm 6% tổng lợi nhuận gộp của 9 tháng đầu năm 2026.

Mảng chăn nuôi thể hiện xu hướng suy giảm liên tục khi doanh thu giảm mạnh từ 112 tỷ đồng năm 2024 xuống 52 tỷ đồng năm 2025 (giảm 53,5%) và tiếp tục xuống chỉ còn 12 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2026. Tỷ trọng mảng này trong tổng doanh thu liên tục thu hẹp: từ 5% năm 2024 xuống 2% năm 2025 và chỉ còn 1% trong 9 tháng đầu năm 2026. Điểm lưu ý là mảng chăn nuôi đã chuyển sang lỗ gộp trong 9 tháng đầu năm 2026 với mức âm khoảng 0,7 tỷ đồng, chiếm khoảng -1% tổng lợi nhuận gộp của Công ty trong kỳ, trong khi giá vốn đạt 12 tỷ đồng lại vượt doanh thu 11 tỷ đồng. Trước đó, lợi nhuận gộp mảng này đã suy giảm từ 22 tỷ đồng năm 2024 xuống 8 tỷ đồng năm 2025 (giảm 65,4%). Nguyên nhân được xác định là do chi phí vốn tăng (từ thức ăn và thuốc thú y) và giá bán không ổn định đã làm biên lợi nhuận không còn đủ hấp dẫn để Công ty đầu tư thêm cho mảng kinh doanh này, đảm bảo an toàn vốn và hạn chế rủi ro hoạt động cho Công ty.

Mảng hoạt động kinh doanh bất động sản của AFX chiếm tỷ trọng không đáng kể, với doanh thu giảm từ 8 tỷ đồng năm 2024 xuống 1 tỷ đồng năm 2025 và không phát sinh doanh thu trong 9 tháng đầu năm 2026. Lợi nhuận gộp theo đó cũng giảm từ 5 tỷ đồng xuống còn 1 tỷ đồng năm 2025 và không phát sinh trong 9 tháng đầu năm 2026. Mảng này không còn đóng vai trò chiến lược trong cơ cấu doanh thu.

Tóm lại, cơ cấu Doanh thu, Giá vốn và Lợi nhuận gộp đã cho thấy sự dịch chuyển trong kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó tập trung đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi, gia tăng giá trị và nâng cao hiệu quả sinh lời từ các lĩnh vực kinh doanh trọng tâm.

10.5 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 13. Các Hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
A. Mua hàng hóa/dịch vụ						
I. Nhập khẩu						
CJ-AFIEX141222	1.918.080.000	Methionine	CJ Bio Malaysia SDN BHD	Đã thực hiện	Không có	Nhập khẩu Methionine
CJ-AFIEX141222	959.040.000	Methionine	CJ Bio Malaysia SDN BHD	Đã thực hiện	Không có	Nhập khẩu Methionine
AV1334	2.263.896.000	Dầu cá hồi	Pesquera Fiordo Autral S.A.	Đã thực hiện	Không có	Nhập khẩu Dầu cá hồi
AV1645	861.003.000	Dầu cá hồi	Pesquera Fiordo Autral S.A.	Đã thực hiện	Không có	Nhập khẩu Dầu cá hồi
AV1758	791.761.500	Dầu cá hồi	Pesquera Fiordo Autral S.A.	Đã thực hiện	Không có	Nhập khẩu Dầu cá hồi

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
AV1888	740.583.000	Dầu cá hồi	Pesquera Fiordo Autral S.A.	Đã thực hiện	Không có	Nhập khẩu Dầu cá hồi
II. Nội địa						
0525-SC44/HĐMB/DNAFIEX	19.137.403.284	Gạo trắng Japonica 5% tấm Gạo ST25 đã sortex	Công ty TNHH Thương mại Doanh Nguyễn	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng Japonica 5% tấm Gạo ST25 đã sortex
110625/HL-AFX	6.283.154.641	Gạo Jasmine 5% tấm	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoa Lư	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo Jasmine 5% tấm
144.2025/HĐMB/VDA-TPAG	16.080.000.000	Gạo Japonica	Công ty TNHH VDA Holding	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo Japonica
030125/HDMB/HN-AFX	10.200.000.000	Gạo trắng 25% tấm	Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng 25% tấm
2002608572	5.325.000.000	Khô dầu đậu nành	CTY TNHH Kinh Doanh Nông Sản Việt Nam	Đã thực hiện	Không có	Mua Khô dầu đậu

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
						nành
AFIEX/QD-CORN-1123/128	6.400.000.000	Bắp hạt	CTY TNHH TM Quang Dũng	Đã thực hiện	Không có	Mua Bắp hạt
2110100579	2.650.000.000	Cám mì	CTY TNHH Xay Lúa Mì Việt Nam	Đã thực hiện	Không có	Mua Cám mì
03/2024/MB	8.100.000.000	Bột cá 60%	CTY CP Minh Thắng Sông Đốc	Đã thực hiện	Không có	Mua Bột cá 60%
01.09/HĐMB/DN-AFIEX	13.225.000.000	Gạo trắng 5% tấm	Công ty TNHH Thương mại Doanh Nguyễn	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng 5% tấm
1605.2024/HL-AFX	39.875.000.000	Gạo trắng Nhật	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoa Lư	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng Nhật
1208.2024-AARNA-AFX	36.270.000.000	Gạo trắng Nhật	Công ty TNHH AARNA AGRO Việt Nam	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng Nhật
HĐ: 0226-SC69/HĐMB/DNAFIEX	13.122.000.000	Gạo trắng Japonica 5% tấm	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DOANH NGUYỄN	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng Japonica 5% tấm

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
HĐ: 0226-SC70/HĐMB/DNAFIEX	10.122.120.000	Gạo trắng Japonica 25% tấm	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DOANH NGUYỄN	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng Japonica 25% tấm
HĐ: 2605-2026/HĐMB/HSTĐ-AFX	11.781.900.000	Gạo trắng Ấn Độ	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hoa Sen Tây Đô	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng Ấn Độ
HĐ: 0703-2026/HĐMB/ANHSON-AFX	11.991.750.000	Gạo Ấn độ Gạo trắng, sortex 100%	Công ty TNHH Nông sản Anh Sơn	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo Ấn độ Mua Gạo trắng, sortex 100%
HĐ: 20.11-2025/HĐMB/PL-AFX	9.910.600.000	Ngô hạt (Bắp hạt)	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Phước Long	Đã thực hiện	Không có	Mua Ngô hạt (Bắp hạt)
HĐ: 2905/2026/HĐMB/DOTHACO-AFX	20.099.810.000	Gạo đồ Gạo trắng phế Gạo trắng 504, sortex 100% Gạo trắng 5451	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Lương thực Thực phẩm Dothaco	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo đồ Gạo trắng phế Gạo trắng

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
						504, sortex 100% Gạo trắng 5451
HĐ: 2905-2026/HĐMB/TT-AFX	10.155.350.000	Gạo 15% tấm Gạo phế Gạo trắng, sortex 100%	Công ty tnhh XNK Đầu tư và Phát triển Trường Thịnh	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo 15% tấm Gạo phế Gạo trắng, sortex 100%
HĐ: 0405-2026/HĐMB/HL-AFX	23.690.000.000	Gạo trắng Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HOA LƯ	Đã thực hiện	Không có	Mua Gạo trắng Ấn Độ
B. Bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ						
I. Xuất khẩu						
0425-SC41	17.222.625.000	Gạo trắng Japonica 5% tấm	Great Well (HK) Trading LTD	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
						Japonica 5% tấm
0525-SC44	19.683.000.000	Gạo trắng Japonica 5% tấm	New Well International Trading Limited	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng Japonica 5% tấm
1205.25 HL-SST	11.616.372.000	Gạo Jasmine 5% tấm	Saturn Star Trading LLC	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo Jasmine 5% tấm
03/UTB/2025	10.806.750.000	Gạo trắng 5% tấm	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần	Đã thực hiện	Cổ đông	Xuất khẩu Gạo trắng 5% tấm
FC.32.25 AFE-HKH	5.656.500.000	Gạo trắng 504 5% tấm	Hock Hin Foodstuffs MFG PTE, LTD	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng 504 5% tấm
HĐ: 01/26 ATC-DNT-FF26/02/26	1.689.628.680	Gạo Japonica 5% tấm, đã sortex	LOW PRICE ENTERPRISE	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo Japonica 5% tấm,

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
						đã sortex
HĐ: 02.26 ATC-DNTFF26/02/26	5.795.610.750	Gạo Japonica 5% tấm, đã sortex	LOW PRICE ENTERPRISE	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo Japonica 5% tấm, đã sortex
HĐ: 04.26 PSI-DNTFF27/01/26	970.095.420	Gạo trắng Japonica 5% tấm	PACIFIC SOURCE INC LTD	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng Japonica 5% tấm
HĐ: 1225-SC65	14.619.580.380	Gạo Japonica đã sortex	NEW WELL INTERNATIONAL TRADING LIMITED	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo Japonica đã sortex
HĐ: 1225-SC66	11.125.019.790	Gạo trắng Japonica 25% tấm	GREAT WELL (HK) TRADING LTD	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng Japonica 25% tấm
HĐ: 33/GL0226-AG001	605.685.330	Gạo Thơm 5% tấm (ST25)	VIVI INTERNATIONAL, INC	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo Thơm

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
						5% tấm (ST25)
HĐ:0226-SC69	16.981.597.620	Gạo trắng Japonica 5% tấm	NEW WELL INTERNATIONAL TRADING LIMITED	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng Japonica 5% tấm
HĐ:0226-SC70	10.985.091.480	Gạo trắng Japonica 5% tấm	NEW WELL INTERNATIONAL TRADING LIMITED	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng Japonica 5% tấm
HĐ:1225-SC67	14.663.307.960	Gạo Japonica đã sortex	NEW WELL INTERNATIONAL TRADING LIMITED	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo Japonica đã sortex
HĐ:99.25 PSI-DNT-FF14/01/26	950.501.250	Gạo trắng Japonica 5% tấm	PACIFIC SOURCE INC LTD	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng Japonica 5% tấm
HĐ:1225-SC67	14.663.307.960	Gạo Japonica đã sortex	NEW WELL INTERNATIONAL TRADING LIMITED	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo Japonica

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
						đã sortex
HĐ:1125-SC62	9.066.180.420	Gạo trắng Japonica 5% tấm	NEW WELL INTERNATIONAL TRADING LIMITED	Đã thực hiện	Không có	Xuất khẩu Gạo trắng Japonica 5% tấm
II.Nội địa						
17.04/2025/AFX-TH	16.100.000.000	Gạo Japonica	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thạnh Hòa	Đã thực hiện	Không có	Bán Gạo Japonica
208/2025/TT-TPAG/01-TK	5.725.000.000	Gạo ĐT Jasmine 5% tấm	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Tín	Đã thực hiện	Không có	Bán Gạo ĐT Jasmine 5% tấm
23.05/2025/AFX-TT	5.225.000.000	Gạo trắng	Công ty TNHH Trường Thịnh	Đã thực hiện	Không có	Bán Gạo trắng
19.05/2025/AFX-LT	6.220.000.000	Gạo đài thơm 8	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Lê Thanh	Đã thực hiện	Không có	Bán Gạo đài thơm 8
17.04/2025/AFX-TH	16.100.000.000	Gạo Japonica	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thạnh Hòa	Đã thực hiện	Không có	Bán Gạo Japonica

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
HĐMB số 61ĐL/HĐ.2024	17.027.246.530	Thức ăn chăn nuôi	Bạch Thủy Kiều Phương	Đã thực hiện	Không có	Bán Thức ăn chăn nuôi
HĐMB số 52ĐL/HĐ.2024	16.151.247.370	Thức ăn chăn nuôi	Phạm Thái Ngân	Đã thực hiện	Không có	Bán Thức ăn chăn nuôi
HĐMB số 19ĐL/HĐ.2024	11.085.298.435	Thức ăn chăn nuôi	Mã Hoa Cương	Đã thực hiện	Không có	Bán Thức ăn chăn nuôi
HĐMB số 09ĐL/HĐ.2024	8.940.001.875	Thức ăn chăn nuôi	Dương Mộng Hùng	Đã thực hiện	Không có	Bán Thức ăn chăn nuôi
02/2024/MB	22.160.000.000	Khô dầu đậu nành	CTY CP TM Thành Thành Công	Đã thực hiện	Không có	Bán Khô dầu đậu nành
27.03/2023AFX-HN	27.600.000.000	Khô dầu đậu nành	CTY TNHH Nông Sản Hồng Nguyên	Đã thực hiện	Không có	Bán Khô dầu đậu nành

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
10.05/2023/AFX-HL	13.800.000.000	Khô dầu đậu nành	CTY CP Đầu Tư Hiệp Lực Việt Nam	Đã thực hiện	Không có	Bán Khô dầu đậu nành
18.11/2025/HĐMB/AFX-SV	18.216.000.000	Khô dầu đậu nành	CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SEN VÀNG	Đã thực hiện	Không có	Bán Khô dầu đậu nành
24.12/2025/HĐMB/AFX-AURA	26.325.000.000	Khô dầu đậu nành	Công ty TNHH AURA COMMODITIES	Đã thực hiện	Không có	Bán Khô dầu đậu nành
2005/2026/HĐMB/AFX-LT	10.466.900.000	Gạo trắng Tấm gạo loại 3 Gạo trắng, sortex 100%	Công ty TNHH Thương Mại XNK Long Tường	Đã thực hiện	Không có	Bán Gạo trắng Tấm gạo loại 3 Gạo trắng, sortex 100%
26.01/2026/HĐMB/AFX-SV	13.860.000.000	Bắp hạt (Ngô hạt)	CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SEN VÀNG	Đã thực hiện	Không có	Bán Bắp hạt (Ngô hạt)
0409/2025/HĐMB/AFX – GREENAGROS	14.040.000.000	Bắp hạt (Ngô hạt)	CÔNG TY TNHH GREEN AGROS	Đã thực hiện	Không có	Bán Bắp hạt (Ngô

Tên hợp đồng/Năm ký kết	Trị giá (đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng	Thời điểm thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ	Nội dung cơ bản của Hợp đồng
						hạt)
2605/2026/HĐMB/AFX-PK	10.840.860.000	Gạo trắng Ấn Độ	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ PHÚC KHANG	Đã thực hiện	Không có	Bán Gạo trắng Ấn Độ

Nguồn: Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

- **Khách hàng và nhà cung cấp lớn**

Công ty là doanh nghiệp đã hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nông sản, thức ăn chăn nuôi được hơn 30 năm, do đó, Công ty đã thiết lập được mối quan hệ mật thiết với khách hàng và các nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn nhờ vào ưu thế về năng lực sản xuất, doanh số và uy tín tạo dựng được từ việc sản xuất, phân phối và giao nhận hàng hóa đảm bảo chất lượng và thời gian đồng thời thanh toán đúng hạn.

Bảng 14. Danh sách một số khách hàng lớn của Công ty

STT	Sản phẩm	Khách hàng	Giá trị giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ	Thời gian thực hiện
01	Khô dầu đậu tương và bắp hạt	CÔNG TY TNHH AURA COMMODITIES	206.929.183.200	Không có	Năm 2025
02	Khô dầu đậu tương và bắp hạt	CÔNG TY TNHH GREEN AGROS	504.241.585.140	Không có	Năm 2025
03	Gạo Japonica, Khô dầu đậu tương	CÔNG TY TNHH KINH DOANH NÔNG THỦY SẢN AN GIANG	126.589.058.479	Không có	Năm 2025
04	Khô dầu đậu tương, Gạo trắng và bắp hạt	CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SEN VÀNG	128.710.903.880	Không có	Năm 2025
05	Khô dầu đậu tương, Gạo trắng và bắp hạt	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DOVA VN	134.245.049.724	Không có	Năm 2025
06	Gạo Japonica	NEW WELL INTERNATIONAL TRADING LIMITED	257.047.817.069	Không có	Năm 2025

STT	Sản phẩm	Khách hàng	Giá trị giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ	Thời gian thực hiện
07	Khô dầu đậu tương, Gạo trắng và bắp hạt	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LỘC THUẬN	120.439.087.156	Cổ đông	Năm 2025
08	Phân bón	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC	47.170.685.714	Không có	Năm 2025
09	Phân bón	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI XÁ	58.300.941.428	Không có	Năm 2025
10	Ngô hạt	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN STF	38.252.500.000	Không có	Năm 2025
11	Gạo trắng và Khô dầu đậu tương	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẦN SƠN	36.991.689.120	Không có	Năm 2025
12	Khô dầu đậu tương	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ ATLAS	24.696.000.000	Không có	Năm 2025
13	Khô dầu đậu tương	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHẠM THẮNG	37.183.135.700	Không có	Năm 2025
14	Khô dầu đậu tương, Gạo trắng và bắp hạt	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ MINH ANH	61.625.372.464	Không có	Năm 2025
15	Khô dầu đậu tương, Gạo	CÔNG TY TNHH GREEN BUY	110.141.624.150	Không có	Năm

STT	Sản phẩm	Khách hàng	Giá trị giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ	Thời gian thực hiện
	trắng, gạo Ấn độ và bắp hạt	VIETNAM			2025
16	Khô dầu đậu tương và bắp hạt	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI HQSTAR	38.275.794.800	Không có	Năm 2025
17	Gạo Japonica, Khô dầu đậu tương và bắp hạt	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK LONG TƯỜNG	55.018.407.820	Không có	Năm 2025
18	Phân bón	CÔNG TY TNHH XUÂN ÂN	23.865.118.351	Không có	Năm 2025
19	Gạo Japonica	GREAT WELL (HK) TRADING LTD	95.662.033.112	Không có	Năm 2025
20	Thức ăn chăn nuôi	NGUYỄN VĂN NHÀN	30.164.642.500	Không có	Năm 2025

Bảng 15. Danh sách một số nhà cung cấp lớn cho Công ty

STT	Sản phẩm	Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ	Thời gian thực hiện
1	Bắp hạt	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN NAM PHÁT	136.079.239.500	Không có	Năm 2025
2	Bắp hạt	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI QUANG MINH VIỆT NAM	46.862.896.350	Không có	Năm 2025

STT	Sản phẩm	Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ	Thời gian thực hiện
3	Bắp hạt, Gạo trắng (Gạo 504, 5% tấm)	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TÂN SEN	28.052.600.000	Không có	Năm 2025
4	Bắp hạt, Gạo Japonica	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHẬT AN	41.366.616.576	Không có	Năm 2025
5	Phân bón	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÂN BÓN GIA HUY	150.684.083.150	Không có	Năm 2025
6	Khô dầu đậu tương	CÔNG TY TNHH CARGILL VIỆT NAM	115.889.031.010	Không có	Năm 2025
7	Khô dầu đậu tương (nành), Bắp hạt	CÔNG TY TNHH CZARNIKOW (VIỆT NAM)	42.164.082.690	Không có	Năm 2025
8	Gạo trắng, gạo Japonica, Bắp hạt	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Hoa Sen Tây Đô	99.463.366.850	Không có	Năm 2025
9	Gạo Japonica	CÔNG TY TNHH GẠO HƯNG VIỆT	28.062.971.010	Không có	Năm 2025
10	Khô dầu đậu tương, bắp hạt, Lecithin	Công Ty TNHH Kinh Doanh Nông Sản Việt Nam	149.805.176.660	Không có	Năm 2025
11	Gạo trắng, gạo Ấn Độ, Bắp hạt, gạo Japonica, Khô dầu đậu tương	CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHƯỚC LONG	79.957.770.800	Không có	Năm 2025
12	Bắp hạt	CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN BẢO AN (CP CP KD TM VÀ PT BẢO AN)	55.680.000.000	Không có	Năm 2025

STT	Sản phẩm	Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ	Thời gian thực hiện
13	Gạo trắng, gạo Ấn Độ, Bắp hạt, gạo Japonica, Khô dầu đậu tương	CÔNG TY TNHH MTV Dương Nghị	121.877.553.250	Không có	Năm 2025
14	Gạo trắng, gạo Ấn Độ, Bắp hạt, gạo Japonica, Khô dầu đậu tương, tấm, Nguyên liệu sản xuất TAWCN (mì lát, cá khô,....)	CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ANH SƠN	135.380.189.710	Không có	Năm 2025
15	Ngô hạt	CÔNG TY TNHH THÁI HÀ SÀI GÒN	48.870.977.000	Không có	Năm 2025
16	Gạo trắng, Bắp hạt, Khô dầu đậu tương	CÔNG TY TNHH Thức Ăn CN Miền Tây	92.952.164.676	Không có	Năm 2025
17	Gạo thơm, gạo ST25, gạo Japonica, tấm	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DOANH NGUYỄN	366.309.685.636	Không có	Năm 2025
18	Gạo Japonica	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ PHÚ LỢI	57.035.802.512	Không có	Năm 2025
19	Khô dầu đậu tương, bắp hạt, gạo trắng, cám	Cty TNHH Nông Sản Hồng Nguyên (CÔNG TY TNHH MTV Nông Sản Hồng Nguyên)	677.399.343.875	Không có	Năm 2025

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

- **Sự ổn định của nhà cung cấp nguyên vật liệu**

Việt Nam là quốc gia đứng thứ 10 thế giới và số 1 khu vực Đông Nam Á về sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Từ những năm 2022 trở về trước ngành thức ăn

chăn nuôi nước ta vẫn phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài, nguồn cung trong nước chỉ đáp ứng một phần nhu cầu.

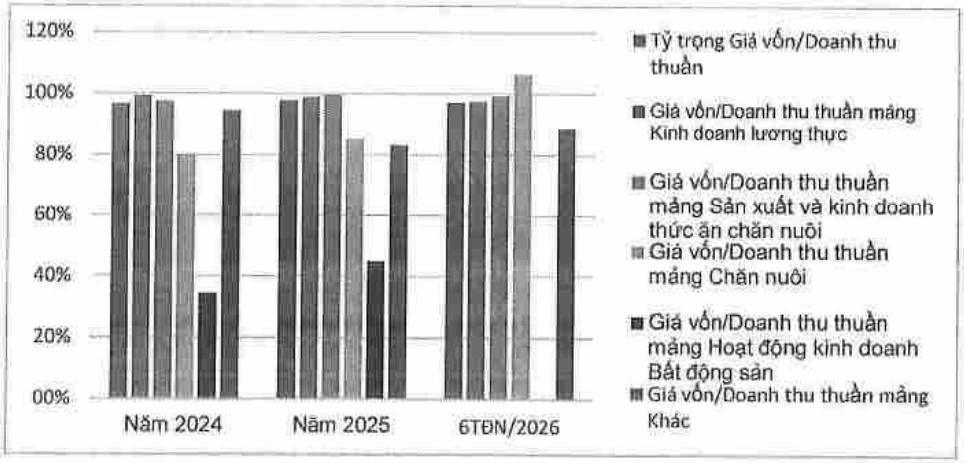
Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Việt Nam phải nhập khẩu khoảng 60–65% nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chủ yếu như Khô dầu đậu tương, Bắp, Lúa mì, Bột cá, dầu cá, ...với giá trị nhập khẩu hàng năm lên tới hàng tỷ USD. Trong đó, giá thành nguyên liệu chiếm phần lớn tổng chi phí sản xuất thức ăn chăn nuôi. Giá các nguyên liệu Ngô, đậu tương bị ảnh hưởng mạnh bởi điều kiện thời tiết cũng như chu kỳ mùa vụ tại các vùng sản xuất chính như Brazil và Argentina. Các sự kiện như đại dịch, xung đột địa chính trị, thiên tai có thể gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng đến việc cung cấp nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

Các nguồn nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi được cung cấp từ các nhà cung cấp trong nước và các nhà nhập khẩu trong nước từ các thị trường Châu Mỹ Latin, Châu Á, Châu Âu. Công ty cũng đã có thời gian hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp này nên nguồn nguyên vật liệu đầu vào được đảm bảo ổn định về số lượng và chất lượng.

Đối với mặt hàng gạo mùa vụ, thời tiết là các yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến nguồn hàng cung cấp cho chế biến và xuất khẩu gạo. Nhưng với địa bàn cung cấp hàng hóa là Đồng bằng Sông Cửu Long nên những biến động về mùa vụ, thời tiết sẽ ít tác động đến nguồn hàng hóa hơn các khu vực khác, thêm vào đó các nhà cung cấp của Công ty đã là những đối tác lâu năm và có uy tín trên tại địa bàn nên nguồn cung về hàng hóa cho xuất khẩu và bán trong nước là ổn định.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Hình 5. Tỷ trọng Giá vốn/Doanh thu thuần của Công ty qua các năm



Nguồn : Công ty cổ phần XNK Nông sản thực phẩm An Giang

Giá cả của các nguyên liệu đầu vào hình thành nên giá vốn của Công ty, giá vốn các mảng kinh doanh chủ lực gồm Kinh doanh lương thực và Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi của AFIEX chiếm tỷ trọng cao trong Doanh thu thuần của từng mảng, cụ thể là 99,1% năm 2024; 98,9% năm 2025 và 97,4% năm 2024; 99,5% năm 2025. Do đó khi giá cả mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và mặt hàng gạo cho xuất khẩu tăng hay giảm đều ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh và của toàn Công ty.

Với mảng Chế biến và xuất khẩu gạo: Năm 2025 Việt Nam xuất khẩu 8,06 triệu tấn gạo trị giá 4,1 tỷ USD, giảm lần lượt 10,8% về sản lượng và 27,6% về giá trị so với năm 2024 do giá gạo thế giới lao dốc sau khi Ấn Độ dỡ bỏ hạn chế xuất khẩu, khiến nguồn cung tăng mạnh, trong khi nhu cầu tại các thị trường lớn Philippines và Indonesia suy yếu. Mặc dù với sự giảm giá này ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu thuần mảng Kinh doanh lương thực năm 2025 là 11,5% so với năm 2024 kéo theo sự giảm Giá vốn mảng Kinh doanh lương thực là 11,7% nhưng Lợi nhuận gộp của mảng Kinh doanh lương thực tăng 12% cho thấy hiệu quả trong quản trị hoạt động kinh doanh lương thực trong năm 2025, cụ thể Công ty đã tận dụng thời điểm giá tốt thực hiện sản xuất kinh doanh, thương mại tuy sản lượng đạt thấp hơn kế hoạch nhưng vẫn có hiệu quả. Tiếp tục lợi thế của năm 2025, sang Quý 3/2026 Ban điều hành Công ty tiếp tục phát huy năng lực quản trị và kết quả kinh doanh mảng Kinh doanh lương thực có sự tăng trưởng mạnh mẽ, Lợi nhuận gộp đạt trên 22,1 tỷ đồng, vượt 194% so với cả năm 2025.

Với mảng Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi: Biến động giá nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn của mảng kinh doanh, mặc dù Công ty chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu trong nước nhưng một số loại nguyên liệu vẫn phải nhập khẩu. Giá cả nguyên liệu trong nước chủ yếu là gạo, cám, bột cá có mức giá tương đối ổn định nhưng giá cả các mặt hàng nhập khẩu như đậu tương, ngô và một số phụ phẩm khác lại biến động theo tình hình thế giới đặc biệt là những bất ổn địa chính trị trong thời gian qua, sản lượng và giá trị Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi chỉ đạt 87,06% so với kế hoạch do dịch bệnh trên heo bùng phát mạnh trở lại vào quý 2 và quý 3 năm 2025, người nuôi lỗ nặng, tình trạng khan hiếm con giống làm cho giá con giống lên cao, người nuôi không dám tái đàn. Giá cá tra tăng từ quý 4 năm 2024, các công ty thủy sản chủ động nguồn cung nguyên liệu đầu vào mở rộng vùng nguyên liệu dẫn đến nhu cầu con giống tăng cao, tuy nhiên do yếu tố biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến tỷ lệ nuôi ươm cá tra giống đạt thấp, dẫn đến khan hiếm nguồn cung và làm cho giá cá tra giống tăng cao, người nuôi cá sau khi thu hoạch chưa thể tái đàn, chính vì vậy sản lượng nuôi cá thịt sụt giảm. Các yếu tố trên ảnh hưởng lớn đến các hoạt động của Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản, sản

lượng giảm nhưng vẫn có hiệu quả với Lợi nhuận gộp đạt trên 10 tỷ đồng.

Trước bối cảnh giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đầu vào diễn biến thất thường, rủi ro về dịch bệnh vẫn hiện hữu, chính vì vậy các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam cũng như tại các nước trong khu vực kể cả Trung Quốc buộc phải điều chỉnh chiến lược cho phù hợp. Công ty AFIEX cũng không ngoại lệ, Công ty AFIEX tiếp cận và sử dụng các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong nước có tính bền vững là các nguồn dinh dưỡng thay thế cho nguyên liệu truyền thống như bột cá, khô dầu đậu nành, ngô và các loại ngũ cốc khác. Chúng được sử dụng nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng tính bền vững và giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Việc chuyển sang nguyên liệu thay thế đang trở thành xu hướng tất yếu trong ngành chăn nuôi cụ thể:

+ Tối ưu hóa công thức

+ Ứng dụng sản phẩm lên men sử dụng vi sinh vật và vi khuẩn lactic có thể giúp cải thiện giá trị dinh dưỡng của phụ phẩm nông nghiệp.

+ Tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, Việt Nam có nguồn phụ phẩm nông nghiệp dồi dào mỗi năm, có thể được tận dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Công ty AFIEX nằm trên địa bàn Tỉnh An Giang (Sản lượng lúa lớn nhất nước), với vị trí địa lý nằm tại trung tâm vùng phụ phẩm nông nghiệp lớn nhất nước như: Tấm, cám, trấu.. Công ty AFIEX có thể sử dụng tấm để thay thế cho nguyên liệu Nhóm năng lượng như: Ngô, lúa mì.. từ nguồn nhập khẩu

+ Sử dụng nguyên liệu protein thay thế từ nguồn bền vững: các nguồn protein từ côn trùng (ruồi lính đen), tảo biển và vi sinh vật, sử dụng phụ phẩm từ tôm (Bột đầu tôm, dịch tôm, dịch mực..) như những nguồn protein thay thế cho Khô đậu nành, Bột cá nhập khẩu, ..là các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi truyền thống.

+ Công ty AFIEX là đối tác chiến lược của Công ty CP Việt Nam Food một đơn vị sản xuất tại Việt Nam được nhiều giải thưởng: Dinh dưỡng cho tương lai, Phát triển bền vững, Kinh tế xanh, Kinh tế bao trùm... chuyên xử lý sản phẩm đồng hành từ tôm bao gồm đầu & vỏ tôm, từ đó tạo ra các giá trị gia tăng phục vụ nhiều ngành công nông nghiệp khác nhau trong đó có các sản phẩm thủy phân dinh dưỡng như: Bột đầu tôm, dịch tôm, dịch mực.

Ngoài ra, Ngành chăn nuôi trong nước nước vẫn gặp nhiều khó khăn do: Dịch bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp, giá thức ăn chăn nuôi biến động ảnh hưởng đến giá vốn chăn nuôi. Giá thịt thương phẩm bấp bênh. Các lý do trên khiến Ban lãnh đạo công ty không mở rộng việc mảng kinh doanh chăn nuôi trong năm 2025 nên doanh thu thuần và lợi nhuận gộp mảng này giảm mạnh tương ứng 82% và 65%.

10.7. Chi phí sản xuất

Bảng 16. Chi phí sản xuất qua các năm

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	1.987.100	96,6%	2.751.438	97,8%	38%	1.543.352	97,1%	2.183.202	96,6%
2	Chi phí tài chính	39.579	1,9%	52.796	1,9%	33%	30.810	1,9%	50.866	2,3%
3	Chi phí bán hàng	12.415	0,6%	18.570	0,7%	50%	13.228	0,8%	15.503	0,7%
4	Chi phí QLDN	18.886	0,9%	11.248	0,4%	-40%	6.782	0,4%	10.057	0,5%
5	Chi phí khác	604	0,0%	884	0,0%	46%	207	0,0%	715	0,0%
Tổng chi phí		**2.058.584**		**2.834.936**			**1.594.379**		**2.260.344**	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản thực phẩm An Giang

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng áp đảo trong tổng chi phí, luôn duy trì ở mức trên 96% doanh thu thuần, cho thấy đặc thù của một doanh nghiệp thương mại nông sản với biên lợi nhuận gộp rất mỏng. Việc giá vốn năm 2025 tăng mạnh, khoảng 38% so với năm 2024 cho thấy áp lực lớn từ chi phí nguyên liệu đầu vào, phù hợp với bối cảnh giá cả hàng hóa nông nghiệp và thức ăn chăn nuôi biến động toàn cầu trong giai đoạn 2024 - 2025. Tỷ trọng giá vốn trong 09 tháng đầu năm 2026 duy trì ở mức 96,6%, cho thấy Công ty vẫn đang chịu áp lực lớn từ chi phí nguyên liệu đầu vào dù kinh tế có dấu hiệu phục hồi.

Chi phí tài chính cũng ghi nhận sự gia tăng đáng kể, trong năm 2025 với mức tăng 33% so với năm 2024, phản ánh áp lực từ lãi suất vay cao và các khoản nợ phục vụ nhu cầu vốn lưu động lớn của doanh nghiệp xuất khẩu nông sản. Mặc dù tỷ trọng chi phí tài chính trong doanh thu chỉ dao động quanh mức 1,9%, nhưng đây vẫn là gánh nặng thực tế ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận ròng. Đáng chú ý, chi phí bán hàng tăng mạnh tới 50% từ năm 2024 đến năm 2025, cho thấy nỗ lực mở rộng thị

trường, củng cố kênh phân phối, đặc biệt là sự ảnh hưởng của chi phí vận tải logistics ngày càng đắt đỏ trong bối cảnh lạm phát.

Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp lại là một điểm sáng tích cực khi giảm 40% trong năm 2025 so với năm 2024 và duy trì ở mức thấp trong 09 tháng đầu năm 2026. Điều này minh chứng cho nỗ lực tinh gọn bộ máy, tối ưu hóa quy trình quản trị và cắt giảm các khoản chi phí hành chính không cần thiết của Ban lãnh đạo. Việc duy trì chi phí QLDN ở mức thấp trong 09 tháng đầu năm 2026 cho thấy Công ty đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt quản lý để đối phó với khó khăn. Chi phí khác dù giá trị nhỏ nhưng vẫn tăng 46% từ năm 2024 sang năm 2025, có thể phản ánh các khoản dự phòng hoặc chi phí phát sinh bất thường trong hoạt động kinh doanh.

Nhìn chung, cơ cấu chi phí của Công ty phản ánh đúng bản chất của ngành nông sản, khi biên lợi nhuận phụ thuộc rất lớn vào khả năng kiểm soát giá vốn và chi phí logistics. Việc giá vốn vẫn neo ở mức cao trong 09 tháng đầu năm 2026 cho thấy Công ty chưa thể thoát khỏi sức ép từ chi phí nguyên liệu đầu vào toàn cầu. Áp lực về chi phí tài chính vẫn là thách thức lớn trong bối cảnh chi phí vốn còn ở mức cao. Tuy nhiên, việc giảm mạnh chi phí QLDN là một tín hiệu khả quan, cho thấy doanh nghiệp đang đi đúng hướng trong chiến lược tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, thể hiện sự linh hoạt đáng kể trong việc quản trị chi phí.

10.7 Vị thế của Công ty trong ngành

10.7.1 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Được thành lập năm 1990, dựa vào thế mạnh nông nghiệp của tỉnh là cây lúa, con cá, AFIEX đã khởi đầu sự nghiệp và gặt hái thành công. Là doanh nghiệp có quy mô hoạt động đa ngành nghề trong đó chủ lực là 3 lĩnh vực then chốt: Chế biến và xuất khẩu Lương thực, Thủy sản, Sản xuất và tiêu thụ Thức ăn chăn nuôi thủy sản. Cùng với các lĩnh vực then chốt này, Công ty còn hoạt động trong chế biến thực phẩm, nhập khẩu và kinh doanh nguyên liệu thức ăn gia súc, tổ chức chăn nuôi và hoạt động dịch vụ chăn nuôi…v.v. Với sản phẩm chính là gạo xuất khẩu các loại, thức ăn cho gia súc, gia cầm và cá, đã mang thương hiệu AFIEX đến với người tiêu dùng trong nước và xuất nhập khẩu qua 42 quốc gia trên thế giới. Quan tâm đến lợi ích của khách hàng, đảm bảo những cam kết về chất lượng sản phẩm và trách nhiệm giao hàng luôn là lợi thế của Công ty trong quá trình hoạt động hơn hai mươi năm qua. Với quan niệm "Cách tốt nhất để cạnh tranh và phát triển là phải đảm bảo lợi ích của khách hàng", Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang mong được thiết lập mối quan hệ mua bán, hợp tác và đầu tư với tất cả đối tác trong và ngoài nước để cùng phát triển.

Kinh doanh chế biến lương thực: Công ty có năng lực kho chứa (quy gạo) 90.000

tấn, công suất chế biến xát trắng và lau bóng gạo 300.000 tấn/năm, tách hạt khác màu 40.000 tấn/năm, sấy lúa công nghiệp 50.000 tấn/năm và xay xát lúa 36.000 tấn/năm. AFIEX hiện đang cung cấp sản phẩm gạo trắng xuất khẩu cho các thị trường Châu Á, Châu Phi, Trung Đông... Thị phần của Công ty chiếm khoảng 0,54% thị phần ngành lương thực Việt Nam.

Kinh doanh chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản: AFIEX có 04 dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi với công suất thiết kế 100.000 tấn/năm. Thị trường mảng thức ăn chăn nuôi của Công ty chủ yếu là 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và hướng tới mở ra các tỉnh miền Đông với sản lượng tiêu thụ bình quân 60.000 tấn/năm, chiếm khoảng 5% thị phần ngành thức ăn chăn nuôi.

Bảng 17. So sánh các doanh nghiệp trong ngành

Đvt: triệu đồng

Tên công ty	Mã	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	LNST	ROE (%)	ROA (%)
CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	AFX	350.000	1.570.041	2.813.622	47.320	9,49	2,66
CTCP Lương thực A AN	AAN	650.000	1.609.308	3.319.000	44.931	6,55	3,1
CTCP Nông nghiệp BaF Việt Nam	BAF	3.040.216	10.780.029	5.037.851	127.130	3,62	1,39
CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	NSC	175.869	2.608.496	2.299.000	226.687	15	10
CTCP Giống cây trồng Miền Nam	SSC	149.920	510.063	302.990	13.850	3,7	2,67

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 của các doanh nghiệp được công bố trên website

AFIEX nằm trong nhóm doanh nghiệp tầm trung trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, với vốn điều lệ đạt 350 tỷ đồng. So với một số đối thủ cạnh tranh, quy mô vốn của AFIEX thấp hơn so với BAF (3.040 tỷ đồng), nhưng lại cao hơn SSC (gần 150 tỷ đồng). Điều này cho thấy AFIEX có tiềm lực tài chính ở top trung bình cao, đủ đáp ứng duy trì hoạt động ổn định nhưng chưa thể tạo ra lợi thế vượt trội về vốn như các doanh nghiệp lớn.

Xét về quy mô tổng tài sản, AFIEX hiện sở hữu 1.570 tỷ đồng, khẳng định vị thế của một doanh nghiệp quy mô vừa trong ngành. Mặc dù tổng tài sản của AFIEX còn khiêm tốn so với các tên tuổi như BAF (10.780 tỷ đồng) nhưng ngang bằng với AAN (1.609 tỷ đồng) dù vốn điều lệ thấp hơn nhưng lại vượt trội hơn đáng kể so với SSC (510 tỷ đồng). Điều này chứng tỏ công ty đang vận hành ở mức trung bình, có

nền tảng tài sản đủ lớn để tạo đà cho sự tăng trưởng nhưng vẫn cần tối ưu hóa nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Khi phân tích sâu về lợi nhuận sau thuế (LNST), AFIEX ghi nhận 47,3 tỷ đồng, xếp sau các công ty BAF, NSC. Sự chênh lệch này cho thấy biên lợi nhuận của AFIEX hiện còn thấp, chưa thể so sánh với doanh nghiệp dẫn đầu nhưng cũng trong top trung bình cao của ngành. Điều này cũng phản ánh áp lực cạnh tranh lớn, đòi hỏi công ty phải tìm giải pháp nâng cao hiệu quả sinh lời. Về nhóm chỉ số sinh lời, ROE của AFIEX đạt 9,49% và ROA đạt 2,66%, nằm ở mức cao so với toàn ngành đặc biệt cao hơn nhiều AAN (ROE: 6,55%; ROA: 3,1%) là công ty cùng ngành nghề kinh doanh gạo. Đây là những con số cho thấy hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của AFIEX vẫn còn nhiều dư địa để cải thiện, đặc biệt khi so với các doanh nghiệp khai thác tốt tiềm năng nội tại.

Một trong những điểm mạnh nổi bật của AFIEX là quy mô doanh thu lớn, tạo nền tảng vững chắc để công ty có thể tiếp tục mở rộng thị phần trong tương lai, đặc biệt nếu tập trung cải thiện biên lợi nhuận. Bảng so sánh cho thấy AFIEX vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng, nhất là khi phát huy tối đa các lợi thế sẵn có của một doanh nghiệp xuất khẩu dày dạn kinh nghiệm.

10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành

- **Đối với ngành lương thực:**

Theo báo cáo mới nhất từ Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) công bố vào tháng 4/2026, sản lượng ngũ cốc toàn cầu niên vụ 2025/26 dự kiến đạt mức kỷ lục 3.036 triệu tấn, tăng 5,8% so với niên vụ trước. Động lực chính cho sự tăng trưởng này đến từ đà phục hồi mạnh mẽ của sản lượng lúa mì tại khu vực Trung Á và sản lượng ngô tại Ấn Độ, cùng sự cải thiện năng suất gạo tại các nước xuất khẩu lớn. Trên phạm vi toàn cầu, an ninh lương thực vẫn là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia, đặc biệt trước những cú sốc từ biến động địa chính trị và sự gián đoạn chuỗi cung ứng. Tại khu vực Châu Á, nhu cầu lương thực tăng theo quy mô dân số và sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng, đòi hỏi các quốc gia phải đẩy mạnh canh tác công nghệ cao. Đông Nam Á, với vị thế là trung tâm sản xuất lương thực toàn cầu, đang chứng kiến sự trỗi dậy của các mô hình kinh tế nông nghiệp xanh và bền vững.

Tại Việt Nam, Sản lượng lương thực có hạt năm 2024 đã đạt con số ấn tượng 48 triệu tấn, trong đó riêng lúa đạt 43,5 triệu tấn, khẳng định năng lực sản xuất vượt bậc so với giai đoạn trước. Định hướng chiến lược của Việt Nam đến năm 2030 là chuyển đổi hệ thống lương thực - thực phẩm theo hướng xanh, minh bạch và có khả năng

chống chịu cao. Điều này được củng cố bởi cam kết huy động vốn đầu tư lên tới 14 tỷ USD từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dành riêng cho các dự án phát triển nông nghiệp bền vững và chuỗi giá trị nông sản tại Việt Nam giai đoạn đến năm 2030. Sự phối hợp giữa Chính phủ và các tổ chức quốc tế như FAO và ADB đang giúp Việt Nam tránh phân tán nguồn lực, đảm bảo bám sát các ưu tiên quốc gia trong lĩnh vực nông nghiệp.

Triển vọng trong 5 năm tới được FAO đánh giá là giai đoạn then chốt, sẽ định hình lại phương thức sản xuất, phân phối và tiêu thụ nông sản của Việt Nam cho các thế hệ tương lai. Việc hiện đại hóa chuỗi giá trị nông nghiệp, đầu tư vào vốn tự nhiên và nâng cấp hạ tầng logistics đang là ưu tiên hàng đầu của ngành. Chính sách này không chỉ thu hút các startup công nghệ nông nghiệp tham gia mà còn tạo ra hệ sinh thái kinh doanh nông sản đầy tiềm năng.

Nhìn chung, ngành lương thực Việt Nam đang đi đúng hướng với tầm nhìn chiến lược dài hạn, kết hợp hài hòa giữa phát triển sản xuất và bảo vệ hệ sinh thái. Trong tương lai, việc duy trì tăng trưởng năng suất song hành với nâng cao giá trị gia tăng sẽ là chìa khóa để ngành lương thực tiếp tục bứt phá. Với nền tảng hiện tại và sự đầu tư mạnh mẽ từ cả nguồn lực trong nước lẫn quốc tế, Việt Nam đã và đang khẳng định mình là một mắt xích không thể thiếu trong chuỗi cung ứng lương thực toàn cầu.

❖ **Đối với ngành thức ăn chăn nuôi:**

Ngành thức ăn chăn nuôi toàn cầu đang trải qua giai đoạn chuyển dịch cơ cấu quan trọng, được dẫn dắt bởi sự thay đổi nhu cầu protein động vật và xu hướng chăn nuôi bền vững. Dự báo sản lượng thịt gia cầm toàn cầu năm 2026 sẽ đạt khoảng 109,6 triệu tấn, tăng 2% so với năm trước, tạo nền tảng vững chắc cho thị trường thức ăn chăn nuôi tăng trưởng. Tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, thị trường thức ăn chăn nuôi đang đóng vai trò là động lực chính của toàn cầu, với sự mở rộng không ngừng của các trang trại chăn nuôi quy mô lớn tại Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng và thu nhập bình quân đầu người tăng cao tại khu vực này đã kích thích mạnh mẽ tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, buộc các doanh nghiệp phải nâng cao năng lực sản xuất thức ăn chăn nuôi để đáp ứng kịp thời. Đông Nam Á, với vị thế là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế năng động, đang trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư thức ăn chăn nuôi quốc tế nhờ sự sẵn có của nguyên liệu và tiềm năng thị trường lớn.

Việt Nam đang nổi lên như một thị trường trọng điểm với sự chuyển mình mạnh mẽ từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang mô hình công nghiệp, công nghệ cao. Theo số liệu từ Cục Chăn nuôi, trong năm 2025, sản lượng thức ăn chăn nuôi hỗn hợp của Việt Nam đạt 22,12 triệu tấn, tăng 2,9% so với năm 2024, khẳng định nhịp độ sản xuất ổn định và khả năng đáp ứng nhu cầu nội địa. Quy mô thị trường thức ăn chăn nuôi hỗn hợp

của Việt Nam dự kiến tăng từ 11,54 tỷ USD năm 2023 lên 15,30 tỷ USD vào năm 2028, với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) đạt 5,8%/năm, theo nghiên cứu từ Mordor Intelligence. Sự ổn định của giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi thế giới trong giai đoạn vừa qua đã góp phần hỗ trợ trực tiếp cho biên lợi nhuận của người chăn nuôi và nhà sản xuất trong nước. Đặc biệt, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ chuyển đổi hệ thống chăn nuôi nhanh nhất khu vực, với việc áp dụng rộng rãi các phần mềm tự động hóa và kỹ thuật tiên tiến trong trang trại. Các tổ chức quốc tế như FAO đã nhiều lần khen ngợi nỗ lực của Việt Nam trong việc xây dựng chuỗi giá trị chăn nuôi hiện đại, an toàn và bền vững. Mục tiêu hướng tới của ngành chăn nuôi Việt Nam là xuất khẩu sản phẩm đạt 1 tỷ USD, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao chất lượng thức ăn chăn nuôi và quản trị rủi ro dịch bệnh. của khu vực nếu duy trì được đà tăng trưởng này.

10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

❖ **Các mục tiêu định hướng của Công ty:**

- Nỗ lực vượt qua khó khăn giữ ổn định sản xuất kinh doanh và tăng trưởng trở lại, đánh giá đúng tình hình biến động thị trường để kịp thời định hướng và điều hành hoạt động của Công ty.
- Tăng giá trị trên mỗi đơn vị sản phẩm, đồng thời nâng cao tính ổn định của bên lợi nhuận trong dài hạn, dẫn tới những thay đổi về chất trong toàn bộ cơ cấu doanh thu. Trong đó tập trung vào phân khúc gạo chất lượng cao, phát triển sản phẩm mang thương hiệu riêng và mở rộng hiện diện tại các thị trường khắt khe, qua đó cải thiện biên lợi nhuận gộp.
- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành Công ty thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị Công ty.
- Tập trung phát triển sản xuất kinh doanh đi đôi với nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo điều kiện tăng cổ tức đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Về cơ bản định hướng phát triển của Công ty phù hợp với triển vọng phát triển của ngành. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển và nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý, sự tin tưởng của các đối tác, bạn hàng, nhất là trong các kế hoạch phát triển sản phẩm dịch vụ và thị trường.

10.8 Hoạt động Marketing

Công ty đã thực hiện quảng bá rộng rãi hình ảnh, thương hiệu và năng lực trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua đội ngũ cán bộ công nhân viên, đối tác và trên website của Công ty.

Công ty đã định vị trong nhận thức của khách hàng đây là doanh nghiệp có uy tín, quan hệ gần gũi và thân thiện, coi trọng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thực hiện nghiêm túc các cam kết, tôn trọng pháp luật và các quy định của Nhà nước.

a) Chiến lược quảng bá thương hiệu

Hoạt động quảng bá thương hiệu của AFIEX bao gồm:

- Quảng cáo thương hiệu sản phẩm trên các loại hình mạng Internet.
- Quảng bá thương hiệu sản phẩm trên các báo chí, tạp chí.
- Quảng bá thương hiệu sản phẩm bằng cách tham dự hội chợ.
- Quảng bá thương hiệu sản phẩm bằng tổ chức hội nghị giới thiệu sản phẩm mới, hội nghị khách hàng.

b) Chính sách chăm sóc khách hàng

- Khách hàng luôn là nguồn tài sản vô giá của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty rất coi trọng công việc chăm sóc khách hàng nhằm khiến khách hàng cảm thấy thoả mãn và luôn trung thành với sản phẩm của doanh nghiệp. Bằng cách tạo dựng tối đa các cách thức để tiếp nhận các ý kiến phản hồi của khách hàng, Công ty đã xây dựng thành công đội ngũ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp làm việc tại các khu vực trực thuộc nhà phân phối các tỉnh góp phần giữ chân các khách hàng cũ và thu hút lượng lớn các khách hàng mới.

- Công ty cũng đặc biệt chú trọng chăm sóc khách hàng qua kênh website, facebook ... bằng việc thành lập bộ phận chuyên môn gồm các nhân viên kinh doanh online sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến Công ty, các sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên mời các đối tác, nhà phân phối tới thăm nhà máy sản xuất, môi trường làm việc của Công ty. Công ty cũng thường xuyên tổ chức hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của khách hàng để từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

c) Các hoạt động xây dựng thương hiệu nội bộ và văn hóa doanh nghiệp

Bên cạnh công tác xây dựng thương hiệu ra công chúng, Công ty cũng tập trung chú trọng đến việc xây dựng thương hiệu nội bộ và văn hóa doanh nghiệp thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp và gián tiếp để CBCNV nâng cao tầm nhận thức về giá trị thương hiệu của Công ty, đồng thời là kênh marketing truyền miệng lan tỏa giá trị thương hiệu của Công ty tới môi trường xung quanh của CBCNV.

10.9 Quyền sở sử trí tuệ, nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty hiện nay đang sử dụng logo sau:

Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 213116 ngày 26/9/2013, sửa đổi theo Quyết định số 26944/QĐ-SHTT ngày 05/04/2021, gia hạn theo Quyết định số 73138/QĐ-SHTT ngày 15/09/2021.

Ý nghĩa logo: AFIEX là tên viết tắt của công ty, hình ảnh bông lúa biểu trưng cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh An Giang và cũng là một trong các hoạt động kinh doanh chính của công ty là kinh doanh lương thực; hình ảnh con tàu và đại dương biểu trưng cho hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

- ***Các chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty***

  - Công ty luôn chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển cả về con người lẫn máy móc thiết bị. Đây được xem là lợi thế của Công ty với các đối thủ cạnh tranh. Việc nghiên cứu và phát triển do Ban Kinh doanh của Công ty phụ trách, bao gồm đội ngũ cán bộ dày dạn kinh nghiệm trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, xuất nhập khẩu lương thực với việc liên tục nghiên cứu sản phẩm nhằm cạnh tranh với các sản phẩm trên thị trường cũng như nắm bắt nhu cầu mới của khách hàng.
  - Công ty đều tổ chức các chuyến đi tiếp xúc trực tiếp để tìm hiểu về khách hàng nhằm có giải pháp điều chỉnh phù hợp, đồng thời tìm hiểu nhu cầu mới phát sinh để có kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về chất lượng, mẫu mã và tính an toàn của sản phẩm đối với môi trường.
  - Tìm hiểu, phân tích nhu cầu một số sản phẩm mới hoặc các sản phẩm đã xuất hiện trên thị trường.
  - Đề xuất phương án cải tiến các sản phẩm cũ đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

- ***Ảnh hưởng của các chính sách nghiên cứu và phát triển tới tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký chào bán***

- Các chính sách nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty luôn đáp ứng được nhu cầu thị hiếu của khách hàng đồng thời đảm bảo được tính an toàn trong việc sử dụng sản phẩm và thân thiện với môi trường.
- Áp dụng hiệu quả cải tiến năng suất hoạt động của máy móc thiết bị của Công ty trong kỳ;
- Tình hình nghiên cứu, phát triển giúp đề xuất các phương án đầu tư các sản phẩm mới trong tương lai gần tạo điều kiện mở rộng thị trường kinh doanh của Công ty.

- ***Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm***

- **Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng**

Quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty được thực hiện trong từng quy trình. Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sau:

- Hệ thống quản lý chất lượng ISO, Vietgap...
- Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi Thủy sản của Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, với mục tiêu trọng tâm là đảm bảo chất lượng sản phẩm, ngăn ngừa rủi ro và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm và môi trường. Hệ thống này được áp dụng toàn diện từ khâu đầu vào đến thành phẩm.

Đối với nguyên liệu đầu vào, xí nghiệp thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt. Nguyên liệu phải có nguồn gốc rõ ràng, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, không chứa chất cấm và được kiểm tra chất lượng bởi Bộ phận kiểm soát chất lượng (KCS). Các loại hồ sơ như tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm (TCCS), chứng nhận phân tích (CA), và chứng nhận xuất xứ (CO) đều được lưu trữ đầy đủ.

Trong quá trình sản xuất, các yêu cầu kỹ thuật và an toàn được ưu tiên hàng đầu. Nhân viên được đào tạo định kỳ về kỹ năng và an toàn lao động. Dây chuyền sản xuất được bảo trì, bảo dưỡng và hiệu chuẩn thường xuyên để đảm bảo tính chính xác và an toàn. Các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động cũng được tuân thủ nghiêm ngặt.

Đối với thành phẩm xuất bán, chất lượng được quản lý chặt chẽ theo bộ tiêu chuẩn cơ sở riêng của xí nghiệp, thường xuyên được cập nhật theo pháp luật. Sản phẩm đều trải qua kiểm tra chất lượng của KCS và được lưu trữ trong kho bãi đạt chuẩn. Thông tin chi tiết về sản phẩm (số lô, ngày sản xuất, hạn sử dụng) luôn được kiểm tra trước khi bàn giao cho khách hàng, đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc khi cần.

- **Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty**

Các đơn vị trực thuộc hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy trình. Công ty cũng có bộ phận kiểm định chất lượng độc lập để kiểm tra nguyên liệu đầu vào và thành phẩm sản xuất.

Định kỳ hàng năm, công ty mời đoàn đánh giá Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng đánh giá tổng quát việc thực hiện các quy trình trong hệ thống, các điểm không phù hợp, các điểm lưu ý sẽ được khắc phục để hoàn thiện hệ thống Công ty đang áp dụng.

- **Đăng ký lưu hành sản phẩm**

Để được lưu thông trên thị trường, tất cả các sản phẩm thức ăn chăn nuôi thủy sản phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp lý. Sản phẩm cần có công bố tiêu chuẩn cơ sở và công bố hợp quy, với các chỉ tiêu dinh dưỡng và an toàn được phân tích, đánh giá bởi một đơn vị thứ ba được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định.

Sản phẩm phải được đăng ký và cấp mã số tiếp nhận thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ. AFIEX luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy trình này, đảm bảo tất cả sản phẩm đang lưu hành trên thị trường đều có mã số tiếp nhận, chứng nhận hợp quy và đáp ứng các yêu cầu pháp lý về dinh dưỡng, an toàn, ghi nhãn bao bì,…

- **Kiểm soát hàng giả - hàng nhái**

Nhằm kiểm soát và nhận diện sản phẩm khi lưu thông, AFIEX áp dụng quy trình quản lý chặt chẽ từ sản xuất, đóng gói đến xuất bán. Mỗi sản phẩm được sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và đều có khả năng truy xuất nguồn gốc.

Trên mỗi bao bì sản phẩm đều có các thông tin quan trọng như số lô và ngày sản xuất. Qua đó, xí nghiệp có thể xác định được chi tiết về sản lượng, thời gian sản xuất, và đội ngũ kiểm tra chất lượng phụ trách. Điều này giúp AFIEX quản lý chặt chẽ chuỗi cung ứng và dễ dàng nhận dạng sản phẩm chính hãng trên thị trường.

10.11 Chiến lược kinh doanh

HĐQT công ty kiên định chiến lược kinh doanh hướng đến mục tiêu thực hiện các giải pháp để tăng trưởng về doanh thu và kim ngạch xuất nhập khẩu. Căn cứ diễn biến thị trường để quyết định sắp xếp, bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác có lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu quả.

❖ ***Các mục tiêu định hướng:***

Nỗ lực vượt qua khó khăn, giữ ổn định sản xuất kinh doanh, đánh giá đúng tình hình biến động thị trường để kịp thời định hướng và điều hành hoạt động của Công ty.

Tăng cường hơn trong công tác chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành Công ty thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, đảm bảo tuân thủ theo

quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị Công ty.

Tập trung phát triển sản xuất đi đôi với nâng cao hiệu quả kinh doanh.

❖ ***Kế hoạch hoạt động***

Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận có mức tăng trưởng hợp lý, phù hợp đặc thù, lợi thế của Công ty;

Định hướng và chỉ đạo Ban điều hành trong việc tìm kiếm các nguồn lực để tăng cường mở rộng và phát triển hơn hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể: tìm kiếm nguồn vốn mới từ trái phiếu, tín dụng; tìm kiếm đối tác và khách hàng; tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Khai thác giá trị về thương hiệu và hồ sơ năng lực để gia tăng tài sản cho Công ty thông qua các hình thức: mua, nhận chuyển nhượng hoặc hợp tác nhằm gia tăng nguồn lực cho phát triển của Công ty trong thời gian tới.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật

Với hoạt động kinh doanh đặc thù về lương thực, thực phẩm và sản xuất thức ăn chăn nuôi nên Công ty phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và được cấp các giấy phép chuyên ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của công ty, cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo số: 410/6-2026-AG/GCN; Cấp ngày: 26/06/2026; Đơn vị cấp: Bộ Công Thương
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật số: 119/LX/GCN-BVTV; Cấp ngày: 17/10/2022; Đơn vị cấp: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật – Sở Nông nghiệp và PTNT An Giang
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi số: 89/003/2022/TACN; Cấp ngày: 29/09/2022; Đơn vị cấp: UBND tỉnh An Giang - Sở Nông nghiệp và PTNT
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản số: TS890002; Cấp ngày: 22/07/2026; Đơn vị cấp: Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường An Giang
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi số: 89/002/2021/ĐKCN; Cấp ngày: 06/07/2021; Đơn vị cấp: UBND tỉnh An Giang - Sở Nông nghiệp và

PTNT

- Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật số: 01/2023/TY-ATDB; Cấp ngày: 10/01/2023; Đơn vị cấp: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh An Giang - Sở Nông nghiệp và PTNT
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số: 18/2023/NNPTNT-AG; Cấp ngày: 07/09/2023; Đơn vị cấp: Chi cục Thủy sản An Giang.

11 Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng, cơ cấu lao động và lương thưởng cho người lao động tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Bảng 18. Số lượng, cơ cấu lao động và lương thưởng

Stt	Cơ cấu lao động	Số lượng lao động (người)		Lương thưởng bình quân (nghìn đồng/người)	
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025
1	Trình độ trên đại học	6	9	8.750	9.030
2	Trình độ đại học, cao đẳng	77	76		
3	Trình độ trung cấp	30	27		
4	Trình độ khác	94	94		
Tổng		**207**	**196**		

Nguồn: Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Đối với doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất lương thực và thức ăn chăn nuôi, yếu tố nguồn nhân lực có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Nhận thức được điều đó, Công ty luôn chú trọng quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, đào tạo nguồn nhân công lao động trực tiếp.

Hàng năm, Công ty tổ chức các khóa đào tạo các cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cũng như chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty. Ngoài ra, để khuyến khích nâng cao tinh thần làm việc của người lao động, Công ty luôn chú trọng tới đời sống cán bộ, công nhân viên, luôn cải tạo điều kiện làm việc nhằm đảm bảo cho cán bộ công nhân viên một môi trường làm việc thân thiện, gắn bó và hiệu quả. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản... theo quy định

hiện hành.

12 Chính sách cổ tức

Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Bảng 19. Tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức
Năm 2021	0	Không chia
Năm 2022	0	Không chia
Năm 2023	0	Không chia
Năm 2024	0	Không chia
Năm 2025	0	Không chia
Năm 2026	30%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Nguồn: Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, giá trị lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng mạnh do tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 30% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thực hiện trong năm 2026

13 Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Không có.

14 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Hiện tại công ty không có các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Với ngành nghề kinh doanh gạo và chế biến thức ăn chăn nuôi nên Công ty được thuê rất nhiều đất tại tỉnh An Giang và trả tiền thuê đất hàng năm, thông tin được cập nhật tại bảng dưới đây:

Bảng 20. Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

TT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hiện trạng sử dụng	Số Hợp đồng thuê sử dụng đất	Giá thuê	Thời hạn sử dụng
	Đất thuê trả tiền hàng năm:					

TT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hiện trạng sử dụng	Số Hợp đồng thuê sử dụng đất	Giá thuê	Thời hạn sử dụng
1	Hẻm QL 91, Phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	25.537,50	Xí nghiệp chế biến Lâm súc sản	Số 22/HĐ.TĐ Ngày: 30/12/2010	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	50 năm Kể từ 30/07/2010 đến 30/07/2060
2	Thị trấn Phú Mỹ, Chợ Đình, Phú Tân, An Giang	3.966,60	Phân xưởng chế biến gạo Phú Tân	Số 28/HĐ.TĐ Ngày: 30/12/2010	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	50 năm Kể từ 11/11/2010 đến 11/11/2060
3	Xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	4.628,40	Phân xưởng chế biến gạo Bình Hòa	Số 17/HĐ.TĐ Ngày: 20/03/2012	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	50 năm Kể từ 18/01/2005 đến 18/01/2055
4	Xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên, An Giang	16.033,90	Phân xưởng chế biến gạo Tịnh Biên	Số 18/HĐ.TĐ Ngày: 20/03/2012	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	50 năm Kể từ 07/10/2005 đến 07/10/2055
5	Hẻm QL91, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	25.429,50	Xí nghiệp xuất khẩu lương thực	Số 12/HĐ.TĐ Ngày: 20/03/2012	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	50 năm Kể từ 26/01/2005 đến 26/01/2055

TT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hiện trạng sử dụng	Số Hợp đồng thuê sử dụng đất	Giá thuê	Thời hạn sử dụng
6	59 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	172,10	Cửa hàng thức ăn chăn nuôi thủy sản	Số 15/HĐ.TĐ Ngày: 20/03/2012	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	50 năm Kể từ 29/06/2004 đến 29/06/2054
7	QL 91 (Vàm Cống), Phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	48.712,90	Xí nghiệp thức ăn chăn nuôi thủy sản	Số 23/HĐ.TĐ Ngày: 20/03/2012	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	50 năm Kể từ 26/01/2005 đến 26/01/2055
8	2045 Trần Hưng Đạo, Mỹ Thới, Long xuyên, An Giang	1.030,50	Văn phòng Công ty	Số 14/HĐ.TĐ Ngày: 20/03/2012	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	50 năm Kể từ 09/05/2006 đến 09/05/2056
9	Xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn	303.715,40	Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh	Số 20/HĐ.TĐ Ngày: 20/03/2012	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	49 năm Kể từ 11/03/1992 đến 11/03/2041
10	Xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn	38.979,40	Trại chăn nuôi Vĩnh Trạch	Số 19/HĐ.TĐ Ngày: 20/03/2012	Theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cơ Quan Thuế	49 năm Kể từ 11/03/1992 đến 11/03/2041

Nguồn: Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

15 Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Các tranh chấp pháp luật dưới đây được hình có liên quan đến các khoản Công nợ phải thu của khách hàng mua hàng hóa của Công ty được hình thành từ trước những năm 2020 thậm chí có những khoản Công nợ được hình thành từ những năm 2010. Đến thời điểm hiện tại các khoản Công nợ phải thu nói trên đã được ghi nhận nợ xấu và Công ty đã tiến hành trích lập 100% dự phòng cho các khoản nợ xấu đang có tranh chấp, cụ thể:

❖ *Tranh chấp đã có Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 19/2017/QĐST-KDTM ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:*

Loại tranh chấp: Tranh chấp kinh doanh thương mại

Nguyên đơn: Công ty CP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Bị đơn: Công ty TNHH Thanh Nguyên

Khoản nợ: 3.366.350.000 đồng

Tình trạng hiện tại: Đã thu hồi được 1.824.682.411 đồng

Còn phải thu hồi theo tiến độ: 1.541.667.589 đồng

❖ *Tranh chấp đã có Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 27/2016/QĐST-KDTM ngày 20/7/2016 và Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 33/2016/QĐST-KDTM ngày 22/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:*

Loại tranh chấp: Tranh chấp kinh doanh thương mại

Nguyên đơn: Công ty CP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Bị đơn: Công ty Cổ phần Việt An

Khoản nợ: 3.728.075.585 đồng

Tình trạng hiện tại: Đã thu hồi được 639.646.822 đồng

Còn phải thu hồi theo tiến độ: 3.088.428.763 đồng

❖ *Tranh chấp đã có Bản án sơ thẩm số 23/2012/KDTM-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và Bản án phúc thẩm số 07/2013/KDTM-PT ngày 11/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:*

Loại tranh chấp: Tranh chấp kinh doanh thương mại

Nguyên đơn: Công ty CP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Bị đơn: Công ty TNHH Phước Thạnh

Khoản nợ: 979.672.500 đồng

Tình trạng hiện tại: Đang thi hành án

Còn phải thu hồi theo tiến độ: 979.672.500 đồng

16 Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1 Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất

Bảng 21. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	1.994.321	1.570.041	-21,27%	1.565.814	1.750.382
Tổng doanh thu thuần	2.057.034	2.813.622	36,78%	1.588.916	2.259.521
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.987.100	2.751.438	38,46%	1.543.353	2.183.202
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.492	55.864	71,93%	33.403	46.995
Lợi nhuận khác	2.400	3.364	40,16%	(59)	-411

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026
Lợi nhuận trước thuế	34.892	59.227	69,74%	33.344	46.584
Lợi nhuận sau thuế	28.012	47.320	68,93%	26.626	37.122
Lãi cơ bản/CP *(đồng/cp)*	800	1.352	69,00%	679	1.061

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản thực phẩm An Giang

- **Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và 9 tháng đầu năm 2026**

Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang đánh dấu bước chuyển biến tích cực trong năm 2025, khi tổng doanh thu thuần năm 2025 đạt 2.813,6 tỷ đồng, tăng mạnh 36,78% so với năm 2024, minh chứng cho việc AFX đã thành công trong việc mở rộng quy mô kinh doanh và tận dụng tốt các cơ hội thị trường. Trong khi đó, giá vốn hàng bán cũng tăng 38,46%, cho thấy áp lực từ biến động giá nguyên liệu đầu vào toàn cầu là rất lớn, gây co hẹp biên lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, bằng việc quản trị hiệu quả và tối ưu hóa chi phí quản lý và vận hành, Công ty đã đạt lợi nhuận sau thuế 47,3 tỷ đồng, tăng vượt bậc 68,93% so với năm 2024. Kết quả này phản ánh chiến lược kinh doanh đúng đắn của Ban lãnh đạo, đặc biệt là việc tập trung vào các mảng mũi nhọn như xuất khẩu gạo và thức ăn chăn nuôi.

Tổng tài sản giảm 21,27% xuống còn 1.570 tỷ đồng vào cuối năm 2025 có thể là hệ quả của việc cơ cấu lại danh mục tài sản, thu hồi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn kém hiệu quả để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, AFX ghi nhận tổng doanh thu thuần đạt 2.259,5 tỷ đồng, giá vốn hàng bán đạt 2.183,2 tỷ đồng, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 46,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 46,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 37,1 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 1.061 đồng/cổ phiếu. Việc duy trì lợi nhuận tăng trưởng cao trong bối cảnh lạm phát và biến động tỷ giá là một thành tựu đáng kể. Tình hình thực tế thị trường nông sản giai đoạn 2025-2026 cho thấy đây vẫn là giai đoạn nhiều thử thách với rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng và biến động giá cả khó

lường.

Việc AFX duy trì hoạt động kinh doanh có lãi cho thấy doanh nghiệp có nền tảng vững chắc và năng lực quản trị rủi ro linh hoạt. Mảng xuất khẩu gạo tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng, khi nhu cầu lương thực thế giới duy trì ở mức cao và AFX đã tận dụng tốt thời điểm giá tốt để đẩy mạnh sản lượng. Đối với mảng thức ăn chăn nuôi, mặc dù gặp khó khăn do dịch bệnh trên đàn heo và chi phí nguyên liệu biến động, nhưng việc tái cơ cấu lại sản phẩm đã giúp Công ty duy trì sản lượng bán hàng ổn định. Hoạt động chăn nuôi cá tra cũng được cải thiện đáng kể nhờ giá thành sản xuất giảm và nhu cầu xuất khẩu tăng trở lại ở một số thị trường trọng điểm. Chiến lược niêm yết trên HOSE vào cuối năm 2025 cũng giúp tăng cường vị thế tài chính và sự minh bạch, góp phần nâng cao giá trị cổ phiếu AFX trong mắt nhà đầu tư.

Bên cạnh việc nắm bắt những cơ hội lớn để tăng trưởng, Công ty vẫn đặc biệt chú trọng tới quản trị rủi ro ngoại hối và chi phí logistics khi các biến động địa chính trị vẫn tiếp tục diễn biến khó lường.

Trong thời gian tới đây, Công ty cũng đã có kế hoạch để tăng biên lợi nhuận thông qua các biện pháp tăng doanh thu, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn:

Duy trì hệ thống khách hàng hiện tại, duy trì thị trường hiện tại và tiếp tục đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động marketing để phát triển thêm khách hàng và thị trường mới nhằm gia tăng doanh thu cho Công ty.

Có kế hoạch và phương án trong việc ổn định giá cả nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chi phí sản xuất, tối ưu hóa chi phí vận hành và bán hàng.

Áp dụng công nghệ và chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất, bán hàng và quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng nguồn lực và giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Luôn tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới, phù hợp với ngành nghề kinh doanh, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo an toàn và gia tăng lợi ích của cổ đông.

Với mảng sản xuất thức ăn chăn nuôi: Giá nguyên liệu đầu vào thế giới và Việt Nam hiện đang ổn định, Công ty có chiến lược thu mua nguyên liệu đầu vào trước, xác định được giá vốn sớm nên sẽ xác định giá bán phù hợp, gia tăng biên lợi nhuận so với các doanh nghiệp cùng ngành. Đồng thời tập trung đẩy mạnh sản lượng cho các đối tác lớn như Biomark Việt Úc, CJ... và phát triển đại lý mới nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận.

Với mảng kinh doanh gạo: tăng cường mua tích trữ hàng tại kho hoặc ký kết các

hợp đồng thu mua xác định trước giá mua với các thương lái/hộ nông dân, khi giá cả thị trường phù hợp mới chốt giá bán để ổn định giá thành sản phẩm và phù hợp với thị trường và đối tác. Bên cạnh đó, Afiex dựa trên cơ sở các đối tác xuất khẩu tại Hồng Kông, Mỹ, Châu Âu... đang đàm phán để đẩy mạnh xuất khẩu gạo cao cấp nhằm tăng biên lợi nhuận. Ngoài ra, AFIEX đang đàm phán với các đối tác mới tại Hàn Quốc và Trung Đông để mở rộng tệp khách hàng, gia tăng giá trị và lợi nhuận cho Công ty.

Mảng chăn nuôi: AFIEX đang triển khai nuôi cá rô phi xuất khẩu sang Mỹ do thị trường này đang giảm nhập khẩu từ Trung Quốc bởi chính sách thuế cao, tạo cơ hội để Công ty mở rộng xuất khẩu cá rô phi và gia tăng biên lợi nhuận.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, Công ty tiếp tục tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư có khả năng sinh lời tốt, an toàn, gia tăng lợi ích cho Công ty và cổ đông.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán năm 2025

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

- **Yếu tố thuận lợi:**

Ngành nông nghiệp Việt Nam trong năm 2025 đã đạt mức tăng trưởng đầy ấn tượng

Theo số liệu từ Cục Thống kê (Bộ Tài chính), giá trị tăng thêm của khu vực nông - lâm - thủy sản năm 2025 ước tính tăng khoảng 3,78%, mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2024. Sự bứt phá này đến từ sự đóng góp đồng bộ của các phân ngành, trong đó nông nghiệp tăng khoảng 3,48%, lâm nghiệp tăng 5,70% và thủy sản tăng 4,41%. Khu vực này đóng góp trên 5% vào mức tăng trưởng GDP chung của cả nước. Đối với AFIEX, sự phát triển chung của toàn ngành không chỉ tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi mà còn đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định và chất lượng, Công ty có nhiều cơ hội lựa chọn nguồn cung, tối ưu hóa chi phí sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Sự ổn định của ngành nông nghiệp còn giúp AFIEX dễ dàng lập kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, giảm thiểu rủi ro từ những biến động

cung cầu bất ngờ. Đây là nền tảng quan trọng giúp công ty đẩy mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi như xuất khẩu gạo và thức ăn chăn nuôi.

Dư địa tăng trưởng từ các Hiệp định thương mại tự do

Việc Việt Nam tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP đã tạo ra dư địa xuất khẩu nông sản vô cùng lớn cho các công ty. Đặc biệt, Hiệp định EVFTA kể từ khi thực thi đã tạo cú hích mạnh mẽ, đưa thị trường EU trở thành điểm đến tiềm năng với tốc độ tăng trưởng cao cho các mặt hàng nông sản Việt Nam. Số liệu thống kê cho thấy ngay trong tháng đầu tiên hiệp định có hiệu lực, xuất khẩu nông sản sang EU đã tăng từ 15% đến 17% so với cùng kỳ.

Việc cắt giảm thuế quan theo lộ trình của các FTA giúp sản phẩm của AFIEX trở nên cạnh tranh hơn về giá so với các đối thủ từ các quốc gia chưa có FTA với EU. Đồng thời, các quy tắc xuất xứ linh hoạt trong các hiệp định này tạo điều kiện cho công ty gia tăng giá trị sản xuất trong nước và tiếp cận sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh thị trường EU, các FTA khác cũng mở rộng cánh cửa cho hàng nông sản sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Canada, Úc và các nước khu vực.

AFIEX có thể tận dụng các lợi thế từ FTA để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng thế mạnh như gạo, thực phẩm chế biến, đồng thời thu hút thêm vốn đầu tư công nghệ từ đối tác nước ngoài. Sự minh bạch hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định vệ sinh an toàn thực phẩm thông qua các FTA cũng buộc công ty phải chuẩn hóa quy trình, từ đó nâng cao uy tín thương hiệu trên trường quốc tế. Đây là nhân tố mang tính chiến lược, giúp AFIEX không chỉ tăng sản lượng mà còn cải thiện đáng kể biên lợi nhuận thông qua việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Chính sách hỗ trợ thiết thực từ Chính phủ

Nghị quyết 57 cùng nhiều chính sách cụ thể đã được ban hành nhằm tạo môi trường thuận lợi cho công ty tiếp cận nguồn lực, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số. Chính sách này giúp giảm bớt rủi ro tài chính cho các dự án đầu tư máy móc, dây chuyền sản xuất mới, từ đó giúp Công ty nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Các chính sách liên kết giữa nông dân với công ty xuất khẩu được đẩy mạnh cũng giúp tạo sự đồng bộ, nâng cao tính liên kết sản xuất và đảm bảo nguồn cung ổn định. Công ty nhờ đó có thể tận dụng các gói tín dụng ưu đãi dành riêng cho nông nghiệp, thủy sản để giảm áp lực chi phí lãi vay trong bối cảnh lãi suất thị trường biến động. Sự hỗ trợ này còn bao gồm việc đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp thông tin thị trường và hướng dẫn các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế. Những chính sách này giúp AFIEX tự tin đầu tư vào hạ tầng kho bãi, cơ giới hóa đồng bộ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường xuất khẩu.

Nhu cầu lương thực cao trên thế giới đang ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ

Những biến động về địa chính trị, thiên tai và biến đổi khí hậu ở nhiều quốc gia đã dẫn đến sự thiếu hụt nguồn cung lương thực thiết yếu, khiến giá nhiều loại nông sản, đặc biệt là gạo, duy trì ở mức cao trên thị trường quốc tế. Việt Nam, với vị thế là một trong những quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu, đang trở thành điểm đến ưu tiên của nhiều thị trường lớn. Chỉ trong Quý I/2026, kim ngạch xuất khẩu rau quả đã đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2025, phản ánh nhu cầu tiêu thụ nông sản tươi và chế biến đang rất lớn. Trong đó, nhiều thị trường như Malaysia tăng 97%, Đức tăng 83% và Hà Lan tăng 55% đã cho thấy sự ưa chuộng đối với nông sản Việt. Nhu cầu này không chỉ dừng lại ở số lượng mà còn đòi hỏi cao về chất lượng và các tiêu chuẩn khắt khe như GlobalGAP hay hữu cơ, đây chính là thế mạnh mà Công ty đang tập trung phát triển. Việc nhu cầu thế giới tăng cao giúp Công ty có lợi thế trong đàm phán giá bán, từ đó cải thiện đáng kể doanh thu và lợi nhuận trên mỗi đơn hàng xuất khẩu. Hơn nữa, nhu cầu ổn định giúp Công ty duy trì được kế hoạch sản xuất lâu dài, tránh tình trạng hàng tồn kho dư thừa do không bán được. Sự đa dạng hóa thị trường xuất khẩu từ Châu Á, Mỹ đến Châu Âu cũng giúp công ty giảm thiểu rủi ro khi một thị trường đơn lẻ gặp biến động kinh tế.

Sự bùng nổ của xuất khẩu rau quả và nông sản chế biến

Xuất khẩu rau quả và nông sản chế biến Việt Nam đã chứng kiến sự bùng nổ mạnh mẽ trong giai đoạn 2025-2026, tạo động lực tăng trưởng mới cho các công ty, trong đó có AFIEX. Những sản phẩm này dự kiến mỗi mặt hàng có thể mang về thêm hàng trăm triệu USD mỗi năm, tạo ra nguồn doanh thu bổ trợ quý giá cho các công ty trong ngành. Xu hướng tiêu dùng thực phẩm chế biến sâu, thực phẩm ăn liền và đồ uống từ nông sản đang gia tăng mạnh mẽ, giúp AFIEX dễ dàng tiếp cận các phân khúc thị trường có biên lợi nhuận cao hơn so với xuất khẩu nông sản thô. Sự phát triển của các công nghệ bảo quản tiên tiến, công nghệ sấy và chế biến hiện đại đã cho phép kéo dài thời gian lưu trữ và mở rộng phạm vi tiêu thụ nông sản Việt đến những thị trường xa xôi. Việc đẩy mạnh mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói theo tiêu chuẩn quốc tế giúp sản phẩm của công ty vượt qua các hàng rào kỹ thuật khắt khe, dễ dàng thâm nhập vào thị trường khó tính. Sự bùng nổ này còn đến từ tính chất mùa vụ, cho phép Việt Nam đưa hàng vào thị trường quốc tế vào đúng thời điểm nhu cầu tăng cao. Công ty có thể tận dụng hạ tầng kỹ thuật hiện có để chuyển đổi sang sản xuất các mặt hàng chế biến có giá trị gia tăng cao, giúp giảm thiểu rủi ro giá cả và lãng phí sau thu hoạch. Việc xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất, đóng gói đến xuất khẩu giúp công ty kiểm soát tốt chất lượng và đáp ứng đúng thị hiếu người tiêu dùng.

- **Những khó khăn, tồn tại**

Rủi ro từ biến đổi khí hậu

Đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt với tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn gia tăng nhanh chóng, gây áp lực trực tiếp lên sản xuất nông nghiệp. Số liệu thực tế cho thấy, ranh mặn 4‰ có thể xâm nhập sâu vào nội đồng từ 40 đến 66 km, tại một số địa phương như Tiền Giang, Bến Tre con số này lên tới 70-76 km. Thời tiết cực đoan như bão lũ bất thường không chỉ làm gián đoạn thu hoạch mà còn phá hủy hạ tầng bảo quản, vận chuyển lương thực. Các đợt xâm nhập mặn tăng cao liên tục diễn ra, chẳng hạn trong 2 tháng đầu năm 2024 đã có 3 đợt xâm nhập mặn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất. Hệ quả là năng suất cây trồng giảm sút, khiến sản lượng xuất khẩu của các doanh nghiệp như AFIEX bị ảnh hưởng đáng kể. Ngoài ra, doanh nghiệp còn phải chịu chi phí sản xuất tăng cao và phí bảo hiểm rủi ro do tính chất khó dự báo của thời tiết.

Gánh nặng chi phí vật tư và logistic

Sự phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu khiến doanh nghiệp nông sản Việt thường xuyên chịu áp lực lớn khi thị trường toàn cầu biến động. Bên cạnh đó, khủng hoảng vận tải toàn cầu và giá xăng dầu tăng cao đã đẩy chi phí logistics lên mức kỷ lục, bào mòn lợi nhuận thực tế của các doanh nghiệp. Chi phí sản xuất nông nghiệp theo đánh giá sơ bộ có thể tăng thêm từ 3-5% do tác động từ các loại vật tư đầu vào này. Đặc biệt, những doanh nghiệp có tiềm lực vốn lưu động hạn chế sẽ đối mặt với nguy cơ mất thị phần.

Áp lực cạnh tranh trong ngành thức ăn chăn nuôi

Ngành chế biến thức ăn chăn nuôi hiện đang chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp nội địa và các tập đoàn FDI có tiềm lực tài chính. Các doanh nghiệp FDI thường sở hữu dây chuyền sản xuất đồng bộ, công suất lớn giúp tối ưu hóa chi phí sản xuất và giảm đáng kể giá thành sản phẩm. Ngược lại, doanh nghiệp trong nước thường phải đối mặt với chi phí vận hành cao và dịch bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp. Việc dịch bệnh vẫn khó kiểm soát khiến người chăn nuôi e dè trong việc tái đàn, từ đó trực tiếp làm giảm sản lượng tiêu thụ thức ăn chăn nuôi ra thị trường.

Khó khăn tại Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh

Hoạt động chăn nuôi heo tại Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh đang gặp những rào cản nội tại đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sinh lời. Hiện nay, quy mô đàn heo còn thấp so với công suất thiết kế, làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản cố định và đẩy giá thành đơn vị lên cao. Cơ sở hạ tầng của trại đang dần xuống cấp, làm gia tăng rủi ro về dịch bệnh tái phát và khó kiểm soát theo các tiêu chuẩn chăn nuôi an toàn hiện đại. Giá thành vật nuôi cao do chi phí sản xuất lớn khiến sản phẩm của trại khó cạnh tranh so với các nguồn cung heo thịt quy mô lớn khác. Doanh nghiệp cần nguồn vốn lớn để cải

tạo hạ tầng và mở rộng tổng đàn nhằm đạt được lợi thế về quy mô. Tuy nhiên, việc thiếu vốn đầu tư khiến những tồn tại này khó được giải quyết dứt điểm trong ngắn hạn. Những rủi ro dịch bệnh thường trực cũng là nguyên nhân công ty trở nên thận trọng hơn trong việc mở rộng sản xuất.

Hạn chế trong chuỗi giá trị và công nghệ

Phần lớn nông sản xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở dạng thô, giá trị gia tăng chưa cao và thiếu tính đồng nhất về chất lượng. Công nghệ bảo quản sau thu hoạch và logistics lạnh chưa phát triển đồng bộ, đặc biệt là tại các vùng sản xuất xa xôi, gây ra tình trạng hư hỏng nông sản đáng kể. Thực tế, cả nước hiện chỉ có khoảng hơn 4.000 hợp tác xã tham gia liên kết chuỗi giá trị, chiếm chưa đầy 13% tổng số hợp tác xã hiện có, cho thấy sự rời rạc trong tổ chức sản xuất. Việc thiếu liên kết chặt chẽ giữa các khâu từ nông dân đến doanh nghiệp và nhà phân phối đã dẫn đến sự đứt gãy trong chuỗi cung ứng. Điều này khiến nông sản Việt mất lợi thế cạnh tranh về giá và chất lượng so với các đối thủ có chuỗi giá trị khép kín như Thái Lan hay Ấn Độ.

Sự manh mún trong tổ chức sản xuất nông nghiệp

Quy mô sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam vẫn duy trì tính chất manh mún, với phần lớn là các nông hộ nhỏ lẻ, thiếu sự gắn kết. Việc sản xuất tự phát, thiếu quy trình chuẩn khiến công tác kiểm soát chất lượng trở nên cực kỳ khó khăn và tốn kém chi phí. Liên kết chuỗi giữa các tác nhân như nông dân - doanh nghiệp - nhà phân phối còn rất lỏng lẻo, khiến hệ thống cung ứng dễ bị đứt gãy. Thực trạng này làm hạn chế khả năng cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, từ đó làm giảm năng suất tổng thể. Năng lực của nhiều hợp tác xã hiện nay còn rất yếu, chưa đủ sức trở thành trung tâm của các chuỗi liên kết bền vững. Khi thiếu sự đồng bộ, doanh nghiệp khó có thể đảm bảo được nguồn nguyên liệu sạch, ổn định và đạt chuẩn cho xuất khẩu.

2 Tình hình hoạt động tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

2.1.1. Vốn điều lệ

Bảng 22. Vốn điều lệ công ty

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Vốn điều lệ	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Kể từ khi hoàn thành cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần đến nay, Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

2.1.2. Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty

Bảng 23. Cơ cấu vốn kinh doanh của công ty

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I	**Nợ phải trả**	**1.518.397**	**1.048.701**	**1.020.718**	**1.194.790**
1	Nợ ngắn hạn	1.518.003	1.047.676	1.019.405	1.193.288
2	Nợ dài hạn	394	1.025	1.313	1.502
II	**Vốn chủ sở hữu**	**475.925**	**521.340**	**545.097**	**555.592**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	350.000	350.000	350.000	350.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	13.010	14.410	16.776	16.776
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	112.915	156.930	178.320	188.816
Tổng cộng nguồn vốn		**1.994.321**	**1.570.041**	**1.565.814**	**1.750.382**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Nguồn vốn kinh doanh của AFIEX năm 2025 có giảm 21% so với năm 2024 nhưng sự giảm này được đến từ giảm các khoản Nợ ngắn hạn, điều này khá tích cực vì việc giảm do giảm nợ Vay ngân hàng và Các khoản phải trả ngắn hạn khác, việc này góp phần làm tình hình tài chính của Công ty thêm lành mạnh, giảm áp lực chi phí lãi vay. Tổng nguồn vốn kinh doanh năm 2025 tuy có giảm nhưng khoản Phải trả người bán (Tín dụng thương mại) và Lợi nhuận sau thuế tăng lên là cho thấy Công ty đang chiếm dụng được nguồn vốn không lãi suất từ các nhà cung cấp và hoạt động kinh doanh có lãi cũng góp phần gia tăng nguồn vốn kinh doanh cho Công ty. Đến 09 tháng đầu năm 2026, nguồn vốn kinh doanh tiếp tục được bổ sung thêm bởi Tín dụng thương mại và Lợi nhuận sau thuế.

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được hình thành từ Nợ phải trả và Vốn chủ sở

hữu (Tổng cộng của Vốn góp, Lợi nhuận sau thuế và Các quỹ). Việc gia tăng nguồn vốn kinh doanh của Công ty phát sinh do tăng Nợ phải trả và/hoặc Vốn chủ sở hữu. Khi Công ty sử dụng quá nhiều Nợ phải trả đặc biệt là Vay và nợ thuê tài chính sẽ ảnh hưởng đến cán cân Nợ/Vốn chủ sở hữu, gia tăng áp lực về chi phí lãi vay và áp lực trả nợ ngắn hạn dẫn đến tăng áp lực chủ động về nguồn vốn kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu được tăng thêm do việc tăng vốn của Công ty thông qua phát hành thêm cổ phiếu. Đối với AFIEX việc tăng vốn chưa được thực hiện kể từ khi Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, điều này đang gây khó khăn cho Công ty trong việc mở rộng quy mô hoạt động. Do đó, việc tăng vốn là nhu cầu cần thiết và hiện hữu khi kế hoạch kinh doanh yêu cầu tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận đặt ra sự cấp thiết phải bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1.3. Trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Bảng 24. Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50
Máy móc và thiết bị	6 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	4 -25

Nguồn: Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

2.1.4. Mức lương bình quân

Trong năm 2025, mức thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty là 9,030 triệu đồng/người/tháng, tăng 3,2% so với năm 2024. Mức lương của các doanh nghiệp cùng ngành trong cùng địa bàn khoảng 7 triệu đồng/người/tháng, do đó mức lương của AFIEX đang có nhỉnh hơn với các doanh nghiệp cùng ngành trong địa bàn, giúp Công ty thu hút được nguồn lao động có chất lượng tại địa phương.

2.1.5. Tình hình công nợ

(a) Các khoản phải thu

Bảng 25. Tình hình công nợ phải thu

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026	30/09/2026
1. Phải thu ngắn hạn	**511.420**	**842.328**	**924.858**	**1.107.582**
Phải thu của khách hàng	300.848	412.577	280.996	373.333
Trả trước cho người bán	157.135	266.586	586.228	492.793
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	66.081	174.603	69.568	253.391
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(12.644)	(11.438)	(11.935)	-11.935
2. Phải thu dài hạn	**240.000**	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	240.000	-	-	-
Tổng cộng	**751.420**	**842.328**	**924.858**	**1.107.582**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

- ***Với Khoản phải thu của khách hàng***

Khoản phải thu của khách hàng là khoản mục quan trọng nhất trong cơ cấu nợ của AFIEX, đóng vai trò là thước đo trực tiếp cho hiệu quả tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ. Năm 2024, khoản mục này đạt 300.848 triệu đồng, sau đó tăng lên 412.577 triệu đồng vào năm 2025, tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng 37,1%. Đến ngày 30/09/2026, khoản phải thu của khách hàng giảm xuống còn 373.333 triệu đồng, giảm khoảng 9,51% so với cuối năm 2025. Việc khoản phải thu của khách hàng giảm cho thấy Công ty đã tăng cường thu hồi công nợ và chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt, góp

phần cải thiện dòng tiền trong hoạt động kinh doanh. Song song với việc quản lý công nợ, AFIEX tiếp tục áp dụng các tiêu chuẩn tín dụng thương mại nghiêm ngặt hơn, đồng thời thực hiện quản trị rủi ro để đánh giá khả năng thanh toán của từng nhóm khách hàng lớn.

- ***Với các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn***

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các khoản Công ty ứng trước cho nhà cung cấp để đặt hàng và lấy hàng hóa trong tương lai. Các khoản trả trước cho người bán thể hiện sự tin tưởng của nhà cung cấp đối với Công ty, đồng thời cũng là cam kết của Công ty trong hoạt động kinh doanh với các đối tác. Thông thường, hàng hóa của Công ty là những mặt hàng luân chuyển liên tục và được tiêu thụ ngay; khi Công ty hoàn thành bán hàng sẽ thực hiện thanh toán cho nhà cung cấp để duy trì mối quan hệ nhằm được hưởng lợi về giá cả và chất lượng sản phẩm. Năm 2024, Công ty ghi nhận 157.135 triệu đồng, đến năm 2025 con số này tăng lên 266.586 triệu đồng, tương ứng mức tăng trưởng 69,7%. Đến ngày 30/09/2026, khoản mục này có tăng lên so với cuối năm 2025 nhưng giảm so với 30/06/2026 từ 586.228 triệu đồng xuống 492.793 triệu đồng. Sự gia tăng này cho thấy AFIEX tiếp tục ứng vốn trước với quy mô lớn để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định trong bối cảnh giá cả hàng hóa vẫn có nhiều biến động tuy nhiên vẫn kiểm soát được giá trị ứng trước đảm bảo an toàn vốn.

- ***Với các khoản phải thu ngắn hạn khác***

Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là các khoản tạm ứng cho cán bộ Công ty để thực hiện công việc cho Công ty. Đối tượng tạm ứng thường là các cán bộ là lãnh đạo đơn vị trong công ty đi thực hiện công việc hành chính của Công ty, mua máy móc thiết bị, thu mua gạo xuất khẩu…., được xác định mục đích cụ thể và theo dõi, yêu cầu hoàn tạm ứng ngay sau khi hoàn thành công việc. Cụ thể, các khoản tạm ứng của cán bộ công nhân viên Ban kinh doanh về việc đặt hàng bao tiêu và thu gom nông sản cho các vụ từ tháng 7 năm 2026 đến tháng 4 năm 2027 tại khu vực tỉnh An Giang và Đồng Tháp.

Ngoài ra còn có các khoản phải thu về tiền lãi, cổ tức và lãi chậm thanh toán của đối tác.

- ***Với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi***

(*) Là trích dự phòng cho khoản nợ xấu của Công ty.

Thông tin chi tiết khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi cụ thể như sau:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khách hàng	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026		30/09/2026	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
1	Cty TNHH Phước Thạnh	980	-	980	-	980	-	980	-
2	Cty TNHH Thanh Nguyên	1.542	-	936	-	1.542	-	1.542	-
3	CTy CP Việt An	3.088	-	3.088	-	3.088	-	3.088	-
4	CTY TNHH MTV SX TM XNK ĐẮK NÔNG FEED	2.373	712	2.373	-	2.373	-	2.373	-
5	Công Ty TNHH An Hưng Nông	1.069	321	1.069	-	1.069	-	1.069	-
6	Tạ Hoàng Duy	2.259	-	-	-	-	-	-	-
7	Thân Thùy Dung	885	-	-	-	-	-	-	-
8	Nguyễn Vũ Phương	648	621	-	-	-	-	626	574
9	Trần Thị Tho	67	-	-	-	-	-	-	-
10	Phạm Anh Tuấn	1.980	594	1.980	-	1.980	-	1.980	-
11	Công ty CP Lương thực thực phẩm	-	-	29	14			29	14

Stt	Khách hàng	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026		30/09/2026	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	JCC								
12	Bà Vũ Thị Ba	-	-	1.187	861			1.187	643
13	Ông Võ Văn Dũng	-	-	220	154			353	337
14	HKD Trung Ngân	-	-	-	-	-	-	1.373	1.134
15	Nguyễn Huỳnh Phúc	-	-	-	-	-	-	129	90
Khoản phải thu khác									
15	Công ty TNHH Thanh Nguyên	-	-	605	-	-	-	605	-
16	Các đối tượng khác	-	-	-	-	3.297	2.394	-	-
Tổng		**14.892**	**2.248**	**12.467**	**1.029**	**13.227**	**2.394**	**14.729**	**2.794**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BTCT Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Hầu hết các khoản nợ xấu nói trên được hình thành từ thời điểm trước 2020, trước thời điểm Công ty có sự chuyển giao về quản trị và điều hành. Hiện tại, với các khoản nợ này công ty đã tiến hành các thủ tục kiện và đã có các quyết định của Tòa án buộc các khách hàng nói trên phải thực hiện trả nợ cho Công ty tuy nhiên đến thời điểm hiện tại các bản án đó vẫn chưa xong thực hiện thi hành án do các khách hàng vẫn đang tiếp tục trả nợ. Bên cạnh việc đôn đốc thu hồi nợ của khách hàng, Công ty cũng đã tính toán và trích dự phòng theo đúng quy định. Thông tin về các tranh chấp pháp luật có liên quan đến các khoản nợ xấu được trình bày tại Mục IV.15 của Bản cáo bạch.

Bảng 26. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

Đvt: Triệu đồng

Nội dung	Giá trị
Tại ngày 01/01/2025	**-12.644**
Trích lập dự phòng	-
Hoàn nhập dự phòng	1.206
Tại ngày 31/12/2025	**-11.438**
Trích lập dự phòng	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Tại ngày 30/06/2026	**-11.438**
Trích lập dự phòng	497
Hoàn nhập dự phòng	-
Tại ngày 30/09/2026	**-11.935**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Trích lập dự phòng phải thu khó đòi là khoản trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu đang thực hiện thi hành án theo các tranh chấp pháp luật xảy ra trong giai đoạn trước năm 2020. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định cho khoản nợ phải thu khó đòi và vẫn đang yêu cầu các đối tượng phải thực hiện theo quyết định của tòa án trong việc hoàn trả các khoản nợ. Tính đến ngày 30/09/2026, số trích lập dự phòng đã trích chiếm 80% số phải thu.

(b) Các khoản phải trả

Bảng 27. Tình hình công nợ phải trả

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026	30/09/2026
1. Nợ ngắn hạn	**1.518.002**	**1.047.676**	**1.019.405**	**1.193.288**
Phải trả người bán ngắn hạn	147.850	264.726	132.913	225.704
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.178	22.283	76.344	155.916
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.877	12.085	8.423	13.170
Phải trả người lao động	20	-	646	1.437
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.316	2.042	1.368	2.013

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026	30/09/2026
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	2.629	414	45
Phải trả ngắn hạn khác	745.595	4.723	4.238	4.381
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	614.252	737.528	791.049	786.770
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.914	1.660	4.010	3.852
2. Nợ dài hạn	**394**	**1.025**	**1.313**	**1.502**
Phải trả dài hạn khác	394	584	1.061	1.061
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	441	252	441
Tổng cộng	**1.518.396**	**1.048.701**	**1.020.718**	**1.194.790**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

- ***Phải trả người bán ngắn hạn***

Phải trả người bán ngắn hạn là các khoản công nợ Công ty phải thanh toán cho các nhà cung cấp sau khi đã nhận hàng hóa nhưng chưa thực hiện thanh toán. Khoản công nợ này thể hiện uy tín của Công ty đối với các nhà cung cấp trong hoạt động mua bán hàng hóa; số công nợ phải trả người bán tăng qua các năm phản ánh vị thế của Công ty đối với các nhà cung cấp cũng như sự tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2024, giá trị khoản mục này ở mức 147.850 triệu đồng, nhưng đã tăng mạnh lên 264.726 triệu đồng vào năm 2025, tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng 79,05%. Đến ngày 30/09/2026, khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm xuống còn 225.704 triệu đồng, giảm khoảng 14,7% so với cuối năm 2025. Sự sụt giảm này cho thấy Công ty đã thực hiện thanh toán đáng kể các khoản công nợ với nhà cung cấp, góp phần giảm nghĩa vụ nợ ngắn hạn và cải thiện cơ cấu nguồn vốn.

- ***Người mua trả tiền trước ngắn hạn***

Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn là các khoản đặt cọc, thanh toán trước từ các đối tác nước ngoài nhập khẩu gạo của AFIEX và các đối tác trong nước

để đặt hàng của Công ty. Giá trị khoản mục này chỉ đạt 2,2 tỷ đồng năm 2024 nhưng đã tăng lên 22,3 tỷ đồng năm 2025 và đến ngày 30/09/2026 tiếp tục tăng mạnh lên 155,9 tỷ đồng. Điều này cho thấy uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao đối với các đối tác lớn trong lĩnh vực thương mại xuất nhập khẩu gạo; các đối tác sẵn sàng thanh toán trước để đảm bảo nguồn hàng, đồng thời giúp Công ty hạn chế rủi ro trong thanh toán khi bán hàng.

- ***Phải trả ngắn hạn khác***

Phải trả ngắn hạn khác giảm mạnh từ 745,6 tỷ đồng năm 2024 xuống còn 4,7 tỷ đồng năm 2025 và 4,4 tỷ đồng tại ngày 30/09/2026, chủ yếu thông qua việc thu hồi gốc và lãi từ các khoản hợp tác kinh doanh ngắn hạn trong năm 2024. Hiện tại, các khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải trả người lao động, nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn do khách hàng đặt trước để mua hàng hóa của Công ty.

- ***Tổng dư nợ vay***

Bảng 28. Tổng dư nợ vay

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026	30/09/2026
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	614.252	737.528	791.049	786.770
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	441	252	441
	Tổng	**614.252**	**737.969**	**791.301**	**787.211**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

- **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Bảng 29. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

ĐVT: triệu đồng

Tổ chức tín dụng	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	Thông tin khoản vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	200.000	128.868	128.870	128.876	Thời hạn: 12 tháng Lãi suất: Có điều chỉnh Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Tổ chức tín dụng	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	Thông tin khoản vay
– CN Bình Dương					Hình thức đảm bảo: - Quyền sử dụng đất của Công ty Đầu tư kinh doanh BĐS Đại Lải - Quyền sử dụng đất của ông Đặng Quang Thái và Bà Nguyễn Thùy Dung - Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Việt Hòa - Quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Mỹ Dung - Tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN An Giang (ii)	-	173.874	161.866	150.000	Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2025/548403/HĐTD ngày 09/09/2025 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang. Hạn mức tín dụng: giảm dần dư nợ từ mức 173.875.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng. Lãi suất: quy định theo hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, phương tiện vận tải.
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN An Giang (iii)	-	9.990	-	-	Hợp đồng tín dụng số: 540.0150/2025/HĐTDHM-DN/PGBankAG ngày 29/5/2025 với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh An Giang. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng. Lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi số: 09/020625/540/HDTGCK-PGB theo HĐ thế chấp số: 540.0150C/2025/BĐ.

Tổ chức tín dụng	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	Thông tin khoản vay
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín* - CN Thăng Long (iv)	-	145.956	145.478	145.478	Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202528048017 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long. Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng. Mục đích: cụ thể từng lần cấp do Sacombank và Bên được cấp tín dụng thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật và được ghi trong Văn Kiện Tín Dụng. Thời hạn cấp hạn mức: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định trong từng văn kiện tín dụng cụ thể. Tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 666469.
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội (v)	-	44.333	123.573	-	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: REF2436555671/HĐHMTDL T ngày 21/04/2025 với ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng: 500.000.000.000 đồng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền hàng hóa, quyền đòi nợ, quyền phát sinh trong tương lai.
Ngân hàng Đông Nam Á Seabank - CN An Giang			90.546	79.083	Thời gian vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể Lãi suất: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C Hình thức đảm bảo khoản vay: Quyền hàng hóa, quyền đòi nợ và các quyền phát sinh trong tương lai hình thành từ vốn vay

* Ngân hàng này hiện nay đã đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc.

Tổ chức tín dụng	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	Thông tin khoản vay
Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội SHB - CN An Giang			14.900	68.900	Thời gian vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể Lãi suất: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C Hình thức đảm bảo khoản vay: Quyền hàng hóa, quyền đòi nợ và các quyền phát sinh trong tương lai hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Châu Thành Sài Gòn	171.426	-	-		Thời gian vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể Lãi suất: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C Hình thức đảm bảo khoản vay: Quyền hàng hóa, quyền đòi nợ và các quyền phát sinh trong tương lai hình thành từ vốn vay Năm 2023: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mệnh giá 3 tỷ đồng
Ngân hàng TNHH Indovina	47.949	34.083	16.054	14.409	Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng Lãi suất: điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C Hình thức đảm bảo: Các quyền sử dụng đất của ông Đặng Quang Thái tại Ngọc Thanh, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 70.230.000 đồng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Hội sở miền Nam	194.875	199.934	199.835	199.835	Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Tổ chức tín dụng	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	Thông tin khoản vay
					Hình thức đảm bảo: Hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ luân chuyển Bảo lãnh của Ông Đặng Quang Thái
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE (Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả)	-	491	472	441	
Tổng	**614.252**	**737.528**	**791.049**	**787.022**	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Tổng dư nợ vay của Công ty tăng từ 614,2 tỷ đồng năm 2024 lên 737,5 tỷ đồng năm 2025 và 787,0 tỷ đồng Quý 3/2026. Tất cả các khoản vay đều là vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc gia tăng giá trị dư nợ vay ngắn hạn phù hợp với nhu cầu vốn lưu động ngày càng tăng đáp ứng việc gia tăng doanh thu của AFIEX từ 2.067 tỷ đồng năm 2024 lên 2.822 tỷ đồng năm 2025 và dự kiến lên 3.800 tỷ đồng năm 2026. Tuy nhiên, việc gia tăng nợ vay ngắn hạn sẽ tạo rất nhiều áp lực lên chi phí tài chính của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy để gia tăng hiệu quả hoạt động không thể phụ thuộc chủ yếu vào tín dụng ngân hàng, Công ty phải huy động nguồn lực từ nguồn dài hơn, ổn định hơn đó là nguồn vốn chủ sở hữu từ các cổ đông. Chính vì vậy, HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang đã trình ĐHĐCĐ thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ và đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua vào ngày 29/04/2026 vừa qua.

(c) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước luôn được Công ty thực hiện nộp đầy đủ và nghiêm túc theo quy định của Nhà nước.

Bảng 30. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026	30/09/2026
Thuế GTGT	-	-	-	18.923.667.882
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.880.267.308	11.907.615.674	6.717.659.961	9.462.536.600
Thuế thu nhập cá nhân	455.196.458	474.169.310	22.212.889	112.185.247
Thuế tài nguyên	9.596.160	9.524.480	1.130.880	10.137.336
Tiền thuê đất	6.854.114.071	886.438.456	1.677.602.189	3.355.204.377
Các loại thuế khác	74.410.232	12.968.792	-	3.001.313
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.355.040	36.922.001	4.277.280	5.731.451
Tổng cộng	**14.277.939.268**	**13.327.638.713**	**8.422.883.179**	**31.872.464.206**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Các loại thuế liên quan tới Công ty

- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**

- Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế (Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12).
- Thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (theo Điều 14, 15 Chương IV Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12).

- **Thuế giá trị gia tăng:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng

các quy định hiện hành.

- Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của Công ty không phải chịu thuế Giá trị gia tăng theo Thông tư 129/2008/TT–BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

❖ **Các loại thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành là 20%.
- Thuế chuyển nhượng chứng khoán: Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% giá trị chuyển nhượng.

❖ **Các loại thuế khác**: Công ty kê khai và nộp theo quy định

(d) Trích lập các quỹ

Tại cuộc họp thường niên, dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông của Công ty sẽ quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, trong đó có phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ. Việc trích lập các quỹ của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản luật hiện hành.

Bảng 31. Số dư các quỹ

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026	30/09/2026
Quỹ đầu tư phát triển	13.009.522.108	14.410.097.416	16.776.082.645	16.776.082.645

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Số dư Quỹ đầu tư phát triển sẽ được tái đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc sửa chữa, thay mới hoặc cải tiến máy móc thiết bị và xây dựng, cải tạo cơ sở sản xuất kinh doanh. Hàng năm công ty đều thực hiện rà soát, sửa chữa và cải tạo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(e) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

(d) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,11	1,44
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,98	1,20
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	76,14	66,79
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	319,04	201,15
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	11,88	11,31
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng TSBQ	Vòng	1,31	1,58
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,36	1,68
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,05	9,49
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,78	2,66

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 - AFX

3 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. BCTC năm 2024 đã kiểm toán:

BCTC năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam.

Ý kiến của kiểm toán viên đưa ra tại Báo cáo này cụ thể như sau:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần

Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

3.2. BCTC năm 2025 đã kiểm toán:

BCTC năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Ý kiến của kiểm toán viên đưa ra tại Báo cáo này cụ thể như sau:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

4 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Thực hiện các giải pháp để tăng trưởng về doanh thu và kim ngạch xuất nhập khẩu. Căn cứ diễn biến thị trường để quyết định sắp xếp, bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác có lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu quả.

Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong thời gian tới như sau:

Bảng 33. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2026

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2025	Kế hoạch Năm 2026	
		Giá trị	% tăng/ giảm so với 2025
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.822.379	3.780.500	33,9
Lợi nhuận sau thuế	47.319	75.535	59,6
Vốn chủ sở hữu	521.340	596.875	14,5
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,68	2	19

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2025	Kế hoạch Năm 2026	
		Giá trị	% tăng/ giảm so với 2025
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	9,07	13,5	48,8
Cổ tức	-	Có chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 30%	

Nguồn: AFX

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty thể hiện định hướng, kỳ vọng và quyết tâm của HĐQT và Ban điều hành trong việc tăng tốc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và trọng tâm là đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi (kinh doanh lương thực, sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi). Kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua thể hiện sự đồng thuận của cổ đông Công ty với mục tiêu mà HĐQT đã đề xuất. Để đạt được kế hoạch kinh doanh nói trên, Công ty cần được nâng cao chất lượng quản trị nguồn lực hiện tại đồng thời bổ sung thêm nguồn lực mới trong đó có nguồn lực từ tài chính đến từ các cổ đông thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Kế hoạch tăng vốn điều lệ cũng đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua tại kỳ họp ngày 29/04/2026 vừa qua.

Các mục tiêu định hướng:

- Định hướng và chỉ đạo Ban điều hành trong việc tìm kiếm các nguồn lực để tăng cường mở rộng và phát triển hơn hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể: tìm kiếm nguồn vốn mới từ trái phiếu, tín dụng; tìm kiếm đối tác và khách hàng; tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Khai thác giá trị về thương hiệu và hồ sơ năng lực để gia tăng tài sản cho Công ty thông qua các hình thức: mua, nhận chuyển nhượng hoặc hợp tác nhằm gia tăng nguồn lực cho phát triển của Công ty trong thời gian tới.
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- HĐQT đặt mục tiêu duy trì tăng trưởng doanh thu ít nhất 10% doanh thu cho giai đoạn từ năm 2026 trở đi, trong trường hợp thu hút thêm được nguồn vốn của cổ đông hoặc nguồn vốn từ các tổ chức tài chính khác thì mức tăng trưởng doanh thu sẽ cao hơn. Việc tăng cường huy động vốn sẽ tạo động lực rất mạnh cho Công ty trong thời gian sắp tới do tiềm năng phát triển của Công ty còn rất lớn. Nguồn vốn

thu hút thêm sẽ được sử dụng nâng cao năng lực sản xuất hiện có trên cơ sở quy mô đất đai đang sở hữu của công ty tại tỉnh An Giang, đầu tư phát triển thị trường và thương hiệu, tăng cường áp dụng công nghệ kỹ thuật vào sản xuất. Chính vì vậy, việc niêm yết trên thị trường chứng khoán là cơ hội để Công ty có thể gia tăng việc thu hút vốn đầu tư, gia tăng giá trị cho Công ty, lợi ích của cổ đông cũng như của các nhà đầu tư hiện đang tham gia trên thị trường chứng khoán.

Kế hoạch hoạt động năm 2026:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận có mức tăng trưởng hợp lý, phù hợp đặc thù, lợi thế của Công ty với chỉ tiêu như sau:
    - Tổng doanh thu: 3.780.500 triệu đồng.
    - Lợi nhuận trước thuế TNDN: 94.419 triệu đồng.
- Định hướng và chỉ đạo Ban điều hành trong việc tìm kiếm các nguồn lực để tăng cường mở rộng và phát triển hơn hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể: tìm kiếm nguồn vốn mới từ cổ đông, trái phiếu, tín dụng; tìm kiếm đối tác và khách hàng; tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Khai thác giá trị về thương hiệu và hồ sơ năng lực để gia tăng tài sản cho Công ty thông qua các hình thức: mua, nhận chuyển nhượng hoặc hợp tác nhằm gia tăng nguồn lực cho phát triển của Công ty trong thời gian tới.
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Căn cứ hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2026 và các năm tiếp theo

Với định hướng cụ thể, rõ ràng về kế hoạch hoạt động năm 2026, Ban lãnh đạo Công ty có cơ sở để tin tưởng việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra dựa trên các yếu tố sau đây:

- Tình hình thị trường trong nước có nhiều thuận lợi cho việc tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm của công ty. Cụ thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/08/2025, trong đó giao mục tiêu cho các ngành, lĩnh mục, địa phương phải có các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước đạt 8,3-8,5% trong năm 2025 và tạo nền tảng cho tăng trưởng từ 10% trở lên cho năm 2026 và giai đoạn tiếp theo; Nghị quyết 68/NQ-TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân ngày 04/05/2026, HĐQT công ty xác định đây là cơ hội, thời cơ để đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Cơ hội này được góp sức từ các thành tố vĩ mô như: mở rộng tăng trưởng tín dụng, thúc đẩy tiêu dùng và xuất khẩu hàng hóa, đẩy mạnh đầu tư công, các thành tố này đều là bàn đạp và động lực trực tiếp góp phần tăng trưởng

mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty. Với các động lực kinh tế vĩ mô được tiếp sức HĐQT Công ty tin tưởng mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đã đặt ra trong năm 2026 là khả thi.

- Duy trì được hệ thống khách hàng hiện tại, duy trì thị trường hiện tại và tiếp tục đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động Marketing để phát triển thêm khách hàng và thị trường mới.
- Có kế hoạch và phương án trong việc ổn định giá cả nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chi phí sản xuất, tối ưu hóa chi phí vận hành và bán hàng
- Luôn tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới, phù hợp với ngành nghề kinh doanh, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo an toàn và gia tăng lợi ích của cổ đông.

Bảng 34. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2026

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	KH Năm 2026	Kết quả thực thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	% thực hiện/kế hoạch	Kết quả thực thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	% thực hiện/kế hoạch
Tổng doanh thu	3.780.500	1.588.916	42,0%	2.306.928	61,0%
Lợi nhuận trước thuế	94.419	33.344	35,3%	46.584	49,3%
Cổ tức (dự kiến)	-	-	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026, BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 và BCTC Quý 3/2026 – CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Kết quả thực hiện của 9 tháng đầu năm 2026 đạt 61% kế hoạch Tổng doanh thu và 49% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế mặc dù do ảnh hưởng của các kỳ nghỉ lễ dài dịp đầu năm và tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động trong đầu năm, đặc biệt phát sinh căng thẳng và xung đột giữa Mỹ, Israel và Iran đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo nhưng với quyết tâm đạt kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban lãnh đạo công ty luôn bám sát tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình thị trường để đôn đốc, chỉ đạo và đưa ra các quyết định nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong công ty.

Từ tháng 1/2026 hoạt động xuất khẩu gạo của Công ty đã tăng trưởng mạnh, tổng giá trị xuất khẩu ước tính đến tháng 6/2026 là 10 triệu USD tương đương 300 tỷ đồng, các mảng kinh doanh khác cũng đã tăng tốc ngay từ đầu năm. Theo nhận định từ

HĐQT và Ban Tổng giám đốc, kế hoạch 3.800 tỷ đồng doanh thu và 94,4 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 giao là hoàn toàn khả thi.

Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2026 đạt 2.261 tỷ đồng, tăng 55,58% (+499,7 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2025 là do Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, đặc biệt là xuất khẩu các mặt hàng truyền thống của Công ty. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ 9 tháng đầu năm 2026 đặt 46,9 tỷ đồng tăng 113,85% (gấp 2,1 lần) cùng kỳ năm trước do có sự góp phần hiệu quả thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi và hoạt động đầu tư, dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 84,05% (+16,9 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2026 của AFX được trình bày tại Báo cáo của Ban Lãnh Đạo AFX đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCD số 44/2026/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29/04/2026

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty chứng khoán Capital đã tiến hành thu thập, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá về kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang như sau:

- Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng (như thiên tai, dịch bệnh) tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.
- Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư.

Đánh giá của Tổ chức kiểm toán độc lập về về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty: Không có.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần của mình trong 3 năm kể từ ngày thành lập. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600194461 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 01/04/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2026. Theo đó, đến nay cổ phiếu của các cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 35. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Số CMTND /HC/GCNĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	ĐẶNG QUANG THÁI	001082000041	Phòng 909 toà D chung cư Mulberry Lane, phường Đại Mỗ, Hà Nội	8.555.230	24,44%
2.	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LỘC THUẬN	0109231358	SỐ 21C, NGÁCH 15, NGÕ 134 PHỐ LÊ TRỌNG TẤN, PHƯỜNG KHƯƠNG MAI, QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM	2.147.000	6,13%
3.	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết An Giang	1600190393	64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, LX-AG	3.018.750	8,63%
4.	Nguyễn Thị Hường	001184007807	Nhà số 7, LK 14B, KĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	2.002.300	5,72%
Tổng cộng				**15.723.280**	**44,92%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của AFX do VSDC chốt tại ngày 30/06/2026

2.1. Thông tin chung về cổ đông lớn

a. Cổ đông lớn là cá nhân

Tại thời điểm 30/06/2026, Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty như sau:

Bảng 36. Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty

TT	Tên Cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND/CCCD/ Passport	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Quang Thái	1982	Việt Nam	001082000041	8.555.230	24,44%

TT	Tên Cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND/CCCD/ Passport	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
2	Nguyễn Thị Hường	1984	Việt Nam	001184007807	2.002.300	5,72%
Tổng cộng					**10.557.530**	**30,16%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của AFX do VSDC chốt tại ngày 30/06/2026

b. Cổ đông lớn là tổ chức

Tại thời điểm 30/06/2026, Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của Công ty như sau:

Bảng 37. Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của Công ty

TT	Tên Cổ đông	Số GCNĐKNDN	Địa chỉ Trụ sở chính	Người đại diện vốn tại TCPH theo ủy quyền	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần đầu tư Lộc Thuận	0109231358	Số 21C, ngách 15 ngõ 134 Phố Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam	Không có	2.147.000	6,13%
2	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết An Giang	1600190393	64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, LX-AG	Không có	3.018.750	8,63%
Tổng cộng					**5.165.750**	**14,76%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của AFX do VSDC chốt tại ngày 30/06/2026

2.2. Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan:

Theo Báo cáo quản trị của Công ty đến thời điểm 20/07/2026, những người có liên quan với cổ đông lớn không sở hữu cổ phần của Công ty, do đó, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn dự kiến sẽ không thay đổi trước và sau đợt chào bán (trong trường hợp các cổ đông lớn thực hiện việc mua toàn bộ cổ phần được quyền mua), số lượng cổ phần sẽ tăng tương ứng với tỷ lệ chào bán.

2.3. Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ: Không có

2.4. Lợi ích liên quan với Tổ chức phát hành

Tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch, cổ đông lớn là cá nhân hiện là Chủ tịch hội đồng quản trị (Ông Đặng Quang Thái) và Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng (Bà Nguyễn Thị Hường) của Công ty.

Cổ đông lớn là tổ chức không có lợi ích liên quan với tổ chức phát hành.

Công ty không có giao dịch hoặc nghĩa vụ tài chính đặc biệt nào với cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người có liên quan của các đối tượng này ngoài các giao dịch phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường hoặc việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông, người quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.5. Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 05 thành viên. Các thành viên hội đồng quản trị bao gồm:

Bảng 38. Danh sách thành viên HĐQT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Đặng Quang Thái	Chủ tịch	Thành viên HĐQT
2.	Bùi Trọng Dân	Thành viên kiêm Tổng Giám Đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3.	Phùng Trọng Kiên	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám Đốc	Thành viên HĐQT điều hành
4.	Nguyễn Thu Hà	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
5.	Vũ Đình Hưng	Thành viên	Thành viên HĐQT độc lập

Ông ĐẶNG QUANG THÁI – CHỦ TỊCH HĐQT

- Họ và tên: ĐẶNG QUANG THÁI
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/05/1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 909, tòa D Chung cư Mullberry Lane, Phường Đại Mỗ, Hà Nội
- CCCD số: 001082000041; Ngày cấp: 29/04/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH;
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2015 – 06/2018	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp
10/2017 – 08/2019	Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh	Tổng Giám đốc
12/2019 – 04/2022	Công ty cổ phần Điện tử Ảnh màu - Nha Trang	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
04/02/2021 – nay	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:

- ✔ Sở hữu cá nhân: 8.555.230 cổ phần, tương đương 24,44% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- ✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- ✔ Sở hữu của người có liên quan: Không có

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và lương quản lý chuyên trách theo Quy chế lương của Doanh nghiệp
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	540.000.000	120.000.000	29.500.000	689.500.000
2025	540.000.000	120.000.000	3.500.000	663.500.000

Ông BÙI TRỌNG DÂN – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: BÙI TRỌNG DÂN
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/04/1975.
- Nơi sinh: Phú Thọ
- CCCD số : 025075000086; Ngày cấp: 25/10/2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 23 Ngách 183/37 Đặng Tiến Đông, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 – 2000	Eximbank	Chuyên viên ngân hàng
2001 – 2011	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng Việt Úc	Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Quản lý sản xuất
10/2013 – 10/2015	ROX Group	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
10/2015 – 06/2017	VinGroup	Phó Phòng Tài chính Công ty VinCommerce, Phó Giám đốc Khối Bán lẻ và Logistics – Ban Tài chính
08/2018 – 6/2020	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp 1 Hải Phòng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
06/2019 – 8/2022	Công ty Cổ phần Điện cơ Thống nhất	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
07/2025 – 04/2026	Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	Phó Tổng Giám đốc
04/2026 – nay	Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	Thành viên HĐQT
05/2026 – nay	Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:

✔ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0 % số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

✔ Sở hữu của người có liên quan: Không có

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán phiếu: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và lương quản lý chuyên trách theo Quy chế lương của Doanh nghiệp
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	0	0	0
2025	192.000.000	0	500.000	192.500.000

Ông PHÙNG TRỌNG KIÊN – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: PHÙNG TRỌNG KIÊN
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/04/1972.
- Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
- CCCD số : 001072022896; Ngày cấp: 21/12/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 222 Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1997 – 01/1999	Công ty Giám định Sài Gòn	Giám định viên
01/1999 – 01/2006	Công ty Giám định Intertek	Phụ trách vùng ĐBSCL
01/2006 – 01/2017	Công ty Giám định IITS	Phụ trách vùng ĐBSCL
01/2017 – 01/2020	Công ty Giám định Cửu Long Rice	Giám đốc điều hành
01/2020 – 12/2022	Công ty Chế biến XK gạo Rồng Việt	Giám đốc điều hành
10/2024 – 12/2024	Chi nhánh AFIEX – Xuất khẩu lương thực	Quyền Giám đốc
12/2024 – 12/2025	Chi nhánh AFIEX – Xuất khẩu lương thực	Giám đốc
10/12/2025 – nay	Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	Phó Tổng Giám đốc
04/2026 – nay	Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - ✔ Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần, tương đương 0,0003% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán phiếu: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và lương quản lý chuyên trách theo Quy chế lương của Doanh nghiệp
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	0	0	0
2025	31.083.000	0	0	31.083.000

Bà NGUYỄN THU HÀ – THÀNH VIÊN HĐQT

- Họ và tên: NGUYỄN THU HÀ
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/08/1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số nhà B16, Khu Sông Đà 2, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
- CCCD số: 001182048942; Ngày cấp: 05/09/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

  ✔Công ty CP TM Aims Futures Việt Nam - Tổng Giám đốc

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2005 - 03/2016	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Trưởng phòng Giao dịch Quang Trung
04/2016 - 04/2022	Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông (trước đây là Công ty cổ phần Xây dựng số 3)	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Hành chính Nhân sự
01/11/2022 - nay	Công ty CP Thương mại Aims Futures Việt Nam	Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
27/04/2021 - nay	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - ✔ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và lương quản lý chuyên trách theo Quy chế lương của Doanh nghiệp
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	60.000.000	0	60.000.000
2025	264.600.000	60.000.000	2.000.000	326.600.000

Ông VŨ ĐÌNH HƯNG – THÀNH VIÊN HĐQT

- Họ và tên: VŨ ĐÌNH HƯNG
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/11/1979.
- Nơi sinh: Hà Nội
- CCCD số : 008079003333; Ngày cấp: 27/09/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Số 3 nhà K, 190 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ Công ty Cổ phần An Bình Group - Phó Chủ tịch HĐQT
  - ✓ Công ty CP Tập đoàn PSD Group - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2002-12/2003	Công ty CP Phát triển Nhà và Đô thị	Nhân viên kế toán
01/2004-07/2006	Cổ phần Tư vấn Thiết kế giao thông vận tải phía Nam	Nhân viên phòng Quản lý Kinh doanh
07/2006–09/2008	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	Chuyên viên môi giới
10/2008–12/2009	Công ty cổ phần Chứng khoán Đông Dương	Trưởng phòng môi giới và Giám đốc môi giới
12/2009–07/2010	Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông	Giám đốc môi giới
07/2010–12/2011	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Giám đốc môi giới
01/2012–08/2013	Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh	Giám đốc môi giới
09/2014–09/2017	Công ty cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh	Chủ tịch HĐQT
03/2018–01/2019	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Thành viên HĐQT
01/2019–07/2020	Công ty CP Thai Holdings	Thành viên HĐQT
07/2020–05/2021	Công ty Cổ phần Thai Holdings	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
11/2021–11/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	Chủ tịch HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2023- nay	Công ty Cổ phần An Bình Group	Phó Chủ tịch HĐQT
09/2025- nay	Công ty CP Tập đoàn PSD Group	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
04/2026 - nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Thành viên độc lập HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - ✔Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán phiếu: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	0	0	0
2025	0	0	0	0

3.2. Ban kiểm soát

Bảng 39. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng ban
2.	Đinh Sao Khuê	Thành viên
3.	Đàm Thị Thu Hà	Thành viên

Bà NGUYỄN THỊ THÙY TRANG – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY TRANG
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 05/09/1997
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Xóm Nam Xuân, Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An.
- CCCD số: 040197017561; Ngày cấp: 24/11/2025; Nơi cấp: Bộ Công an.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ Công ty CP Halcom Việt Nam - chuyên viên Tài chính M&A.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2019 - 2020	Công ty CP Tập đoàn Tân Long	Chuyên viên Tài chính
2020 - 2025	Công ty CP Tập đoàn Hoàng Minh	Chuyên viên Tài chính
2025 - nay	Công ty CP Halcom Việt Nam	Chuyên viên Tài chính M&A
04/2026 - nay	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Trưởng Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - ✔ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	24.000.000	0	24.000.000
2025	0	36.000.000	0	36.000.000

Ông ĐINH SAO KHUÊ – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên: ĐINH SAO KHUÊ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/05/2003
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Xã An Nghĩa, tỉnh Phú Thọ.
- CCCD số: 017203002580; Ngày cấp: 01/05/2021; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2025-nay	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang	Nhân viên kho
04/2026 - nay	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:

✔ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

✔ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và lương theo Quy chế lương của Doanh nghiệp.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	0	0	0
2025	1.200.000	0	0	1.200.000

Bà ĐÀM THỊ THU HÀ – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên: ĐÀM THỊ THU HÀ
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/08/1998
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Đội 1 Tả Thanh Oai, xã Đại Thanh, TP Hà Nội.
- CCCD số: 001198021353; Ngày cấp: 07/08/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

  ✓ Điện lực Thường Tín – Chuyên viên.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2022 - 07/2025	Điện lực Thanh Oai	Cán sự
07/2025- nay	Điện lực Thường Tín	Chuyên viên
04/2026 - nay	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - ✔ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	0	0	0
2025	0	0	0	0

3.3. Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 40. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bùi Trọng Dân	Tổng Giám đốc
2.	Phùng Trọng Kiên	Phó Tổng Giám đốc
3.	Trần Mạnh Trọng	Phó Tổng Giám đốc
4.	Trịnh Đình Cường	Phó Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
5.	Nguyễn Thị Hường	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ông BÙI TRỌNG DÂN – TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã trình bày ở phần Các thành viên Hội đồng quản trị)

Ông PHÙNG TRỌNG KIÊN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã trình bày ở phần Các thành viên Hội đồng quản trị)

Ông TRẦN MẠNH TRỌNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: TRẦN MẠNH TRỌNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/11/1978
- Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 78 Lê Trung Nghĩa, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh.
- CCCD số: 022078001944; ngày cấp: 12/08/2022; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh Tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

  + Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghiệp Weldcom.

  + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp SLB.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2017	Công ty CP ACC – Phát triển Công nghệ (Quân chủng phòng không không quân)	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
2016 - 2019	Công ty CP KT-CN Viglotech	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2018 - 2021	Công ty CP Hàng không 647	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
2023 - nay	Công ty CP Công nghiệp	Phó Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Weldcom	
2011 - nay	Công ty CP Công nghiệp SLB	Chủ tịch Hội đồng quản trị
04/2026 - nay	Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - ✔ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng lương quản lý chuyên trách theo Quy chế lương của Doanh nghiệp.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	0	0	0
2025	0	0	0	0

Ông TRỊNH ĐÌNH CƯỜNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: TRỊNH ĐÌNH CƯỜNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/01/1986
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: SN 84, Ngõ 136 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.
- CCCD số: 0380086011515; ngày cấp: 12/06/2018; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

  + Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mua bán Sáp nhập Doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 - 2018	Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Giám Đốc Khách Hàng Cá Nhân; Thành Viên Ban Kiểm soát tuân thủ và tín dụng Vùng; Trưởng nhóm Khách hàng cá nhân; Chuyên viên Khách hàng cá nhân
2018 - 2021	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	Giám Đốc Phòng Giao Dịch
2021 - 2022	Tập đoàn Sunshine	Giám Đốc Khu Vực kinh doanh
2022 - 2023	Ngân hàng số Umee by KienLongbank	Giám Đốc Tài chính; Phó Giám đốc Trung tâm phê duyệt tín dụng
12/2024 - Nay	Công ty cổ phần mua bán sáp nhập doanh nghiệp	Phó Tổng Giám đốc
10/2026 - Nay	Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:

  ✔ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

✔ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng lương quản lý chuyên trách theo Quy chế lương của Doanh nghiệp.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	0	0	0
2025	0	0	0	0

Bà NGUYỄN THỊ HƯỜNG – GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIÊM KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯỜNG
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/03/1984
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thửa đất số 55, TBĐ 7, Cầu Đơ 2, Hà Đông, Hà Nội.
- CCCD số: 001184007807; Ngày cấp: 17/06/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH;
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký chào bán: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2011	Công ty TNHH Hiệp Khánh	Kế toán viên
2012 - 04/2015	Công ty CP Chè Hiệp Khánh	Kế toán trưởng
04/2015 - 03/2016	Công ty CP Chè Hiệp Khánh	Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc
04/2016 – 11/2024	Công ty CP Đầu tư EGO Việt Nam	Kế toán trưởng
11/2024 – 03/2025	Công ty CP Đầu tư QP Xanh	Kế toán trưởng
06/2025 – nay	Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Giám đốc tài chính
07/2025 – nay	Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - ✔ Sở hữu cá nhân: 2.002.300 cổ phần, tương đương 5,72% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✔ Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán phiếu: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Hưởng lương quản lý chuyên trách theo Quy chế lương của Doanh nghiệp
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Lương, thưởng và thù lao được nhận trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tiền lương	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng cộng
2024	0	0	0	0
2025	170.000.000	0	800.000	170.800.000

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Mã chứng khoán

AFX

4. Tổng số chứng khoán chào bán:

35.000.000 cổ phiếu (*Ba mươi lăm triệu cổ phiếu*).

5. Giá chào bán dự kiến:

10.000 đồng / cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá:

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) căn cứ theo Giá trị sổ sách tại Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty được xác định bởi công thức sau:

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Bảng 41. Giá trị sổ sách của cổ phiếu AFX các thời điểm

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Vốn chủ sở hữu	Đồng	475.924.934.314	521.340.063.579	545.096.547.130
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành	Cổ phiếu	35.000.000	35.000.000	35.000.000
3	Giá trị sổ sách	Đồng/cổ phiếu	13.598	14.895	15.574

Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 – CTCP XNK Nông sản thực phẩm An Giang

6.2. Phương pháp so sánh

a) Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

P = EPS * P/E bình quân

Trong đó:

- P: là giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu, tính theo năm gần nhất
- P/E bình quân: là P/E bình quân của các doanh nghiệp trong ngành được tham chiếu từ các công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

b) Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

P = BVS * P/B bình quân

Trong đó:

- P: là giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, theo báo cáo tài chính gần nhất được lập
- P/B bình quân: là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Cụ thể, giá của cổ phiếu AFX được xác định theo Phương pháp so sánh như sau:

Công ty	Mã CK	P/E	P/B
Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi (Upcom)	APF	7,8	1,1
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (HSX)	LAF	7,2	1,1
Công ty Cổ phần Nafoods Group (HSX)	NAF	16,3	3,0
Bình quân ngành		**10,4**	**1,7**

EPS của AFX năm 2025	1.352	*đồng/cp*
BV của AFX tại 30/06/2026	15.574	*đồng/cp*
Giá cổ phiếu AFX theo phương pháp P/E	14.110	*đồng/cp*
Giá cổ phiếu AFX theo phương pháp P/B	26.476	*đồng/cp*

Nguồn: hnx.vn; hsx.vn và BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC giữa niên độ đã

được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 – CTCP XNK Nông sản thực phẩm An Giang.

6.3. Phương pháp giá đóng cửa bình quân

Phương pháp bình quân giá thị trường được tính toán dựa trên dữ liệu giao dịch của cổ phiếu AFX. Theo đó giá cổ phiếu AFX được xác định bằng bình quân giá đóng cửa của ít nhất 20 phiên giao dịch gần nhất trên HOSE tính đến thời điểm 26/08/2026 là:

STT	Phiên giao dịch	Giá đóng cửa (đồng/cp)	STT	Phiên giao dịch	Giá đóng cửa (đồng/cp)
1	30/07/2026	10.100	11	13/08/2026	10.200
2	31/07/2026	10.300	12	14/08/2026	10.100
3	03/08/2026	10.750	13	17/08/2026	10.200
4	04/08/2026	10.800	14	18/08/2026	10.100
5	05/08/2026	10.650	15	19/08/2026	10.000
6	06/08/2026	10.500	16	20/08/2026	10.050
7	07/08/2026	10.500	17	21/08/2026	10.050
8	10/08/2026	10.500	18	24/08/2026	10.150
9	11/08/2026	10.300	19	25/08/2026	10.150
10	12/08/2026	10.250	20	26/08/2026	10.150
Bình quân (đồng/cp)			10.290		

Nguồn: hnx.vn

Căn cứ các phương pháp xác định giá nêu trên và một số phương pháp phù hợp khác Hội đồng quản trị Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang thực hiện triển khai theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua về mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu là 10.000 đồng/cp.

7. Phương thức phân phối

7.1. Phương thức phân phối

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

7.2. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 01 quyền được mua thêm 01 cổ phiếu mới.

7.3. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ

Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

7.4. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua

ĐHĐCĐ Chấp thuận, uỷ quyền/giao cho HĐQT toàn quyền quyết định phân phối toàn bộ số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cho các nhà đầu tư/cổ đông khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Số cổ phiếu không chào bán hết nếu thực hiện phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được huỷ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

7.5. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu

Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho một hoặc nhiều cá nhân/tổ chức khác. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng quyền cho Bên thứ ba. Các Cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu:

Công ty không giới hạn số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu.

8.2. Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

8.3. Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu

Không áp dụng.

8.4. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:

Các cổ đông đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch chứng khoán.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2026 sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy ban chứng khoán nhà nước, bao gồm các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN	T
2	Xác định ngày chốt Danh sách cổ đông và gửi thông báo chốt danh sách cổ đông cho VSDC và HSX để thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	T + 1 đến T + 3
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp	T đến T + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 12
5	Ngày đăng ký cuối cùng	T + 13
6	VSDC gửi danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng	T + 15
7	Phối hợp cùng VSDC phân bổ quyền mua cổ phiếu và thông báo quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	T + 19 đến T + 26
8	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	T + 20 đến T + 40
9	+ Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu; + Lập báo cáo trình Hội đồng quản trị để HĐQT quyết định phương thức xử lý phần lẻ cổ phiếu, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu và/ hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không đăng ký mua, không nộp tiền hết (nếu có)	T + 41 đến T + 45
10	Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)	T + 41 đến T + 49
11	+ Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán kèm theo văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán + Công bố thông tin về kết quả chào bán	T + 50

STT	Nội dung công việc	Thời gian
12	+ Làm thủ tục thay đổi Giấy CN ĐKKD, thay đổi Điều lệ + Nộp hồ sơ đăng ký cổ phiếu bổ sung tại VSDC và đăng ký chào bán cổ phiếu bổ sung tại HSX, giải trình hồ sơ theo yêu cầu	T + 50 đến T + 63
13	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung cổ phiếu do VSDC cấp và Quyết định của HSX về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu bổ sung	T + 64
14	Đăng ký ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu đăng ký chào bán bổ sung	T + 65
15	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký	T + 51 đến T + 69
16	Cổ phiếu chào bán thêm chính thức giao dịch	T + 70

Lịch trình nêu trên chỉ là dự kiến, thời gian thực hiện thực tế sẽ được Công ty công bố thông tin theo quy định.

10. Hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ theo phương thức thực hiện quyền không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu mà cổ đông và/hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối cho nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty như sau:

- **Chủ tài khoản:** Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang
- **Số tài khoản phong tỏa:** 69359688
- **Tại Ngân hàng:** Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Đền Lừ
- **Loại tiền tài khoản:** VND

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của AFX

Không áp dụng.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang được tuân thủ theo quy định tại Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang không quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư người nước ngoài.

Với danh mục ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Công ty đã thực hiện tra soát theo quy định của Luật đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội 14 thông qua ngày 17/06/2020 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư của Chính phủ; Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Công ty có ngành nghề kinh doanh thuộc nhóm ngành có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Sau khi tra soát Danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và áp dụng quy định tại Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 0%.

Ngày 07/07/2021, UBCKNN đã có Công văn số 3424/UBCK-PTTT phản hồi về thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được thông báo là 0% và yêu cầu VSDC cập nhật, điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty. Tính từ thời điểm đó đến nay tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty được cố định và không phát sinh tăng.

Tính đến ngày 30/06/2026, cổ đông nước ngoài sở hữu 600 cổ phiếu tương đương tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài tại AFX là 0,002%. Việc phát sinh cổ đông nước ngoài diễn ra trước thời điểm Công ty thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa nói trên, hiện tại Công ty cũng không liên hệ được với cổ đông để thực hiện mua lại nhằm giảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống 0% theo quy định. Trong đợt chào bán này, cổ phiếu sẽ được chào bán cho các nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu, do đó, nếu các cổ đông đều thực hiện quyền thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại AFX sẽ không thay đổi, đồng nghĩa với việc AFX vẫn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại AFX như quy định của pháp luật;

Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu: Tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, Công ty sẽ xác định được tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và căn cứ theo tỷ lệ đó, Công ty sẽ phối hợp với VSDC kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu cho nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau

chuyển nhượng quyền không vượt quá tỷ lệ 0%. Trường hợp xử lý số cổ phiếu chào bán không được cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua đăng ký mua, nộp tiền mua, HĐQT sẽ quyết định việc bán số cổ phiếu này cho các đối tượng khác là nhà đầu tư trong nước để đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại AFX theo đúng tỷ lệ đã thông báo và công bố thông tin.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5 Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần đối với cá nhân cư trú.*
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế Thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức

- Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

14.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2025, thu nhập chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 7, Điều 4 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang cam kết:

- Đợt chào bán tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty;
- Thực hiện đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ cổ phiếu được chào bán thành công tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Không thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình trong quá trình chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Công ty dự kiến thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 30% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 44/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2026. Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến sẽ thực hiện đồng thời với ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến được sử dụng để: ***(i)*** trả nợ vay Ngân hàng của Công ty nhằm giảm áp lực tài chính, tối ưu hóa lãi suất và tối ưu hóa thời gian trả nợ; ***(ii)*** bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng năng lực sản xuất và tăng trưởng thị phần của Công ty.

- ***Với mục đích trả nợ vay Ngân hàng***: Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để thanh toán gốc và lãi vay của các Ngân hàng còn dư nợ trên Báo cáo tài chính tại thời điểm hoàn thành đợt chào bán, bao gồm nhưng không giới hạn các Ngân hàng sau:

STT	DANH SÁCH CÁC NGÂN HÀNG
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Bình Dương
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh An Giang
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)* – Chi nhánh Thăng Long
4	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SEABANK) – Chi nhánh An Giang
5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh An Giang

- ***Với mục đích Bổ sung vốn lưu động***: Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026 được HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên 2026, Doanh thu thuần của Công ty năm 2026 dự kiến là 3.780 tỷ đồng tăng 967 tỷ đồng so với năm 2025. Theo tính toán của Công ty với mức tăng doanh thu nói trên nhu cầu vốn lưu động của Công ty trong năm 2026 sẽ cần tăng thêm khoảng 160 tỷ đồng. Chính vì vậy, trong năm 2026 nhu cầu tăng vốn điều lệ của Công ty là cấp thiết để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng được đề ra. Do đó, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2026.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán (theo mệnh giá) dự kiến là **350.000.000.000 đồng** *(Ba trăm năm mươi tỷ đồng)* sẽ được sử dụng như sau:

Bảng 42. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Đơn vị: Đồng

* Ngân hàng này hiện nay đã đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc.

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng dự kiến	Thời gian sử dụng dự kiến
1	**Bổ sung vốn lưu động**	**140.000.000.000**	Quý IV 2026 hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
1.1	Công ty TNHH Đầu tư thương mại dịch vụ Hoa Sen Tây Đô	30.000.000.000	
1.2	Công ty TNHH Nông sản Anh Sơn	30.000.000.000	
1.3	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Miền Tây	40.000.000.000	
1.4	Công ty TNHH XNK Đầu tư và phát triển Trường Thịnh	20.000.000.000	
1.5	Công ty cổ phần thương mại và sản xuất lương thực thực phẩm DOTHACO	20.000.000.000	
2	**Trả nợ vay Ngân hàng**	**210.000.000.000**	
2.1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Bình Dương	69.270.850.000	
2.2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh An Giang	80.054.733.333	
2.3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)* – Chi nhánh Thăng Long	30.000.000.000	

* Ngân hàng này hiện nay đã đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc.

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng dự kiến	Thời gian sử dụng dự kiến
2.4	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SEABANK) – Chi nhánh An Giang	25.000.000.000	
2.5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh An Giang	5.674.416.667	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến thì thứ tự mục đích ưu tiên, số tiền và nguồn tài trợ khác cần có như sau:

+ Thứ tự mục đích ưu tiên: Số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán sẽ được ưu tiên giải ngân để thanh toán cho nhà cung cấp/đối tác theo thứ tự ưu tiên sắp xếp tại bảng trên. Sau khi thanh toán cho nhà cung cấp/đối tác mà vẫn còn dư từ số tiền thu được từ đợt chào bán, Công ty tiến hành thanh toán các khoản vay đến hạn phải trả của các Ngân hàng nêu trên theo nguyên tắc: khoản vay đến hạn trước sẽ được thanh toán trước, không phân biệt khoản vay của Ngân hàng nào, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

+ Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết: để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các giải pháp như sau:

  (i) Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

  (ii) Tiến hành thu hồi khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng hoặc tìm kiếm thêm nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính khác với chi phí hợp lý để tài trợ.

2. Thông tin chi tiết về phương án sử dụng vốn thực hiện dự kiến

2.1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn lưu động:

Dự kiến 40% số tiền thu được từ đợt chào bán, tương ứng 140.000.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi tỷ đồng)* được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty theo bảng Nhu cầu vốn lưu động năm 2026. Vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty được dùng để trả cho nhà cung cấp/đối tác thu mua

gạo cho hoạt động xuất khẩu gạo của Công ty tại bảng Chi tiết dự kiến thanh toán cho đối tác/nhà cung cấp.

Bảng 43. Nhu cầu vốn lưu động năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tăng (giảm) Kế hoạch năm 2026 với Thực hiện năm 2025
1	Doanh thu thuần	2.813.622	3.781.395	967.773
2	Tài sản ngắn hạn	1.504.410	1.690.732	186.322
3	Nợ ngắn hạn	1.047.676	1.213.448	165.772
4	Nhu cầu vốn lưu động	309.009	467.009	158.001
5	Vòng quay vốn lưu động	9,1	8,1	-
Huy động từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu				**140.000**
Huy động từ nguồn vốn khác				**18.001**

Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang

Căn cứ ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán cho các nhà cung cấp và đối tác tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT.2026 ngày 08/06/2026, cụ thể như sau:

Bảng 44. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp và đối tác

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhà cung cấp/Đối tác	Số hợp đồng	Tổng giá trị phải thanh toán dự kiến	Số tiền thanh toán từ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán	Thời gian thanh toán dự kiến	Mối quan hệ với tổ chức phát hành và người có liên quan của tổ chức phát hàng	Mục đích thanh toán
1	Công ty TNHH Đầu tư thương mại dịch vụ Hoa Sen Tây Đô	2007-2026/HĐMB/HSTĐ-AFX ngày 20/07/2026	10.047.100.000	30.000.000.000	Từ Quý IV/2026 hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán	Không có	Thanh toán tiền mua gạo
		0308/2026/HĐNT/ HSTĐ –AFX ngày 03/08/2026	36.000.000.000				
2	Công ty TNHH Nông sản Anh Sơn	2407-2026/HĐMB/ANHSON-AFX ngày 24/07/2026	10.239.330.000	30.000.000.000	Từ Quý IV/2026	Không có	Thanh toán tiền

STT	Nhà cung cấp/Đối tác	Số hợp đồng	Tổng giá trị phải thanh toán dự kiến	Số tiền thanh toán từ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán	Thời gian thanh toán dự kiến	Mối quan hệ với tổ chức phát hành và người có liên quan của tổ chức phát hàng	Mục đích thanh toán
		1507/2026/HĐNT/ ANHSON-AFX ngày 15/07/2026	27.500.000.000		hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán		mua gạo
3	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Miền Tây	2207-2026/HĐMB/CNMT-AFX ngày 22/07/2026	10.099.000.000	40.000.000.000	Từ Quý IV/2026 hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán	Không có	Thanh toán tiền mua gạo
		0508/2026/HĐNT/ CNMT –AFX ngày 05/08/2026	38.000.000.000				

STT	Nhà cung cấp/Đối tác	Số hợp đồng	Tổng giá trị phải thanh toán dự kiến	Số tiền thanh toán từ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán	Thời gian thanh toán dự kiến	Mối quan hệ với tổ chức phát hành và người có liên quan của tổ chức phát hàng	Mục đích thanh toán
4	Công ty TNHH XNK Đầu tư và phát triển Trường Thịnh	0107/2026/HĐNT/TT-AFX ngày 01/07/2026	22.000.000.000	20.000.000.000	Từ Quý IV/2026 hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán	Không có	
5	Công ty cổ phần thương mại và sản	2007-2026/HĐMB/DOTHACO-AFX ngày 20/07/2026	9.657.000.000	20.000.000.000	Từ Quý IV/2026	Không có	Thanh toán tiền

STT	Nhà cung cấp/Đối tác	Số hợp đồng	Tổng giá trị phải thanh toán dự kiến	Số tiền thanh toán từ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán	Thời gian thanh toán dự kiến	Mối quan hệ với tổ chức phát hành và người có liên quan của tổ chức phát hàng	Mục đích thanh toán
	xuất lương thực thực phẩm DOTHACO	0607/2026/HĐNT/DOTHACO-AFX ngày 06/07/2026	18.000.000.000		hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán		mua gạo
Tổng cộng			**181.542.430.000**	**140.000.000.000**			

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

2.2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để trả nợ vay Ngân hàng:

Dự kiến 60% số tiền thu được từ đợt chào bán, tương ứng 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười tỷ đồng)* được sử dụng là để trả gốc và lãi vay cho các ngân hàng thương mại mà Công ty đang có dư nợ vay. Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2026 số 44/2026/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29/04/2026 thông qua Tờ trình phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ có danh sách các Ngân hàng và số tiền dự kiến sẽ được dùng để trả nợ từ số tiền thu được chào bán. Đồng thời ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, tùy thuộc vào số tiền thu được thực tế từ đợt chào bán và giá trị dư nợ gốc và lãi vay cần trả, sẽ quyết định số tiền trả nợ gốc và lãi thực tế cho từng ngân hàng.

Trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ, ngày 08/06/2026 và ngày 07/08/2026 HĐQT Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang đã quyết định chi tiết việc sử dụng số tiền từ đợt chào bán để trả dư nợ vay các ngân hàng thương mại tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT.2026 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT.2026. Theo đó, kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho mục đích trả nợ vay Ngân hàng được cụ thể như sau:

Bảng 45. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho mục đích trả nợ vay Ngân hàng

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên ngân hàng vay	Số Hợp đồng tín dụng	Hạn mức được duyệt	Tổng số tiền vay (tại ngày 30/06/2026)	Số trả nợ từ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán (dự kiến)	Thời gian dự kiến trả nợ	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Bình Dương	5500-LAV-2025 ngày 15/12/2025	130.000.000.000	128.870.000.000	69.270.850.000	Trước 31/12/2026 hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán	7.5%	12 tháng	Thanh toán chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, các sản phẩm chăn nuôi, nguyên liệu thực ăn chăn nuôi (tấm, phụ phẩm...), kinh doanh lúa, gạo, dịch vụ cho thuê cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm kỳ kế hoạch 2025-2026
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh An Giang	01/2025/548403/HĐTD ngày 09/09/2025	150.000.000.000	161.866.120.750	80.054.733.333	Trước 31/12/2026 hoặc ngay sau khi hoàn	8.1%	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh

TT	Tên ngân hàng vay	Số Hợp đồng tín dụng	Hạn mức được duyệt	Tổng số tiền vay (tại ngày 30/06/2026)	Số trả nợ từ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán (dự kiến)	Thời gian dự kiến trả nợ	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay
						thành đợt chào bán			
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)* – Chi nhánh Thăng Long	202528048017 ngày 25/06/2025	150.000.000.000	145.477.977.969	30.000.000.000	Trước 31/12/2026 hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán	10.8%	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động
4	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SEABANK) – Chi nhánh An Giang	REF2603616600/HĐCHMTD ngày 11/02/2026	250.000.000.000	123.573.440.400	25.000.000.000	Trước 31/12/2026 hoặc ngay sau khi	8.2%	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh

* Ngân hàng này hiện nay đã đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc.

TT	Tên ngân hàng vay	Số Hợp đồng tín dụng	Hạn mức được duyệt	Tổng số tiền vay (tại ngày 30/06/2026)	Số trả nợ từ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán (dự kiến)	Thời gian dự kiến trả nợ	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay
						hoàn thành đợt chào bán			
5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh An Giang	0012/2026/HDHM-PN/SHB.130700 ngày 11/02/2026	140.000.000.000	14.900.000.000	5.674.416.667	Trước 31/12/2026 hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán	8.8%	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động
Tổng cộng			**820.000.000.000**	**574.687.539.119**	**210.000.000.000**				

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 1900 633 059 Fax: (84 24) 3577 1741

Website : https://capitalsc.vn/

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Địa chỉ : Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024 38 373 666

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Trụ sở chính : A-TT5–3 Khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 024 73033668

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Phụ lục II: Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang ngày 29/04/2026.
- Phụ lục III: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025, BCTC bán niên năm 2026 đã soát xét và BCTC Quý 3/2026.
- Phục lục IV: Các tài liệu liên quan đến mục đích sử dụng vốn.

An Giang, ngày 23 tháng 10 năm 2026

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẶNG QUANG THÁI

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI TRỌNG DÂN

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIÊM KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HƯỜNG

Hà Nội., ngày 23. tháng 10 năm 2026

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ BA LÊ